

Ngô Tất Tố

# GIA ĐỊNH TỔNG TRẦN TẢ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT

góc nhìn  
sử Việt

# Table of Contents

[Lời giới thiệu](#)

[Quy cách biên tập](#)

[I - Trận máu lửa ở biển Thi Nai](#)

[II - Từ chức thái giám đến ngày thất thủ Gia Định lần thứ nhất](#)

[III - Ở Phú Quốc vào Gia Định, lại ở Gia Định ra Phú Quốc](#)

[IV - Vua tôi gặp nhau](#)

[V - Bước gian hiểm trên con đường Vân Dã - Thi Giang](#)

[VI - Ba năm ở Xiêm](#)

[VII - Dụ vào đạo quân Thần Sách](#)

[VIII - Giải vây thành Diên Khánh](#)

[IX - Trái núi trước mặt - Chén rượu trên bàn voi](#)

[X - Hạ thành Phú Xuân](#)

[XI - Đánh thành Quy Nhơn](#)

[XII - Kéo quân ra Bắc](#)

[XIII - Dẹp mọi Thạch Bích](#)

[XIV - Dừng lại ngôi vua Chân Lạp, đỡ dành nhân dân Gia Định](#)

[XV - Tổ cáo án Nguyễn Văn Thuyền](#)

[XVI - Kinh lược hạt Thanh, Nghệ](#)

[XVII - Coi đất Gia Định](#)

[XVIII - Ân điển của hai vua Gia Long, Minh Mạng đối với Duyệt và nhà Duyệt](#)

[XIX - Lời buộc án của triều Minh Mạng](#)

[XX - Dật sự](#)

[Tủ sách Alpha di sản - Góc nhìn sử Việt](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Lời giới thiệu

*Bạn đọc thân mến!*

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên **Góc nhìn sử Việt** với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay được hoàn thành vào năm 1937, trước khi nước nhà thống nhất nên có thể có một số thông tin không còn chính xác so với thời điểm hiện tại và những phát hiện mới của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Tuy nhiên trân trọng công sức của tác giả, chúng tôi tái bản cuốn sách này như một tài liệu tham khảo hữu ích cho bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu.

**Công ty CP Sách Alpha**

# Quy cách biên tập

Tủ sách “Góc nhìn sử Việt” ra đời, mục đích giới thiệu đến bạn đọc những tác phẩm hay, có giá trị, đồng thời góp phần bảo lưu gìn giữ những giá trị văn hóa của đất nước. Để thực hiện bộ sách này, chúng tôi tuân thủ một số quy cách sau:

1. Bảo toàn văn phong, nội dung nguyên gốc, từ ngữ mang đậm văn hóa vùng miền trong tác phẩm (trừ khẩu âm).
2. Biên tập đối chiếu trên bản gốc sưu tầm được và có ghi rõ tái bản trên bản năm nào.
3. Chú thích từ ngữ cổ, từ Hán Việt.
4. Tra cứu bổ sung thông tin: tiểu dẫn, tiểu sử, sự kiện, nhân vật, phụ lục (nếu cần thiết)...
5. Sửa lỗi chính tả trong bản gốc.
6. Giảm lược gạch nối từ ghép, khôi phục từ Việt hóa tiếng nước ngoài khi có đủ tài liệu tra cứu tin cậy (trừ trường hợp từ ngữ đó đã dịch thành thuần Việt).
7. Trường hợp thông tin lịch sử trong sách có sai lệch so với chính sử, chúng tôi sẽ chú thích hoặc đăng phụ lục ở cuối sách.
8. Một số hình ảnh trong sách gốc bị mờ, chất lượng kém... chúng tôi sẽ đăng bổ sung - thay thế các hình ảnh có nội dung tương tự, chất lượng tốt (nếu có).

Mong đón nhận những ý kiến đóng góp của độc giả, hỗ trợ chúng tôi hoàn thiện tủ sách này.

**Alpha Books**

# I - Trận máu lửa ở biển Thi Nại

**T**in cáo cấp của Võ Tánh ở Quy Nhơn vào đến Gia Định.

Chúa Nguyễn<sup>(1)</sup> tự mình đem các đại tướng và các đạo thủy binh, bộ binh, tượng binh kéo ra cứu viện.

Từ tháng Tư đến tháng Chạp năm Canh Thân (1800) hai bên đã giao chiến nhiều trận dữ dội, quân Nguyễn thắng trận luôn luôn mà vẫn không thể vào được nơi gần vòng vây. Vì quân Tây<sup>(2)</sup> vừa mạnh, vừa nhiều, cách cục sắp đặt lại rất chu đáo.

Mặt bộ, năm vạn bộ quân có voi, có ngựa, có đại bác, theo quyền điều khiển của Thiếu phó Trần Quang Diệu, ròng rã trong một năm, vừa vây thành, đánh thành, vừa phòng giữ các nơi hiểm yếu.

Tại miền Chí Lộ<sup>(3)</sup>, họ đắp lũy lũy dài hơn ngàn trượng chặn ngang phía Nam Quy Nhơn.

Những nơi Chú Sơn, Vân Sơn, Hoa Yên, Thị Dã, La Hai vân vân, họ lập hơn chín chục đồn, đồn nào cũng cực kỳ kiên cố.

Mặt thủy, Tư đồ Võ Văn Dũng thống lĩnh hai vạn thủy quân đóng giữa cửa biển Thi Nại (Quy Nhơn).

Đồn thủy, trại thủy la liệt khắp trên mặt nước.

Giáp trong cửa biển, ba chiếc thuyền lớn hiệu chữ “Định Quốc”, mỗi chiếc dài bằng mấy chục căn nhà, sắp hàng chữ “nhất —” chắn ngang mặt biển, giống như một dãy phố dài.

Kèm với những chiếc thuyền ấy, lại có mấy trăm chiến thuyền đóng liền với nhau, làm cho mặt biển phẳng như mặt đất.

Rồi đến những đoàn thuyền nhỏ lanh lẹ đi tuần ngoài khơi, bóng thuyền treo trên mặt khơi, phấp phới như lá tre ngày bão.

Hai bên tả hữu cửa biển, trên Cồn Nhạn cũng như trên núi Ba Tòa, đều có đồn quân đóng giữ, dinh trại ngổn ngang.

Những khẩu đại bác chòm chòm ngòi trước các đồn, hằng ngày nhòm xuống dưới biển, chỉ chục hơi có động dụng, tức thì chĩa cả ra biển mà bắn.

Quân Nguyễn lảng vảng ngoài biển năm, sáu tháng trời, đạo thủy vẫn chưa liên kết được với đạo bộ, ở giữa còn mắc nhiều đồn quân Tây.

Chúa Nguyễn đóng tại vịnh biển Cù Mông. Ngài rất sốt ruột trong mỗi khi nghe tin quân mình ra trận... và những lúc nghe bọn mật sai (thám tử) trình báo tình hình bên địch.

Chính mình chúa Nguyễn đã dẫn một đoàn chiến thuyền có nhiều đại tướng ủng hộ, đương đêm tự vũng Cù Mông vượt ra, chục lén vào đánh Thi Nại. Chẳng ngờ tới hòn Thổ Dũ lại bị gió Bắc thổi ngược, phải lùi trở về.<sup>(4)</sup>

Trông thấy quân địch đội ngũ nghiêm chỉnh, đồn ụ vững vàng, chúa Nguyễn đã phải thở dài và than:

“Trời chưa muốn diệt giặc Tây hay sao? Có sao cứ bắt lương tướng<sup>(5)</sup> của ta phải khổ mãi ở trong đó?”

Ngày rằm tháng Giêng năm Tân Dậu (1801), chiều trời bỗng thấy đổi khác.

Gió đông ào ào tự nẻo giữa khơi thổi vào trong rừng.

Mặt biển sóng nổi cuộn cuộn.

Trên trời mây kéo âm ầm.

Tối đến, gió càng mạnh, sóng càng dữ, mây càng phủ dày, mặt trăng chỉ còn ánh sáng mờ mờ chiếu xuống mặt biển.

Theo lệnh chúa Nguyễn, một đạo hơn vạn thủy quân do Nguyễn Văn Trương và Tống Phước Lương làm tiên phong, kèm có hơn trăm thuyền chiến và hơn hai chục thuyền nhỏ chất đầy cỏ khô tẩm nhựa trám, tự vũng Cù Mông kéo ra.

Hồi cuối canh ba, đội quân ấy vừa vượt đến miền Thổ Dữ.

Trong trại quân Tây, đèn đuốc sáng như sao sa.

Trên Cồn Nhạn và trên núi Ba Tòa, những cây đình liệu<sup>(6)</sup> lửa cháy bùng bùng, ánh sáng rọi khắp vùng cửa biển.

Tiếng trống cái, tiếng mõ cá cầm canh xen với tiếng hô của bọn quân sĩ đi tuần, rộn rịp điểm trong các trại.

Khoảng cuối canh tư, mặt trăng lui xuống phía sau đồi cây, mấy cây đình liệu lù mù sắp tắt, cửa biển đã tối sầm lại.

Đột nhiên trước núi Ba Tòa thấy có lửa bốc.

Chỉ trong giây lát, ngọn lửa lan khắp mấy chiếc mui bông, ánh sáng bốc lên rừng rực.

Tiếng kêu cháy, tiếng kêu cứu, tiếng kêu giặc đồng thời nổi lên ầm ầm.

Chiến thuyền ở các trại quân Tây lũ lượt đổ đến.

Dưới bóng lửa sáng, mấy chiếc thuyền của quân Nguyễn nhẹ như tên, nhanh như thoi dẹt cưỡi, thi nhau xông pha trong đoàn thuyền của quân Tây.

Nguyễn Văn Trương và Tống Phước Lương mỗi người cưỡi một chiếc thuyền vừa múa đao chém giết quân Tây, vừa hò hét quân mình phóng hỏa.

Thì ra trong khi ra đến Thổ Dữ, hai tướng bắt được chiếc thuyền quân Tây đi tuần, dò được khẩu hiệu của họ đêm ấy, nên mới lên vào tới đó mà quân Tây không hay. Đến khi lửa cháy, Đô đốc Trà lật đật cưỡi thuyền chống cự, liền bị Văn Trương chém chết.

Gió càng mạnh, lửa bốc càng to, quân Tây nhao nhao nhảy cả xuống biển.

Mấy phút sau, quân cứu kéo đến đông nghịt, một mặt đánh đắm những thuyền bị cháy cho ngọn lửa khỏi lan, một mặt ra sức đuổi giết quân Nguyễn.

Tiếng còi rúc, tiếng người reo, tiếng trống ngũ liên thúc rền, hòa với tiếng nước triều tự trong cửa sông đổ ra, mặt biển ồn ào như tiếng rền của một trận động đất.

Chừng nửa giờ Dần, ngọn lửa gần tắt, ánh sáng mặt trời tự góc biển đông chiếu lại.

Các thuyền quân Nguyễn đều bị hãm trong rừng thuyền quân Tây, Văn Trương và Phước Lương vẫn liều mạng đốc quân đánh chém.

Giáo mác đụng nhau chí chết.

Xác người theo những mảnh thuyền vỡ nổi trên mặt nước lênh phênh.

Sau đám quân Tây bồng có tiếng reo rầm rĩ.

Một đội chiến thuyền bên Nguyễn sầm sập từ nẻo Thổ Dữ bơi vào.

Tới gần cửa biển, đoàn thuyền ấy tức thì chia làm hai toán.

Một tướng trẻ tuổi tầm người thấp nhỏ, phất lá cờ đỏ, đốc một toán thuyền xông thẳng vào

trước Cồn Nhạn.

Một toán thuyền nữa theo hiệu cờ trắng của một tướng cao lớn, bơi tuốt tới trước núi Ba Tòa.

Quân Tây lập tức chia làm ba bọn.

Một bọn cứ vây đoàn thuyền của Văn Trương, Phước Lương, còn hai bọn quay ra chống nhau với hai toán thuyền mới đến.

Trống thúc inh ỏi.

Tù và thối như ếch kêu.

Cuộc giao chiến bắt đầu dữ dội.

Sang đầu giờ Mão, sương đã tan, trời đã sáng, đứng ở nẻo trong đã có thể nhận rõ mặt người nẻo ngoài.

Sau một tiếng thét dữ dội của Tư đồ Dũng, tiếp đến tiếng loa âm ọe của viên tướng Tây, mấy chục thần công đại bác, mấy trăm súng con ở trong Cồn Nhạn và trên núi Ba Tòa nhất tề phát lửa.

Hàng nghìn tiếng nổ đồng thời phát ra.

Mặt biển vang như trời long đất lở.

Khoảng nửa giờ Thìn, súng bắn càng dữ. Khắp vùng cửa biển, khói tỏa mịt mù, hơi thuốc bay ra khét lẹt. Trên biển đạn đi rào rào như trời đổ mưa.

Quân Nguyễn cứ liều chết xông vào.

Quân Tây vẫn ra sức đánh dấn.

Thế trận mỗi phút mỗi thêm kịch liệt.

Gần hết giờ Ty, mặt trời gần đến đỉnh đầu, gió dần dần yên, sóng dần dần êm.

Trống vẫn thúc, người vẫn reo, súng vẫn nổ, mặt biển vẫn âm âm như đổ cây nước.

Trong trận quân Nguyễn, lá cờ đỏ và lá cờ trắng vẫn bay rối rít, viên tướng thấp nhỏ và viên tướng cao lớn vẫn gầm hét đốc quân trèo thuyền tiến lên.

Thuyền đắm ùm ùm.

Người chết như rạ.

Sang giờ Ngọ, quân Tây chống cự càng rát, quân Nguyễn chết hại rất nhiều.

Thế trận bên Nguyễn đã thấy hơi núng.

Bỗng một tiếng quát to như tiếng sấm tự mạn Cồn Nhạn đưa ra, viên tướng thấp nhỏ nhảy lên phía trước. Nhanh như chong chóng, tướng ấy một tay phất cờ, một tay múa gươm vừa bắm chém quân Tây, vừa thúc giục quân mình vào đánh.

Lại một tiếng gầm dữ dội. Viên tướng cao lớn ở mặt Ba Tòa cũng tay kiếm tay cờ, xông lên đầu thuyền, đứng doãi hai chân đốc chiến.

Quân Tây không hề lui nhụt.

Gươm giáo trong các chiến thuyền đâm ra tua tủa.

Súng ở các ụ bắn xuống đùng đùng.

Những khẩu đại bác trong Cồn Nhạn và trên núi Ba Tòa vẫn nổ đoành đoành như tiếng sét.

Cuộc đâm chém kịch liệt trong nửa giờ. Đầu người rơi như thụy rụng. Xác người bổ ngựa bổ

nhào xuống biển lao nhao như một đám bồ cùi.

Chợt ở trước núi Ba Tòa, quân Tây cười reo ầm ầm.

Hòn đạn đại bác trên đồn Ba Tòa đã bắn nhắm đầu viên tướng cao lớn bên Nguyễn. Sọ đầu tan tành, tướng ấy nhào xuống sập (ván) thuyền, lá cờ và thanh kiếm trong tay rớt cả xuống biển.

Quân Nguyễn ở đó hoảng khiếp, luống cuống tranh nhau bỏ thuyền nọ chạy qua thuyền kia, đoàn thuyền trước trận trông tránh chực đắm, mặt biển dập dềnh như bị nghiêng lật.

- Quan Trung thủy bị đạn mất rồi!

Tiếng kêu hốt hoảng tự đám hữu quân truyền sang.

Viên tướng thấp nhỏ vội quay đầu lại, thì người bạn can đảm của mình đã nằm sóng sượt trên thuyền hai chân còn giẫy đành đạch.

Sắc mặt đỏ bừng như bị lửa châm, tướng ấy vừa hạ lệnh chém luôn mấy chục tên quân chạy lùi, vừa cầm đầu phát cờ, đốc thúc các thuyền xông vào trong rừng gươm đạn.

Hàng ngũ lại chỉnh, các đội quân Nguyễn lại nhất tề liều chết đánh lên.

Chừng nửa giờ Mùi, mặt trời đã xế, mặt trận vẫn kịch liệt như trước.

Trong hai đội quân Nguyễn, chợt nhô ra một tên tiểu sai:

- Trình quan Thống chế, có lệnh đức chúa ban ra.

Viên tướng thấp nhỏ đưa mắt nhìn lại.

Tên tiểu sai chìa ra một cái bài rồng và tiếp:

- Đức chúa được tin tướng sĩ bị hại nhiều quá. Ngài truyền quan lớn hãy lui quân về tạm lánh sự hung tợn của quân giặc!

- Ngươi về bẩm [\(7\)](#) với đức chúa, chết thì chết, ta quyết không lui!

Dứt lời, viên tướng thấp nhỏ xây mặt ra trước trận, cờ vẫn phất, gươm vẫn múa, miệng vẫn hò hét luôn luôn.

Quân Nguyễn lúc này hăng hái bội phần, quân Tây bị giết nhiều lắm. Tư đồ Dũng nóng ruột, bỏ ra mặt trận quát tháo rầm rĩ.

Một sập súng nổ liên thanh bất chí. Quân Nguyễn lại chết la liệt, xác người vẫn cả gập thuyền, một vùng nước biển vì nhiều máu người hòa lộn, màu xanh đã biến ra sắc đen sì.

- Trình quan Thống chế, đức chúa truyền quan lớn nên xót tướng sĩ, không nên đánh liều.

Tên tiểu sai vừa rồi lại cầm bài rồng đến nói với tướng thấp nhỏ.

- Nhất là tướng sĩ chết hết, ta chưa chết thì ta còn đánh. Ngươi về bẩm với đức chúa làm vậy.

Miệng tuy nói, lá cờ trong tay tướng ấy vẫn không dừng.

Mặt trời tà tà, trên biển nhuộm màu đỏ ối.

Khoảng đầu giờ Thân, gió đông lại bắt đầu nổi, sóng biển lại bắt đầu dồn dập.

Quân sĩ hai bên đều chết già nửa, mặt trận vẫn giáp lá cà.

Tên tiểu sai lúc nãy lại đến bên cạnh viên tướng thấp nhỏ với chiếc bài rồng cầm tay:

- Trình quan Thống chế, đức chúa truyền quan lớn rút quân lập tức.

Viên tướng thấp nhỏ chỉ thẳng ngọn cờ ra phía Ba Tòa:



- Việc đã đến vậy, ta phải liều chết đánh nhau, cứu lấy đội quân tiên phong ở trong đó<sup>(8)</sup>. Người về bẩm với đức chúa, xin ngài vững dạ chớ lo.

Rồi tướng ấy lại càng ráng sức thúc đánh.

Trời nhá nhem tối.

Đèn đuốc hai bên đốt lên sáng trưng.

Trong Cồn Nhạn, trên núi Ba Tòa, những cây đình liệu lại đồng thời bốc lửa.

Súng đã thừa bắn, đại bác cũng chưa nổ. Nhưng, trống thúc vẫn giã, tù và thổi vẫn dũ, tướng sĩ hai bên đâm chém vẫn hăng hái.

Sang giờ Dậu, gió đông càng to, sóng biển càng mạnh.

Một cái ám hiệu của viên tướng thấp nhỏ truyền cho thủy thủ. Hàng thuyền trước trận quân Nguyễn nhất tề lui xuống, hơn chục thuyền nhỏ, tức thì tiến lên mặt trận. Rồi ở lớp thuyền thứ hai, hơn chục bó đuốc đồng thời liệng vào lớp thuyền nhỏ đó.

Những chiếc thuyền ấy đều chất cỏ khô có tấm nhựa trám, lửa bén rất mau.

Trong chớp mắt, hơn chục chiếc thuyền cỏ hóa ra hơn chục gò lửa. Một lát sau, ngọn lửa kéo liền với nhau, trước trận quân Nguyễn, hiện ra một dãy thành lửa.

Gió đông thổi mạnh, bức thành lửa phăng phăng bạt qua mặt trận quân Tây. Chừng nửa phút, một đoàn chiến thuyền bên Tây đều bị cháy hết.

Quân Tây trốn tránh không kịp, nhảy xuống biển nhao nhao. Tư đồ Dũng tất tả đem tụi thần binh chạy tuốt lên đồn Cồn Nhạn.

Góc biển trước Cồn Nhạn khi ấy đã thành một trái núi lửa. Ngọn núi lửa bị gió thổi bạt, ngã lướt vào phía Cồn Nhạn.

Dinh trại trên Cồn Nhạn toàn là mái lá, cột cây, rất dễ bắt lửa. Chừng nửa khắc, nhà cửa đều bị thiêu, quân Tây chết cháy vô số. Tư đồ Dũng cầm đầu chạy miết vào miền Quy Nhơn với một toán tàn quân.

Quân Nguyễn ở ngoài thừa thế đánh dồn qua phía cửa biển.

Bấy giờ thủy đồn quân Tây ở cửa biển vẫn không bị cháy. Thống lĩnh Thành vẫn đứng trên thuyền Định Quốc đốc quân chống cự rất hăng<sup>(9)</sup>.

Góc trận đông nam bỗng có lửa bốc sáng rực.

Lại mười chiếc thuyền cỏ đốt lửa của quân Nguyễn xăm xăm trôi áp đoàn thuyền quân Tây. Gió thổi tới đâu, lửa lan tới đó.

Cũng như số phận các thuyền ở trước Cồn Nhạn, ba chiếc Định Quốc và những chiến thuyền ở đó đều bị làm mồi cho thần hỏa.

Mặt biển lại thêm mấy trăm quân Tây chết thui, Thống lĩnh Thành cũng nhảy xuống biển tự tử.

Trước núi Ba Tòa chợt có tiếng người hò reo.

Nguyễn Văn Trương và Tống Phước Lương đã đánh tan được vòng vây, kéo ra phía trước cửa biển. Giao chiến trong một đêm, một ngày, hai chục chiến thuyền của hai tướng chỉ còn được hơn mười chiếc.

Văn Trương, Phước Lương liền hợp lại với tướng thấp nhỏ đốc quân lên bộ phá đồn Ba Tòa. Quân Tây khiếp đảm bỏ cả dinh trại mà chạy.

Ba người sai một đội quân ở lại giữ đồn Ba Tòa, rồi cùng xuống thuyền cắt người vào vùng Cù Mông báo tin thắng trận.

Mặt Cồn Nhạn và miền cửa biển, bóng lửa vẫn sáng rực trời.

Khoảng cuối giờ Tuất, chúa Nguyễn cùng nhiều tướng sĩ cưỡi thuyền Thụy Phụng tự mạn Thổ Dữ tiến vào.

Gió đã ngớt, mây đã quang, vầng trăng vằng vặc trên mặt biển, đứng giáp bờ biển trông ra, có thể thấy rõ những đám xác người và ván thuyền vạt lộn với những sóng cả.

Sau khi cưỡi thuyền đi thăm mấy nơi chiến trận vừa rồi, chúa Nguyễn trở về thủy trại vỗ vai viên tướng thấp nhỏ, ngài mỉm cười:

- Trận này chẳng kém gì trận Xích Bích. Người thật là Chu Du của ta.

Rồi chúa Nguyễn cùng các tướng đem đại quân vào đóng trong cửa biển Thi Nai.

Bữa ấy là ngày 10 tháng Giêng năm Tân Dậu.

## II - Từ chức thái giám đến ngày thất thủ Gia Định lần thứ nhất

**T**rận đại chiến chép ở đoạn trên là trận võ công lớn nhất trong đời Gia Long.

Viên tướng cao lớn bị đạn đại bác chết tại trận là Võ Di Nguy.

Còn viên tướng thấp nhỏ hăng hái chơi với quân Tây tới cùng thì là Lê Văn Duyệt, tức Tá quân Duyệt, một người đã giúp vua Gia Long xoay lại thời cục nước nhà.

Duyệt sanh tại làng Nhị Bình xứ Ba Giồng (Rạch Gầm, trước là tỉnh Định Tường, sau thuộc về tỉnh Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang), nhưng tiên tổ thì vốn là người làng Bồ Đề, huyện Mộ Đức (nay thuộc về tỉnh Quảng Ngãi).

Trong hồi chúa Nguyễn Phúc Chu đánh được Chân Lạp, chiếm được xứ Mỹ Tho, đem dân Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quy Nhơn, Bình Thuận vào đó mở mang ruộng đất, ông nội Duyệt cũng theo đi, rồi sau sinh cơ lập nghiệp ở đó.

Cha Duyệt là Lê Văn Toại cũng vẫn chuyên nghề cày cấy, không có quan chức chi hết.

Ông đó sinh được bốn trai, Duyệt là con đầu.

Xưa nay những đấng anh hùng hào kiệt chép ở trong sách, phần nhiều là hạng mình cao bảy thước, lưng rộng mười gang, diện mạo rất hùng vĩ. Trái lại, Duyệt thì tầm người lùn nhỏ, mặt mũi không lấy gì làm khôi ngô. Vậy mà tinh nhanh, hăng tợn, có tài giỏi lại có sức khỏe. Tánh Duyệt rất ngang tàng, không ưa học văn, chỉ thích học võ.

Khoảng 14 hay 15 tuổi, Duyệt thường nói với bầu bạn.

“Sanh nhằm đời loạn, nếu không dựng nổi cờ trống đại tướng, đáng có công danh ghi vào sử sách, thì không phải là đấng tài trai”.<sup>(10)</sup>

Tánh ngang tàng ấy đã xui Duyệt không lo làm ăn, không thích đi lại với trai trẻ làng xóm, chỉ mãi vào rừng săn bắn.

Nhà Duyệt có nuôi hơn trăm chó săn, đều là giống chó to lớn và dữ tợn, nhưng Duyệt dạy dỗ rất có khuôn phép. Hễ Duyệt nạt lớn một tiếng thì con nào con ấy đều phải nem nép nằm im.

Chỗ Duyệt ở chỉ có mấy căn nhà lá. Căn giữa kê bộ ván ngựa, trên trải chiếu hoa và đặt một chiếc gối tựa. Trước bộ ván ngựa lại kê một chiếc ghế bành. Ngày nào Duyệt cũng lau chùi sạch sẽ, chính Duyệt không hề ghé dít vào đó và cũng không cho ai ngồi, từ cha mẹ cho đến những ông to lớn ở làng xóm. Nếu vô ý mà hạ men tới, thì Duyệt quả mắng dữ dội, người nào cãi lại sẽ bị đập đánh tức thì, có khi sẽ bị giết nữa.

Một bữa, Duyệt đem bày chó vào rừng săn, cha Duyệt cũng ra ruộng làm, ở nhà có mình mẹ Duyệt.

Thình lình chúa Nguyễn (vua Gia Long) đi với bốn viên quan hầu xông xộc tiến vào trong nhà.

Thấy ván ngựa có chiếu, có gối sẵn sàng, chúa Nguyễn liền ghé lên ngồi, còn những quan hầu thì ngồi ghế khác.

Mẹ Duyệt ở trong phòng lấy làm lo cho sự táo bạo của ông khách lạ, bèn chạy ra trước chúa Nguyễn năn nỉ:

- Thưa ông, xin mời ông qua ngồi ghế bên...

- Vậy thì chỗ này nhà mụ dành cho ai ngồi?

- Tôi cũng không biết. Từ thừa con tôi kê bộ ván đó, nó không cho ai ngồi hết, chính nó cũng không hề ngồi qua.

- Con mụ tên chi?

- Thừa, tên nó là Duyệt.

- Bây giờ nó đi đâu?

- Thừa, nó đi săn bắn ở đâu trong rừng. Lúc này nó cũng gần về. Ông ngồi đây mà nó ngó thấy, chắc là có sự lôi thôi...

- Không hề chi, mụ cứ để cho ta ngồi.

- Tôi nói thật đó. Nếu ông cứ ngồi chỗ này, con tôi về nó sẽ đánh ông...

- Bọn ta năm người cả thầy, một mình nó đánh làm sao đặng?

- Ủa, con tôi mạnh lắm. Cả làng đánh nó cũng không lại, huống chi năm người các ông... xin mời ông qua ghế khác mà ngồi.

- Được nó đánh thì ta chịu, không can chi tới mụ. Ta cứ ngồi đây để chờ nó về.

Rồi chúa Nguyễn tiên day mình lại, ngồi xếp bằng tròn ở giữa bộ ván.

Mẹ Duyệt ngăn hoài không được, tức bực lùi xuống nhà dưới.

Một lát sau, quả nhiên Duyệt về. Mọi lần khi gần tới nhà, bầy chó săn của Duyệt nhông nhao chạy xuôi, chạy ngược cùng vườn. Lần này khác hẳn, con nào con nấy coi bộ sợ sệt và đều cúi đầu đi vào trong sân. Duyệt rất lấy làm ngạc nhiên.

Bước vào trong nhà, ngó thấy chúa Nguyễn, Duyệt tuy chưa biết là ai, nhưng, tự nhiên có ý kính sợ, vội thụp xuống lạy.

Chúa Nguyễn đưa mắt ngó xuống:

- Mi có phải là tên Duyệt, con trai mụ chủ nhà này không?

- Thừa phải.

- Sao mi bây giờ lại không chịu lo lắng việc đời? Trai sanh thời loạn mà cứ để uổng thân danh trong đám cây cỏ?

- Thừa, tôi cũng muốn vậy, nhưng ở đây chẳng người nào có thể cùng mưu công việc, cho nên tôi phải nghe ngao non nước để đợi thời.

- Bây giờ chúng ta muốn kéo cờ khởi nghĩa, vì nước nhà mà đánh giặc Tây Sơn, trừ bọn họ Trịnh, mi chịu theo chăng?

- Tôi chịu lắm.

- Vậy thì trong năm người này, mi ưng theo ai?

Duyệt liền đứng dậy nắm tay chúa Nguyễn:

- Tôi ưng theo ngài.

Cả nhà cười rộ, rồi mới kể rõ lai lịch cho Duyệt nghe. Khi đã biết ông khách ngồi đó chính là chúa Nguyễn, thì Duyệt mừng rỡ vô hạn.

Chiều đó, sau khi đã làm cơm thết chúa Nguyễn và các quan hầu xong rồi, Duyệt bèn nói rõ công việc cho mẹ hay, rồi từ giã mẹ, theo chúa Nguyễn lên Gia Định.

Trở lên là lời của dã sử chép theo những tin tức truyền.

Sự thực thì Duyệt gặp chúa Nguyễn chỉ vì cái tướng ẩn cung<sup>(11)</sup> mà trời đã phú cho Duyệt.

Năm ấy là năm Canh Tý (1780), chúa Nguyễn mới nối ngôi chúa ở Gia Định và mới lấy con gái Tổng Phúc Khuông làm vợ. Cố nhiên, cũng như các vua chúa khác, ngài phải cần đến hoạn quan để trông coi trong nội đình.

Bởi Duyệt ẩn cung, cho nên được kén làm chức Thái giám.

Một người ngang tàng như Duyệt mà bị nhốt vào với bọn quan thị, đêm ngày châu chực mấy người đàn bà, đâu có phải là sở nguyện của Duyệt? Tuy vậy, Duyệt cũng lãnh nhận, vì nó là bước mở đầu để Duyệt ra đời.

Hồi ấy Duyệt mới 17 tuổi, mà rất lanh lợi, công việc nội đình rất thạo, chúa Nguyễn có ý khen ngợi, thăng cho lên chức Thuộc nội cai đội, coi hai đội Thuộc nội.

Thuộc nội là đạo quân thường ở chung quanh cung quển và chúa Nguyễn, vô sự thì hầu hạ, canh phòng, lâm trận thì phải tranh chiến để hộ vệ cho những người ấy. Vì vậy, từ khi thiên qua Thuộc nội, Duyệt càng gần chúa Nguyễn luôn luôn.

Thời cục nước nhà khi ấy thật là sôi như vạc dầu.

Ngoài Bắc, Trịnh Sâm vẫn lấn át vua Lê, triều đình mỗi ngày mỗi mất kỷ cương. Bọn lính Tam phủ vẫn cây công, cây thế, luôn luôn đốt nhà giết người. Các nơi thôn quê, giặc cướp nổi lên như ong, đầu chỉ trông cho có loạn.

Khoảng giữa, Nguyễn Nhạc đã chiếm hết giang sơn cũ của họ Nguyễn (từ Nghệ An đến Phan Thiết), tự lập mình làm hoàng đế, lấy niên hiệu là Thái Đức. Thế lực Tây Sơn đã càng ngày càng mạnh, lại có Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ và bọn Thái bảo Tham, Thái úy Hưng, Phụ mã Đa và nhiều tay đại tướng khác đồng tâm hiệp lực, chỉ lăm le nuốt gọn từ Bắc đến Nam.

Còn ở trong Nam, chúa Nguyễn - sau khi thất thủ Sài Gòn, xiêu bạt ra đảo Phú Quốc - tuy nhờ có bọn Đỗ Thanh Nhơn kéo quân Đông Sơn lấy lại Sài Gòn mà rước ngài về làm chúa, nhưng binh lực vẫn còn đần nhược<sup>(12)</sup>. Ngài làm chúa đã hơn một năm, mà số quân thủy bộ ở các dinh trong ngoài mới có chưa đầy ba vạn và tám chục chiếc thuyền hải đạo lớn, ba chiếc chiến thuyền, hai chiếc tàu Tây<sup>(13)</sup>. Tướng tá thì ngoài Đỗ Thanh Nhơn, chỉ có bọn Hồ Văn Lân, Dương Công Trừng, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Kim Phẩm, Lê Văn Quân và mấy ông tôn thất, tất cả độ vài chục người mà thôi.

Vậy mà chúa Nguyễn vẫn không quên sự báo thù, đêm ngày lo lấy lại cơ nghiệp của tiên tổ.

Cái buổi quân hùng đua đuổi, vận nước rối ren như vậy, chính là dịp rất tốt cho bọn hào kiệt ra sức vẫy vùng, chỉ vì Duyệt quan nhỏ, ngôi thấp, thủ hạ không có bao nhiêu, mà lại là quân Thuộc nội, cho nên sự tiến thân hãy còn chật vật.

Sau đó một năm, Đỗ Thanh Nhơn vì đối với chúa Nguyễn không chịu giữ lễ, chúa Nguyễn đánh lừa vào cung, sai người bắt giết. Thủ hạ Thanh Nhơn có ý căm hờn, họ bèn kéo về Ba Giồng ăn cướp. Các tướng thấy vậy, nhiều người nản lòng.

Tin đó ra đến Quy Nhơn, vua Tây Sơn báo với quần thần:

- Đỗ Thanh Nhơn chết rồi. Các tướng Gia Định không còn người đáng đếm xỉa nữa... Nguyễn Ánh giết Đỗ Thanh Nhơn, tức là tự mình chặt cánh tay phải của mình. Số va đã tới ngày chết<sup>(14)</sup>.

Rồi vua Tây Sơn thống lãnh hai trăm chiến thuyền, một vạn quân thủy bộ, vượt biển vào đánh chúa Nguyễn. Cùng đi theo ngài, có Phụ chánh Huệ (Nguyễn Huệ), Phụ mã Đa, Thái bảo Tham, Thái úy Hưng, Đô đốc Học và nhiều tướng khác.

Tháng Năm năm ấy (Nhâm Dần), đại đội quân Tây vào đến cửa biển Cần Giờ, thanh thế rất mạnh.

Giữa lúc tin cáo cấp báo đến chúa Nguyễn, Duyệt cũng đứng hầu bên cạnh. Tức khắc chúa

Nguyễn sai Duyệt sắm sửa đồ đạc cùng Trung thủy Dĩnh lấy mấy chiếc thuyền đưa vương mẫu, vương phi xuống Ba Giồng tạm lánh, một mặt tự mình dự bị chiến thuyền kéo ra cứu viện, một mặt hạ lệnh cho Chương cơ Thiêm, Chương cơ Lộc và Cai cơ Man Hòe (Manuel) đem một đội chiến thuyền, một chiếc tàu Tây và năm nghìn thủy binh bày trận ở cửa sông Ngã Bảy ngăn cản quân địch<sup>(15)</sup>.

Bữa ấy nhằm ngày mồng mười. Trời mới sáng rõ, gió đông nam nổi lên ùng ùng.

Thuyền bè quân Tây thuận buồm xuôi gió tự ngoài cửa biển tiến vào nhanh như ngựa chạy. Phụ chính Huệ và Đô đốc Học, Thái bảo Tham mỗi người cưỡi một chiếc thuyền đốc chiến.

Bên này Chương cơ Lộc, Chương cơ Thiêm và Cai cơ Man Hòe cùng ở mặt trận cầm quân.

Một trận bắn chém dữ dội. Bên Nguyễn chiến thuyền bị đắm gần hết, quân sĩ chết xuống biển đến hai phần ba.

Với một đoàn thuyền và một toán thủy quân hộ vệ, Chương cơ Lộc và Chương cơ Thiêm theo ngược dòng sông chạy lùi.

Mặt trận còn trơ một chiếc tàu Tây do Man Hòe chỉ huy.

Quân Tây vây kín chung quanh như quân đèn cù.

Với hơn trăm quân và một khẩu đại bác, thầy cai Tây dương ra sức chống lại bên địch.

Giao chiến khoảng nửa giờ nữa, chiếc tàu Tây lùi lại tiến, tiến lại lùi, tiếng đại bác vẫn đoành đoành nổ. Quân Tây nhiều người bị đạn.

Bỗng ngoài hàng thuyền Tây có ngọn khói bốc.

Hàng nghìn bó đuốc có lửa đồng thời liệng lên tàu của Man Hòe. Tức thì trên tàu lửa cháy ùng ùng.

Thầy cai Tây dương đã vì chúa Nguyễn mà thiêu mình với hơn trăm thủy quân.

Thừa thắng, quân Tây kéo thẳng vào đánh Gia Định.

Chúa Nguyễn từ lúc nghe tin bại trận, đã tức khắc đem một đoàn binh thuyền cùng bọn Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Kim Phẩm... kéo ra tiếp ứng. Tới sông Ngã ba vừa gặp quân Tây áp đến. Chúa Nguyễn mặc áo dày, đội nón trận, đứng trên đầu thuyền phất cờ đốc quân.

Quân Nguyễn đánh rất hăng gấp, nhưng vẫn không thể địch lại với oai thẳng trận của quân Tây. Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Kim Phẩm ra sức chém giết, quân Tây vẫn hùng dũng theo hiệu trống trận lẫn xả vào áp mặt trận quân Nguyễn.

Chiến thuyền bên Nguyễn đều do kiểu thuyền của Đỗ Thanh Nhơn chế ra, mỗi chiếc đều có hai tầng. Tầng trên để chiến binh đứng, bốn bề bỏ trống. Thủy thủ nấp ở tầng dưới, chung quanh đều có phen giậu che chắn kín như cái buồng, gươm giáo bên địch ít khi vào tới. Nhờ vậy, thủy thủ ít chết mà thủy binh thì bị thương bị chém rất nhiều.

Thế trận núng quá. Chúa Nguyễn truyền quân chèo thuyền chạy lui.

Một viên đạn tự bên quân Tây bắn sang, nhằm giữa cây cột trong chiếc thuyền của chúa Nguyễn đứng, cây cột gãy khập, tầng trên thuyền ấy lún hẳn một góc, quân sĩ trên thuyền đều sợ tái mặt.

Quân Tây càng ra sức đuổi dân.

Khẩu súng bắn chim trong tay đã nạp đạn sẵn, chúa Nguyễn tức thì quay sang quân Tây bắn luôn mấy phát.

Súng ấy vốn của người Tây tặng cho chúa Nguyễn, bắn bằng hạt kíp, mau nổ hơn súng bắn bằng bông mai của người mình, chúa Nguyễn lại rất giỏi bắn, mỗi viên đạn phải có một người bị thương. Quân Tây thấy vậy cũng sợ, không dám đuổi gấp như trước.



Quân Nguyễn vừa đánh vừa chạy, gần tối thì về đến Ngưu Chử. Bấy giờ Chương cơ Lộc, Chương cơ Thiêm và toán bại binh cũng về tới nơi. Thuyền vừa đóng bến, phía hạ lưu đã thấy bóng lửa lấp ló, trống thúc người reo ầm ầm. Một lát sau, đại đội quân Tây đã kéo ập tới.

Lại một trận xô xát kịch liệt, quân Nguyễn thiệt hại quá nửa. Chúa Nguyễn phải bỏ Ngưu Chử, rút quân vào thành Gia Định.

Theo lệnh chúa Nguyễn, Chương cơ Lộc, Chương cơ Thiêm, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Kim Phẩm mỗi người lãnh một toán quân đóng ở ngoài thành phòng bị quân địch đến đánh.

Sáng mai, quân Tây ở Ngưu Chử kéo lên đông như kiến cỏ. Đánh nhau luôn mấy trận, quân Nguyễn đều bị thua. Chúa Nguyễn liệu chừng thành Gia Định không thể giữ, đêm ấy, ngài để Chương cơ Thiêm và Chương cơ Lộc thu thập tàn quân đi sau. Tự mình và các tướng tá, lửa lúc trời tối, đem tụi thân binh cật lên xuống thuyền ấy chạy tuốt về miệt Ba Giồng.

Lúc ấy Duyệt và Trung thủy Định đã đưa vương mẫu, vương phi và gia quyến chúa Nguyễn đến Ba Giồng từ hôm trước rồi. Nghe tin chúa Nguyễn mới tới. Duyệt liền dẫn mấy tên lính Thuộc nội ra đón vào trại. Mẹ con, vợ chồng gặp nhau, ai nấy mừng mừng tủi tủi, vừa nói chuyện vừa ứa nước mắt. Thấy Duyệt hộ vệ cung quyến một cách cẩn thận, chúa Nguyễn cũng yên lòng trong khi mình phải xông pha tên đạn.

Ở đó năm sáu ngày, chúa Nguyễn mong hoài không thấy Chương cơ Thiêm và Chương cơ Lộc. Thì ra hai tướng đã bị dư đảng của cánh Đông Sơn (cánh Đỗ Thanh Nhơn) đón bắt và giết chết ở giữa đường rồi.

Cách vài bữa sau, tướng sĩ các nơi lục tục tìm đến, rồi bọn Tôn Thất Du, Trần Xuân Trạch, Trần Văn Thuận ở Bình Thuận cũng đều đem quân vào cứu, quân thế lại mạnh.

Chợt có tin báo quân Tây đã sắp đến đánh. Chúa Nguyễn sợ rằng Ba Giồng không phải là chỗ dụng võ, liền sai Duyệt cùng Dính đưa cung quyến chạy trước về miệt Gò Lã, rồi ngài và các tướng dẫn binh thuyền đi sau.

Nguyễn Kim Phẩm và Nguyễn Huỳnh Đức liền đem quân đắp ụ hai bên bờ sông, phỏng khi quân địch đuổi đến, thì nấp ở đó mà đánh.

Quả nhiên ụ đắp vừa xong, Đô đốc Học vừa dẫn một đội chiến thuyền ập đến.

Chúa Nguyễn đương ở trong trại, nghe tin phi báo, ngài liền chống ngược thanh gươm đứng phắt dậy ra luôn đầu thuyền đốc chiến.

Giữa lúc hai bên đâm chém lộn bậy, Kim Phẩm, Huỳnh Đức nấp ở hai bên ụ đất, đột nhiên kéo quân đánh vào hai phía tả hữu quân Tây. Đô đốc Học vì bất ngờ bị Kim Phẩm chém chết tại trận. Quân Tây khiếp đảm tranh nhau trèo thuyền chạy trốn, bỏ lại trên sông hơn ba chục chiếc thuyền và vô số khí giới.

Chúa Nguyễn và các tướng đốc quân đuổi theo đến dinh Trấn Định. Trời vừa tối, ngài liền truyền lệnh đóng quân lại đó, rồi sai người về Gò Lã bảo Duyệt hộ tống cung quyến lên đó cho khỏi lo ngại.

Đêm ấy, Duyệt và Trung thủy Dính vừa đưa cung quyến tới dinh Trấn Định. Sáng mai, chúa Nguyễn dặn Duyệt ở lại trông nom mẹ và vợ con mình, giao cho Lưu thủ Thăng, Tiên phong Túy lãnh quân giữ dinh Trấn Định. Rồi chúa Nguyễn cùng bọn Huỳnh Đức, Kim Phẩm kéo quân tiến lên. Tới sông Ngã Tư, vừa gặp đại binh của Phụ chánh Huệ tràn xuống.

Cổ nhiên sức quân ô hợp của chúa Nguyễn không thể địch với hùng oai của con hùm thiêng Tây Sơn. Giao chiến được mấy khắc, quân Nguyễn chết la chết liệt, chúa Nguyễn phải dẫn bại binh về giữ Lật Giang.

Giữa lúc nguy cấp, may có Lưu thủ Thăng, Tiên phong Túy tự dinh Trấn Định đem một đoàn chiến thuyền lại cứu. Duyệt cũng hộ vệ cung quyến cùng đi trong đoàn thuyền ấy. Các tướng đón được chúa Nguyễn chạy về Hậu Giang.

Lại có tin báo quân Tây sắp đến.

Chúa Nguyễn liền sai Nguyễn Hữu Thụy, Trần Xuân Trạch và Cai cơ Cao Phúc Trí đi qua nước Chân Lạp sang nước Xiêm La cầu cứu, rồi ngài cùng các tướng chạy xuống Rạch Giá.

Lúc này nước Chân Lạp đã theo về Tây Sơn. Nghe tin bọn Nguyễn Hữu Thụy đi qua, họ liền bắt giết ba người, rồi đem ba chục chiếc thuyền đuổi theo chúa Nguyễn.

Tình hình phen này mới gấp. Chúa Nguyễn không kịp nghĩ đến gia quyến. Ngài cùng mấy viên tướng tá chạy tuốt ra miệt Hà Tiên, chờ đến đêm tối, cưỡi chiếc thuyền nhỏ vượt biển trốn ra đảo Phú Quốc.

Khi ấy gia quyến chúa Nguyễn vẫn lẫn lút ở miền Rạch Giá, nhờ có Duyệt rất khéo che chở, cho nên không hề xảy ra chuyện gì.

Mấy bữa sau, tình cờ gặp Tiên phong Túy, biết tin chúa Nguyễn đã ở Phú Quốc, Duyệt và Túy bèn đưa cung quyến ra đó.

Thế là cả vùng Gia Định<sup>(16)</sup> đều thuộc về Tây Sơn.



# III - Ở Phú Quốc vào Gia Định, lại ở Gia Định ra Phú Quốc

**P**hú Quốc là hòn đảo lớn nhất trong đám cù lao ở phía Tây Nam huyện Hà Châu (thuộc tỉnh Hà Tiên).

Từ huyện Hà Châu đi thuyền ra đó, một ngày một đêm thì tới.

Nếu làm địa lý, người ta có thể nhận nó là cái bút hay cái án của địa hạt Hà Tiên, vì những ngọn đảo trọc chọc trời hết thấy châu về phương Bắc.

Thân đảo khá rộng, tự Đông sang Tây cách nhau chừng hai trăm dặm.

Sườn đảo toàn là rừng rậm, dây mây, dây song, các thứ gỗ quý rất nhiều.

Chân đảo, xen trong những đám cát sỏi, thỉnh thoảng gặp khu đất bằng, có thể trồng cấy những giống: dưa, đậu, khoai củ, lúa tám thơm, lúa tám đỏ.

Hình như trời cũng dành riêng chỗ đó để nuôi những kẻ đã cố công vượt biển ra khơi, đi tìm sự sống. Vào đó, nếu không muốn làm nghề đánh cá, lấy yến sào, mò bắt đồi mồi, hải sâm, họ cũng có thể lên rừng mà săn bắn hươu, nai, lợn rừng, tìm kiếm trầm, quế và long diên hương. Nhất là những cục hổ phách màu huyền, bóng nhoáng như màu sơn đen, lại là thổ sản đặc biệt của đảo ấy. Thứ sản vật ấy, cục lớn dùng chế hộp trầu hoặc chén hay đĩa, cục nhỏ thì làm những chuỗi tràng hạt, người ta vẫn coi nó là thứ bảo ngọc quý vô cùng.

Cư dân không đông, song cũng ở thành làng xóm.

Trong những túp lều tranh lúp xúp úp ven biển hay là nấp trên sườn đồi, cuộc sinh hoạt thật thái bình vô sự. Bởi vì, cái thế giới côn con ấy tuy đủ cả lâm sản và hải vị, sơn hào, nhưng nó không có hùm beo, không có luôn cả quan lại, trộm cướp<sup>(17)</sup>.

Chúa Nguyễn ra đó vài ngày thì Duyệt và Trung thủy Dĩnh cũng đưa cung quyến đến nơi.

Sau khi đã cùng vương mẫu và vương phi, nói qua những chuyện hàn huyên, chúa Nguyễn rất khen Duyệt về cái công bảo toàn gia quyến.

Bấy giờ vua, tôi, thầy tớ tất cả độ vài trăm người. Một ít người ở lại Bến Dương, cái bến rất ít sóng gió, coi các thuyền bè. Duyệt và các tướng đều theo chúa Nguyễn lên ở phía Nam đảo.

Nhà cửa ở các làng xóm thổ dân, không đủ chỗ chứa một số người khá lớn, tuy số người ấy chỉ có vài trăm, Duyệt và các tướng phải đưa quân vào rừng chặt cây lấy lá, cất thêm một dãy nhà nữa, để cung quyến chúa Nguyễn ở.

Khi ấy là đầu tháng Năm, cái mùa mưa dữ, nắng cũng dữ. Lúc nắng, hơi nước biển đưa lên nóng như chỗ xôi, lúc mưa nước trên đồi chảy xuống tràn khắp nền nhà, mái nhà thì dột lổng tống.

Gặp cảnh ấy, vương mẫu vương phi rầu rầu tỏ ý khó chịu. Duyệt hết sức tìm lời yên ủi, để cho các ngài khuây buồn.

Có khi thiếu hết thức ăn hay đồ dùng, Duyệt phải tự mình vào các thôn xóm thổ dân tìm kiếm.

Chừng như họ thèm vua chúa đã lâu, cho nên đối với chúa Nguyễn và hai bà phi, thổ dân rất có cảm tình. Ngoài sự cung đốn vật liệu lương thực cho các ngài và quân sĩ ăn dùng, thổ dân còn cắt nhau vào miệt Hà Tiên, Rạch Giá, vì chúa Nguyễn mà do thám tình hình quân Tây<sup>(18)</sup>.

Theo lời phi báo của bọn đó, Nguyễn Nhạc và Phụ chánh Huệ đã rút quân về Quy Nhơn từ

c cuối tháng Năm, giao cho Đỗ Nhân Trập và Hộ bộ Bá lãnh ba nghìn quân đóng ở Ngưu Chử giữ đất Gia Định.

Chúa Nguyễn có ý mừng.

Cách ít ngày nữa, lại có tin báo Hồ Văn Lân đã thu hợp dư đảng đánh quân Tây lấy được Long Hồ, và đương tiến quân lên phá Lật Giang.

Chúa Nguyễn tỏ ý vui vẻ, tức thì sai Duyệt nói cho vương mẫu và vương phi đều biết.

Sang tháng Tám, tuy còn nóng, nhưng đã ít mưa, trên biển trời trong như lọc.

Bữa đó, Duyệt và chúa Nguyễn đem mấy tên quân ra ngồi bờ biển hóng mát.

Trông những làn mây xanh ngắt phủ trên bóng núi mập mờ, chúa Nguyễn cũng như Duyệt, nghĩ đến giang sơn cố quốc, ai nấy đều ra bộ lo buồn.

Trên lớp sóng màu lam đuối nhau giữa khơi, một cánh buồm trắng đưa chiếc thuyền nhỏ vào thẳng Bến Dương.

Mấy tên tiểu sai cầm thuyền rồi cùng lên bến, nét mặt đều có vẻ ngơ ngác.

Duyệt vội đứng ra thét hỏi đi đâu, bọn đó xưng là thủ hạ của đại tướng Châu Văn Tiếp, vào đảo tìm kiếm đức chúa.

Sau khi đã bị dẫn đến trước mặt chúa Nguyễn, bọn đó đệ trình bức thư của Châu Văn Tiếp sai họ đem dâng.

Thì ra Tiếp và Tôn Thất Cốc đã cùng bọn Phạm Văn Sĩ, Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thuận... kéo quân đánh Đỗ Nhân Trập lấy lại được thành Sài Gòn.

Trong thư đại để Tiếp nói về tin thắng trận, rồi mới chúa Nguyễn trở về Sài Gòn, Tiếp và các tướng hiện đã đem quân chờ đó.

Xem rồi, chúa Nguyễn mừng rỡ vô hạn. Tức thì ngài cùng Duyệt về trại, nói cho vương mẫu và vương phi biết rõ đầu đuôi. Rồi ngài hạ lệnh cho bộ hạ thu xếp thuyền bè, luôn bữa đó trèo thuyền vào Cà Mau.

Lần này cung quyền do Trung thủy Dĩnh hộ vệ, Duyệt đi luôn với chúa Nguyễn.

Hai đêm hai ngày, thuyền vào đến sông Ngã Tư thì gặp quân sĩ của Tiếp ra đón. Trông thấy chúa Nguyễn, Tiếp cúi rạp ở phía tả đường đi, hai hàng nước mắt rung rung:

- Không ngờ ngày nay lại được ngó thấy chúa thượng, đó là phúc của xã tắc.

Cảm động, chúa Nguyễn sai Duyệt ra nâng Tiếp dậy. Ngài an ủi Tiếp và các tướng sĩ một hồi, rồi cùng tiến vào Gia Định.

Bữa sau, chúa Nguyễn phong Tiếp làm Ngoại tả chưởng doanh. Tôn Thất Cốc làm Ngoại chi chưởng doanh, Duyệt và các tướng cũng đều được thăng thưởng.

Sau khi đã phái mỗi tướng đi giữ mỗi nơi, chúa Nguyễn lại sai Trung thủy Cai cơ Võ Di Ngụy, Tiền thủy Cai cơ Trương Phúc Dĩnh ai nấy về quê thu thập thủy binh ngạch cũ và đóng thêm một ít chiến thuyền.

Rồi đó tướng tá ngày trước lại dần dần tìm đến, binh thế đã có cơ phần khởi.

Chợt có mật sai ở Quy Nhơn về báo rằng quân Tây sắp sửa vào đánh, họ đương dự bị thuyền bè khí giới. Chúa Nguyễn tức thì cho đòi các tướng vào dinh bàn cách đối phó. Rồi ngài hạ lệnh: Đắp hai ngọn đồn ở hai bên sông Gia Định, giao cho Tôn Thất Mân giữ đồn Giác Ngưu ở phía Bắc, Dương Công Trừng giữ đồn Thảo Giang ở phía Nam. Giữa sông bắc dịp cầu tre cho tiện đi lại. Bao nhiêu thuyền bè đóng đồn vào cả lòng sông. Trước trại Tôn Thất Cốc và Châu Văn Tiếp đặt một con rồng bằng cỏ, phòng khi dùng để đốt lửa. Giám quân Tô coi các thuyền dùng về việc hỏa công, hễ quân địch đến thì phải phóng hỏa những thuyền ấy thả cho trôi xuống bình

thuyền của giặc.

Quả nhiên tháng Hai năm sau, một đạo hơn trăm chiến thuyền do Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ thống lĩnh từ Quy Nhơn vượt thẳng vào cửa biển Cần Giờ, rồi theo dòng sông lên đánh Gia Định. Tư khấu Kim thúc quân phá đồn Giác Ngư, Đô đốc Kế thì dẫn quân đánh tuốt vào đông Thảo Giang.

Mật kế đã định từ trước, Lưu thủ Thăng và Tiên phong Túy đem quân chống cự chờn vờn, nhử cho quân Tây vào tận giữa trận.

Một tiếng súng nổ dữ dội. Những thuyền chứa cỏ do Giám quân Tô cai quản nhất tề đốt lửa bùng bùng. Quân Nguyễn hò reo vang trời động đất.

Chúa Nguyễn và Duyệt dẫn một đội quân Thuộc nội ra đứng bờ sông chờ coi quân Tây bị thiêu.

Bồng ở lòng sông, nước triều dâng lên âm âm, tiếp đến cơn giông bùng bùng tự mặt Đông Bắc đưa lại.

Những thuyền đốt lửa đều trôi ngược về mặt trận bên Nguyễn. Thuyền bè cháy hết, quân Nguyễn nhao nhao nhảy xuống sông.

Quân Tây thừa thế đánh dấn, Tôn Thất Mân bỏ đồn Giác Ngư chạy qua cầu tre, chực sang bên này. Vừa tới giữa sông, cầu tre bị quân Tây chặt gãy, Mân té xuống sông, chết đuối. Ở đồn Thảo Giang, Dương Công Trừng chống cự không lại, bị Đô đốc Kế bắt sống.

Quân Tây kéo ồ lên bộ, đánh phá khắp các dinh trại trên bờ sông, quân Nguyễn chết như dạ, Tôn Thất Cốc, Châu Văn Tiếp, mỗi người dẫn một toán quân chạy đi mọi ngả.

Lúc ấy chúa Nguyễn vẫn quanh quẩn trong đám loạn quân, chỉ có Duyệt và mấy chục quân Thuộc nội đi theo, còn các tướng sĩ đều bỏ chạy ráo.

Nhờ có Duyệt hết sức che chở, chúa Nguyễn ra được khỏi đất Gia Định, mặt sau vừa có một toán quân Tây Sơn sầm sập đuổi theo.

Để chúa Nguyễn và bọn quân Thuộc nội chạy trước, Duyệt đem mấy tên thủ hạ đón đánh quân địch.

Liều mạng, Duyệt chém một lượt tới năm, sáu người, quân Tây vẫn không chịu lui. May sao Nguyễn Kim Phẩm, Nguyễn Huỳnh Đức vừa dẫn một toán quân đến. Hai người ra sức đánh tan đám quân Tây ấy, rồi cùng ráng theo cho kịp chúa Nguyễn. Đi độ hai dặm, vua tôi mới lại gặp nhau.

Lúc ấy, bộ hạ chúa Nguyễn, ngoài Duyệt, Phẩm, Đức, chỉ có vài, ba tướng nữa và gần trăm quân.

Trời đã tối, gió Đông Bắc lại càng thổi già, trên đường cát bụi bốc lên mù mịt.

Với mấy chục quân tàn, Duyệt và mấy tướng hộ vệ chúa Nguyễn lần đường chạy về Ba Giồng.

Lần này là lần thứ hai, giang sơn Ba Giồng được chứa những ông chiến tướng bại trận.

Bây giờ mới sực nhớ đến vương mẫu, vương phi. Chúa Nguyễn gan ruột bồn chồn, liền sai Duyệt và Phẩm đem mấy tên quân lẻ đi các ngả tìm kiếm.

Đội luôn hai ngày không thấy tin tức, chúa Nguyễn càng lo, không biết mẹ và vợ còn mất thế nào.

Đến ngày thứ ba, trời vừa sáng, Duyệt, Phẩm và Trung thủy Dĩnh cùng mấy viên nội giám vừa đưa cung quyến vào dinh. Thấy bóng vương mẫu và vương phi, chúa Nguyễn sung sướng hiện ra sắc mặt, tuy rằng khi ấy ngài đang ở cảnh bồn ba.

Rồi mấy bữa sau, các tướng bị lạc hôm trước, hay tin chúa Nguyễn ở đó, họ đều đem quân lại hợp.

Trong khoảng nửa tháng, số quân lên vài ngàn.

Tướng chừng binh lực đã đủ, chúa Nguyễn muốn quyết một phen sống mái với kẻ thù. Ngài bèn sai Trung thủy Dĩnh đem một toán quân thuộc nội đưa cung quyến chạy ra Mỹ Tho, cho khỏi lo ngại trong lúc chiến tranh. Rồi ngài chia quân ra làm ba cánh, sai Nguyễn Kim Phẩm làm tiên phong. Nguyễn Huỳnh Đức làm hậu ứng, ngài cùng Tôn Thất Dụ, Nguyễn Đình Thuyền coi cánh trung quân, Duyệt và Đội trưởng Nguyễn Văn Khiêm đem vài chục tên quân hộ giá.

Hai mươi tháng Tư, đại quân tiến lên đóng đồn ở xứ Đồng Tuyên.

Chợt thấy trước mặt bụi bay mù mịt, chúa Nguyễn giục các tướng đem quân bày trận.

Một lát sau, quân Tây kéo đến đen một góc trời. Phụ chánh Huệ và Phụ mã Đa cười voi cầm cờ, xông pha mặt trận đốc chiến.

Hồi trống ngũ liên chưa dứt, voi ngựa bên Tây xông bừa mặt trận quân Nguyễn, quân Tây hò hét theo sau.

Hỗn chiến chưa đầy một giờ, quân Nguyễn bị giết, bị thương gần hết, những kẻ sống sót tranh nhau chạy tháo lầy thân.

Duyệt và Khiêm chỉ còn vài chục thủ hạ, hai người vừa hộ vệ chúa Nguyễn, vừa ra sức đánh chém quân Tây mở lấy đường chạy.

Lăn lộn lối hơn một giờ mới ra được khỏi vạ, ngoảnh lại bỗng mất chúa Nguyễn. Hai người cuống quýt, lại múa đao xông vào trong trận.

Đao múa tới đâu, quân Tây đầu rơi tới đó. Lùng khắp trong trận, chỉ thấy xác người nằm chồng lên nhau, máu chảy lầy cả mặt đất, không thấy chúa Nguyễn đâu hết.

Hai người lại soán với nhau, đánh tuốt trở ra.

Vẫn không thấy chúa Nguyễn.

Ngó đến quân sĩ, chỉ còn lối năm, sáu người, hai người vẫn hăng hái lộn vào trong đám loạn quân, nhất định tìm chúa Nguyễn cho được.

Cũng như lần trước, chúa Nguyễn vẫn không có trong đám loạn quân.

Bấy giờ hai người đều bị nhiều vết thương, máu chảy đỏ cả áo chiến, sức lực cũng đã mỏi mệt.

Đại quân của Phụ mã Đa vừa kéo sập đến.

Hai người liều chết chém giết, nhưng, quân Tây đông quá, đánh không lại, cả hai đều bị bắt sống<sup>(19)</sup>.

Đêm ấy, hai người bị dẫn tới trước mặt Phụ mã Đa một lượt. Sau khi đã hỏi quan chức của Duyệt và Khiêm, ở hai bên Nguyễn, thấy nói một người làm cai đội, một người làm đội trưởng, Phụ mã Đa cho là không quan hệ mấy, liền truyền quân sĩ giam vào trong trại phòng khi có việc dùng đến.

Vài bữa sau, đại binh của Phụ chánh Huệ rút về Gia Định, Duyệt và Khiêm cùng mấy trăm quân Nguyễn bị bắt, đều bị toán quân của Phụ mã Đa đốc dẫn đi theo. Từ Đồng Tuyên đi lên, dọc đường thỉnh thoảng lại có một đám thầy ma nằm còng queo trên vũng máu tím, ruồi nhặng phủ kín một lượt.

Tới Gia Định, cả hai bị nhốt một chỗ.

Hơn hai tháng bó chân trong ngục, Duyệt và Khiêm không ngày nào không nhớ chúa Nguyễn, chỉ chực phá ngục mà ra. Song chưa có dịp, vì quân Tây canh phòng riết quá.

Một đêm kia, trời mưa như trút, ngoài đường tối đen như mực, đôi mắt không trông thấy nhau.

Cửa ngục mấy tên lính gác đều gật gù ngủ gục dưới mấy ngọn đèn tù mù.

Duyệt và Khiêm ngồi trong xó tối, sẽ sẽ bẻ hầy then gông, dứt đứt dây trói, rồi cùng rón rén đi ra nấp ở bên cạnh cửa ngục.

Một trận gió bắc táp qua, các đèn cửa ngục đều bị thổi tắt.

Thừa cơ, Duyệt và Khiêm lén qua trước mặt hai tên canh ngục rồi trốn được thoát.

Bấy giờ đã hết canh ba, trời vẫn mưa, đường vẫn tối, hai người lặn mò vào một xóm dân quê, xin bộ đồ khô thay đổi. Gần sáng, mưa tạnh, trời đã hơi quang, hai người bèn lang thang đi xuống Đồng Tuyên dò la tin tức chúa Nguyễn.

Vừa gặp một tên bộ hạ của Khiêm lẫn quất ở đó. Hắn nói trong lúc đánh nhau rối rít, chính mắt hắn thấy chúa Nguyễn tể ngựa chạy tuốt về mặt Lật Giang, hắn đã ráng sức rượt theo, nhưng mà không kịp.

Tức thì hai người lại lẻo đẻo đi xuống Lật Giang.

Lân la chừng hơn mười ngày, hai người mới dám mon men dò hỏi:

“Có! Trước đây lối ba, bốn tháng, có thấy một ông tướng trẻ tuổi cưỡi ngựa chạy xuống vệ sông, đằng sau lại có một toán quân Tây đuổi theo. Lúc ấy sông không có thuyền, ông tướng ấy phải bỏ ngựa trên bờ, nhảy ùm xuống sông, bơi sang bên kia, rồi chạy bạt mạng về đường rạch Chanh. Không rõ ông tướng ấy là ai”.

Một người đàn bà ở miền Lật Giang kể với hai người như vậy.

Tuy chưa biết đích có phải chúa Nguyễn đó không, nhưng hai người cũng cứ đi xuống rạch Chanh hỏi thăm xem sao.

Một người thuyền chài có biết mặt chúa Nguyễn thuật lại một cách chắc chắn:

“Hôm ấy, không nhớ hôm nào. Đức chúa bận bộ quần áo lấm láp, cầm đầu chạy đến bờ rạch. Trời đã gần tối, ghe đò đậu hết ở bên bờ kia, trong rạch lại có nhiều cá sấu, không thể bơi qua. May sao vệ rạch có con trâu nằm, ngài liền nhảy lên lưng trâu, cầm thùng đuổi nó lội bừa qua sông. Không hiểu rồi ngài đi đâu!”.

Nghe nói, hai người đều lo ngại phân vân, vì không biết dò hỏi vào ai cho biết tung tích.

Chợt nhớ hôm trước ở Ba Giồng sắp sửa kéo quân lên Đồng Tuyên, chúa Nguyễn có sai Trung thủy Dĩnh đưa vương mẫu và vương phi xuống miền Mỹ Tho. Có lẽ bây giờ ngài đã tới đó viếng thăm cung quyến. Hay là, dù ngài có đi đâu nữa, may ra cung quyến cũng biết tin tức. Nghĩ vậy, Duyệt bèn bàn với Khiêm thử lén xuống miền Mỹ Tho.

Từ rạch Chanh đến Mỹ Tho tuy không xa lắm, nhưng qua quãng đường ấy cũng như qua quãng đường khác, hai người vừa phải kiếm lương thực, vừa phải lánh quân Tây, thường thường chỉ đi ban đêm, ban ngày lại núp một chỗ, cho nên hành trình rất chậm. Khi tới Mỹ Tho đã là đầu tháng Ba năm Giáp Thìn (1784)[\[20\]](#).

Cung quyến không có ở đó. Người ta nói rằng: Hồi cuối tháng Năm năm ngoái, chúa Nguyễn có ở rạch Chanh xuống đó nghỉ một hai ngày. Sau vì có tin quân Tây sắp đến, ngài cùng Trung thủy Dĩnh đốc quân treo thuyền đưa vương mẫu và vương phi ra biển, không rõ các ngài ở đâu.

Hai người đoán chắc chúa Nguyễn và cung quyến đều ra ngoài đảo Phú Quốc. Xoay xở trong năm, sáu ngày mới đủ số tiền thuê một chiếc thuyền, hai người liền vượt thẳng ra mặt Phú Quốc.

# IV - Vua tôi gặp nhau

Miền biển Hà Tiên, tháng Ba chính là mùa bão, trên biển ít ngày không có giông tố.

Chiếc thuyền chài vừa đưa Duyệt và Khiêm ra khỏi cửa biển lối ba, bốn dặm, thì một đám mây đen ở đâu kéo đến phủ kín mặt biển, rồi một luồng bão tự miệt Đông Nam thổi lại ùng ùng.

Trên biển, ngọn sóng cộn lên cao như những lớp núi dài, bọt nước tung trên mặt biển trắng xóa.

Tiếp liền một trận mưa rào, sấm sét đoành đoành đuổi nhau trên không, những luồng chớp lóe sáng ở ven biển, cuồn cuộn như đàn rắn vàng.

Sức chèo lái không thể chống lại với sức mạnh ghê gớm của thần gió, thuyền của Duyệt và Khiêm theo sóng bạt mãi vào phía bờ biển.

Những con cá chuồn đụng phải mái chèo, bay lên phơi phới như đàn bướm trắng ở tổ mới ra.

Duyệt và Khiêm cùng hai người lái đồ ai nấy quần áo lướt thướt. May được tay lái khá giỏi, mấy lần thuyền đã hầu đắm lại không đắm.

Ròng rã hai ngày hai đêm, cơn bão mới tan.

Duyệt và Khiêm lại giục lái đồ nhổ neo chèo đi. Lần này may mắn, một đêm và một ngày thuyền đến Bến Dương.

Quang cảnh trên đảo y nguyên như cũ. Cây vẫn xanh, đá vẫn trắng, ngọn đảo vẫn chót vót trên lưng trời. Nhưng mà đường đi lối lại năm xưa, ngày nay cỏ mọc gần kín. Duyệt và Khiêm đi thẳng vào trong xóm cũ. Nhà cửa vắng tanh, thổ nhân nói rằng: Cung quyến đều sang hòn Thổ Chu. Duyệt và Khiêm lại cùng thuê thuyền qua đó. Quả nhiên vương mẫu ở đó, có Ngô Công Quý hầu hạ, nhưng không thấy chúa Nguyễn và vương phi.

Wương mẫu ngó thấy hai người tôi cũ, vẻ mừng rỡ hiện trên nét mặt buồn rầu.

Ngạc nhiên, Duyệt và Khiêm không kịp vấn an, hỏi luôn tin tức chúa Nguyễn.

Wương mẫu bảo thị nữ đưa hộp trà cho mình. Người thông thả mở nắp hộp, lấy lá trà, quệt ít vôi, rón rén cuốn lại, dùng chìa vôi dùi thủng một lỗ, cài cuống trà vào. Đoạn, người khoan thai lật một miếng cau, xé bỏ lối phân bì, từ từ đưa lên miệng, bồm bẻm vừa nhai, vừa nghĩ, như muốn đếm từng cái nhai.

Sốt ruột, Duyệt và Khiêm đều đứng dậy, chắp tay:

- Dạ, bẩm đức bà, chẳng hay đức chúa có ra đây chăng?

Wương mẫu bảo thị nữ lấy cái bình phóng. Người cẩn thận nhổ bãi quyết trà vào miệng bình, lâu lâu mới sẽ máy môi:

- Có! Năm ngoái đức chúa có qua đây!

- Dạ bẩm đức bà, bây giờ đức chúa ở đâu?

Wương mẫu mở hộp thuốc lá, vê mời thuốc, lấy mảnh giấy rẽ ràng cuộn một điếu thuốc, rồi người thổi bụi dùi, châm lửa, hút một hơi dài.

Làn khói từ từ tự trong cặp môi sẫm cháy đưa ra:

- Các người đứng đó, ta sẽ kể cho mà nghe.

Duyệt và Khiêm tựa bên vách lóng im hai tai chờ tiếng nói của vương mẫu, ai nấy tưởng

tương như kẻ làm biếng trong truyện cổ tích, nằm dưới gốc sung, há miệng chực trái sung rụng xuống, mà chưa biết chừng nào nó rụng.

Bã trầu trong miệng gần tàn. Vương mẫu mới cất cái giọng thánh thót như giọt nước rỏ dưới mái nhà trong khi cơn mưa đã tạnh:

- Các người còn nhớ công chúa Ngọc Tuyền đó chứ! Nó là con gái lớn của ta đó mà!

“Ừa, mình hỏi chúa Nguyễn, sao vương mẫu lại nói qua chuyện Ngọc Tuyền?”. Hai người đều thất vọng. Nhưng cũng miễn cưỡng, thưa:

- Dạ, bề tôi còn nhớ. Công chúa kết duyên với quan Trung doanh Chương cơ Nguyễn Hữu Thụy ngày xưa.

- Phải đó, chính con ấy. Tội nghiệp! Nó chết theo chồng nó rồi.

- Bẩm, công chúa mất tự bao giờ?

Wương mẫu vừa gạt tàn thuốc lá vào miệng bình phóng, vừa ứa hai hàng nước mắt:

- Nó chết đã từ tháng Tám năm kia, bây giờ ta mới được tin.

Rồi vương mẫu mếu máo:

- Khốn nạn! Nó nhảy xuống sông! Sau khi chồng nó bị thua ở đồn Bình Hóa, nó phải chạy về Ba Phủ nấu náu. Chẳng may quân giặc dò biết, bắt nó về đồn. Rồi chúng lại bức nó phải lên Sài Gòn. Nó không chịu nổi những sự ức hiếp nhục nhã của giặc, lúc đi tới sông Tam Đà, thì nó đâm đầu xuống sông mà chết.

Duyệt và Khiêm đều vờ than thở thương tiếc. Hai người đương toan nói qua chúa Nguyễn, vương mẫu đã gạt nước mắt và sụt soạt tiếp:

- Em Ngọc Đào cũng bị giết rồi, cả chồng em nữa?

- Bẩm quan Hữu chi Chương cơ Nguyễn Kim Phẩm?

- Phải đó!

- Chúa Bấy và quan Hữu chi bị giết ở đâu?

- Ở Hà Tiên! Hồi ấy đầu tháng Năm năm ngoái, Đức chúa sai Phụ mã Phẩm trở về Hà Tiên chiêu tập quân sĩ, chúa Bấy cũng theo chồng vào. Chẳng dè gặp tụi khách trú làm loạn, chúng bắt cả hai vợ chồng đem chém.

“Hết chuyện công chúa, chắc người sẽ nói đến chuyện đức chúa”, Duyệt và Khiêm đều tin như vậy.

Wương mẫu nhả cái bã trầu bỏ vào bình phóng:

- Cháu Cảnh theo Bá Đa Lộc đi sang Tây dương làm con tin rồi!

“Tội nghiệp, thằng bé mới có bốn tuổi, đã phải đem thân lo lắng việc nước! Lúc này không biết nó đi tới đâu, và đến chừng nào thì về”.

Duyệt và Khiêm đứng đả tê chân, không thể nghe mãi những chuyện tầm phơ, hai người cùng hỏi:

- Vậy còn đức chúa bây giờ ở đâu? Bề tôi muốn được hầu ngài.

Wương mẫu tỏ vẻ kinh ngạc:

- Úi chà! Nguy hiểm lắm.

“Hồi cuối tháng Năm năm ngoái, đức chúa đương ở đây, chợt có tin nói vợ chồng Phụ mã Phẩm bị giết, người bèn đem quân vào Hà Tiên, đánh tan tụi khách trú làm loạn. Khi trở về, thì bị quân giặc đuổi riết - Nghe đâu toán giặc ấy là quân của Phan Tiến Thận - Người phải lánh



vào hòn Diệp Thạch<sup>(21)</sup>. Quân giặc đuổi theo rất gấp, không có đường nào chạy thoát...”

Duyệt sững sốt:

- Vậy rồi ra sao?

- Rồi, Lê Phước Điển bị bắt.

Nói tới đây, nét mặt vương mẫu càng lộ ra vẻ đau đớn:

- Hai người chắc cũng nhớ mặt Phước Điển, chồng con Ngọc Tú, chàng rể lớn của ta đó mà! Khổ mặt Phước Điển giống hết khổ mặt đức chúa, vì vậy, va mới xin người cởi hết quần áo của người cho va mặc, rồi va ra đứng đầu thuyền đốc quân. Quân giặc thấy va tưởng là đức chúa. Chúng xúm vào bắt. Đức chúa thừa cơ trốn được ra đảo Côn Lôn...

- Bẩm, hiện nay ngài đương ở đảo Côn Lôn?

- Không, người không ở đó.

“Bấy giờ quân giặc bắt Phước Điển đem đi, về sau chúng biết là lầm, liền giết Phước Điển. Rồi chúng dò la, nay rằng đức chúa ở đảo Côn Lôn, Phụ mã Đa mới đem thuyền vây bọc ba lần. Lúc này mới thật hiểm nghèo...”

- Bẩm, nhưng, đức chúa không can chi?

- Không can chi! Nhờ có trời phật phù hộ. Trong lúc quân giặc vây giáp, bỗng chốc cơn mưa, cơn gió dừng dừng, mây mù kéo đến, mặt biển tối như ban đêm, sóng biển nổi lên rất dữ, thuyền quân của giặc tự nhiên chìm đắm không biết bao nhiêu. Đức chúa chèo thuyền ra khỏi vòng vây, mà quân giặc không hay, thật là trời phật che mắt chúng nó. A Di Đà Phật, lạy trời muôn lạy...!

- Bẩm, ra khỏi vòng vây, rồi đức chúa đi đâu?

- Rồi người qua hòn Cổ Cốt, mấy bữa sau mới trở về đảo Phú Quốc.

Vừa nói, vương mẫu vừa chỉ vào một đồng khoai ở ngoài sân:

- Các người có biết cái chi kia không? Chúng ta sống về nó đó.

Tháng Bảy năm ngoái, đức chúa ở hòn Cổ Cốt, sang đảo Phú Quốc, lương thực hết kiệt, quân sĩ không còn chi mà ăn, ta và đức chúa cùng vương phi đã phải nhịn đói mấy bữa. Trời Phật run rủi, có kẻ đào được thứ củ đó. Ngọt lắm, luộc chín càng ngọt hơn ăn sống. Vì vậy, lúc qua đây, ta bắt thị nữ mang theo một ít, để khi nào thèm thì ăn.

Duyệt và Khiêm nghe nói, đều tỏ vẻ cảm động.

Mỗi thuốc lá đã tàn, vương mẫu cầm liệng xuống đất, lại lấy mỗi khác, vừa cuộn vừa tiếp:

- Tuy rằng thứ củ ấy có ngon thật đó, nhưng ăn rỗng nó cũng không chịu đựng, xót ruột lắm. May sao khi ấy có mụ đàn bà buôn gạo ở Hà Tiên, tên là Thị Uyển, chở ra cho một thuyền gạo, thì ta và đức chúa cùng vương phi mới được có cơm mà ăn.

Kể đó, đức chúa cho gọi Bá Đa Lộc qua đây, nhờ va về nước Phú Lãng Sa [Pháp] cầu cứu. Bởi thế, đức chúa phải cho cháu Cảnh theo va qua Phú Lãng Sa làm con tin...

Duyệt và Khiêm đứng hoài, máu đã xuống chân, hai người bèn xin phép vương mẫu ngồi xuống bậc cửa.

Vương mẫu lấy cau nhai, châm thuốc lá hút:

- Cháu Cảnh đi rồi, đức chúa cũng chèo thuyền ra cửa biển Ma Ly, hòng dò tình hình của giặc. Vậy mà bảy ngày bảy đêm, đức chúa không về. Ta và vương phi nóng lòng hết sức. Tới ngày thứ tám, ngó thấy mặt người, mẹ con ta mừng rỡ biết đường nào! Thì ra trong khi ra đến cửa biển Ma Ly, vừa gặp hơn hai chục chiếc thuyền của giặc kéo ra vây bắt, đức chúa phải giương buồm



cho chạy về phía đông, rồi cứ lênh đênh hoài ở ngoài khơi cho hết bảy ngày bảy đêm, nước ngọt trong thuyền khánh kiệt, quân sĩ khát như cháy cổ...

Đức chúa nói với ra rằng: Khi ấy người phải quỳ xuống khẩn trời, nếu trời cho người làm vua, thì xin đưa chiếc thuyền ấy vào bờ. Bằng không, thì cho chìm đắm xuống biển luôn đi, khỏi khổ quân sĩ. Khẩn vừa dứt lời, mặt biển bỗng hiện ra hai dòng nữa, một dòng sắc đen và một dòng sắc trắng. Một người trong thuyền vốc lấy nước dòng trắng uống thử. Thấy có vị ngọt, người ấy mừng quýnh reo lên. Đức chúa bèn bảo quân sĩ múc lấy mấy chum chứa sẵn ở thuyền. Rồi nước biển lại xanh lè như cũ...

Tới khi thuyền giặc lui hết, thuyền của đức chúa mới chèo vào đảo Thổ Chu này...[\(22\)](#)

Duyệt và Khiêm nói xen:

- Thật là trời phật phù hộ... Nhưng sao bây giờ đức chúa lại không ở đây?

Vương mẫu nhai trầu, hút thuốc một hồi rồi đáp:

- Không! Người chỉ ở đây có nửa ngày, rồi lại sang đảo Phú Quốc, thì ta và vương phi mới biết chớ! Bây giờ mẹ con ta còn ở Phú Quốc kia mà!

Người ở Phú Quốc ít bữa, rồi vào Long Xuyên, ra hòn Chông, đi hoài! Cuối năm người lại tới đảo Thổ Chu ở cho hết tháng Giêng. Sang tháng Hai, có thơ của Đại tướng Tiếp ở Xiêm La gửi về, mời người qua đó điều đình với vua Xiêm một việc chi đó...

Trước khi đi Xiêm, người cho Ngô Công Quý qua đảo Phú Quốc đón ta và vương phi sang đây. Vì ở đây kín đáo hơn bên Phú Quốc.

- Vậy chớ vương phi ngày nay ở đâu?

- Đáng lẽ nàng cũng ở đây với ta. Vì sợ đức chúa sang Xiêm, một mình vô võ nơi đất khách quê người, buồn sao chịu nổi! Nên chỉ ta sai vương phi phải theo người đi cho vui[\(23\)](#). Hiện nay đức chúa và vương phi cùng mấy quân hầu còn ở bên đó.

Lúc này Duyệt và Khiêm mới khỏi hồi hộp về số phận chúa Nguyễn.

Vương mẫu lại hỏi hai người ở đâu tới đây. Duyệt và Khiêm bèn đem những chuyện từ khi bị bắt, trốn thoát, đến khi thuê thuyền ra đảo Phú Quốc, thuật lại rất rành rọt. Mỗi lúc hai người nói tới những cảnh gian nan ở dọc đường, vương mẫu luôn luôn tỏ ý ái ngại và luôn lạy trời lạy Phật.

Chiều ấy, hai người xin phép vương mẫu cho mình qua Xiêm kiến chúa Nguyễn. Vương mẫu không nghe:

- Hơn một năm nay vắng hai người, nhất là người Duyệt, ta rất mong nhớ. Vì trong bọn quan Thuộc nội, chỉ có người lanh thạo công việc lại biết tánh ta. Nay Trời Phật đã đưa đường dẫn lối cho các người tới đây, thì phải ở đây với ta, kéo đức chúa và vương phi, cháu Cảnh đều đi vắng hết, ta buồn lắm. Vả lại, đức chúa ở Xiêm chắc không lâu. Nay mai rồi việc, thì người cũng về. Tội gì hai người phải lặn lội qua bên đó cho mất công?

Cực chẳng đã, hai người đều phải vâng lời.

Ngày thì điểm tiếng văng dạ vào những câu chuyện cà kê của vương mẫu, đêm thì cắt đặt mấy kẻ đầy tớ trông nom các nơi, cái việc ấy đã giam hai tay chiến tướng ở hòn cù lao giữa biển hết trọn mùa hè.

Những lúc sóng biển ùm ùm đưa vào trong đảo, nghe như một đám thiên binh vạn mã đương vật lộn nơi chiến trường, càng làm cho họ phải nóng nảy ruột gan, chỉ muốn bỏ hòn Thổ Chu mà đi.

Trong khi ấy, Duyệt và Khiêm thỉnh thoảng lại sai thổ dân sang Xiêm hỏi han tin tức chúa Nguyễn, và vào Gia Định dò la tình hình quân Tây. Nhưng mà tuyệt vô âm tín, bọn đó chỉ đi

không về.

Mùa thu lại gần hết. Những chiếc lá vàng theo gió lác đác rơi trước thềm nhà, những đám mây trắng lơ lửng lượn trên bầu trời xanh ngắt, những con chim sẻ ríu rít gọi nhau trong khi mặt trời tà tà, bấy nhiêu cảnh đó, càng gợi thêm mối tình nhớ cháu của vương mẫu.

Mỗi hàng nước mắt của vương mẫu là mỗi lần làm tổn của Duyệt và Khiêm bao lời giải khuyên.

Chợt có tin đồn chúa Nguyễn đã về Gia Định, quân thế mạnh lắm, thắng được quân Tây nhiều trận. Vương mẫu nhất định không tin, người cho là câu chuyện của Duyệt hay Khiêm bịa ra để làm cho người vui lòng.

Sang đầu tháng Mười, bỗng có chiếc thuyền tự nẻo Phú Quốc bơi lại. Duyệt và Khiêm cùng Ngô Công Quý đều có ý nghi ngờ, ba người đã dự bị những cách đối phó. Té ra thuyền của Trung thủy Đinh và một lũ Thái giám đưa vương phi tới hòn Thổ Chu.

Không thấy chúa Nguyễn, vương mẫu vội hỏi đức chúa có về đó không.

Quả nhiên chúa Nguyễn đã tiến quân vào miệt Gia Định.

Theo lời vương phi thuật lại, thì khi chúa Nguyễn ở thành Băng Cốc, rất được vua Xiêm trọng đãi. Sau khi đưa cho chúa Nguyễn coi những cờ kiếm và các đồ vật của Nguyễn Hữu Trọng tặng mình hồi trước, vua Xiêm lại nói thêm rằng: Khi xưa ông ta có hẹn với Nguyễn Hữu Thụy, nếu có hoạn nạn, nước nọ phải cứu nước kia. Rồi vua Xiêm liền hứa giúp quân chúa Nguyễn. Lòng ấy chúa Nguyễn đã sai Đại tướng Tiếp sửa sang thuyền bè súng đạn và các khí giới để sẵn bên Xiêm. Đến tháng Sáu, chúa Nguyễn xin đem quân về Gia Định. Vua Xiêm sai hai người cháu là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem ba vạn thủy binh, ba trăm chiến thuyền theo giúp. Chúa Nguyễn phong Châu Văn Tiếp làm Bình Tây đại đô đốc, điều khiển hết các đạo quân. Mấy bữa sau, đại binh ở thành Băng Cốc kéo ra cửa biển Bắc Nôm. Sang tháng Bảy, quân của chúa Nguyễn tiến vào lấy được Kiên Giang, phá được Trấn Giang, chiếm được những nơi Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc... Vì ở trong quân sợ hoặc có sự bất tiện, nên chỉ chúa Nguyễn mới sai Trung thủy Đinh hộ tống vương phi ra đảo Thổ Chu, để nói rõ đầu đuôi cho vương mẫu biết.

Cố nhiên, lúc này vương mẫu đã hơi vui. Người chỉ cầu trời khẩn Phật cho chúa Nguyễn luôn luôn thắng trận.

Duyệt và Khiêm cũng đều mừng rỡ.

Bữa sau, hai người lại xin vương mẫu cho vào Gia Định.

Lần này vương mẫu không giữ. Người căn dặn hai người phải theo luôn bên cạnh đức chúa và phải khuyên đức chúa nên cẩn thận trong khi hành binh, chớ có xông pha tên đạn.

Từ biệt vương mẫu và vương phi, hai người xuống thuyền chèo vào cửa biển Hà Tiên.

Đầu tháng Một, hai người đến Ba Lầy.

Bấy giờ Châu Văn Tiếp đã chết vì một vết thương ở trận Mân Thít, chúa Nguyễn đã phong Lê Văn Quân làm chức Khâm sai Bình Tây đại đô đốc, tước Dũng quận công, thay Tiếp thống lãnh các đạo đại binh, và đương dự bị đem quân lên đánh Gia Định.

Duyệt và Khiêm vào đình lạy chào.

Chúa Nguyễn rất kinh ngạc và rất khen ngợi trong khi hai người nói với ngài những chuyện từ trận Đồng Tuyên đến giờ.

Rồi ngài cho hai người lại giữ chức cũ, Khiêm vẫn làm Đội trưởng, Duyệt vẫn làm Thuộc nội cai đội, lãnh mấy chục quân ngày đêm theo gót ngài.

# V - Bước gian hiểm trên con đường Vân Dã - Thi Giang

Tung hoành trong năm, sáu tháng, theo chúa Nguyễn, giúp chúa Nguyễn chém giết người Nam, cướp lại được cho chúa Nguyễn một vài mảnh đất miền Kiên Giang, quân Xiêm khi ấy đã là những kẻ rất đắc lực của chúa Nguyễn.

Với những công lao ấy, họ mỗi ngày mỗi thêm hợm mình, làm hoài những sự tàn bạo.

Chính mình chúa Nguyễn đã rước họ về, đưa họ đi, tự nhiên phải chiều ý họ, giữ cảm tình với họ, hòng họ hết sức vì mình.

Được thế, họ càng ra oai dữ, cho bỏ cái lúc vì một ông chúa ngoại quốc mà dẫn mình vào đám binh đao.

Dân Nam không phải là máu mủ ruột rà gì của họ. Cố nhiên không thể lấy sự van vái mà cầu được chút lòng từ bi của họ, tuy họ là người nước Xiêm, cái nước đã có tên là nước Phật.

Mà Phật thật, người ta vẫn thấy dân Xiêm ở nước Xiêm không hề cố ý giết một con sâu, con kiến vô tội, trong khi cuốc đất, cấy vườn. Giả sử có ai lấy thể chủ mưu mà bắt họ phải làm chết một con vật ấy, thì họ sẽ bỏ công bỏ việc mà về, nếu họ là kẻ làm mưu.

Lòng từ bi ấy họ để hết ở nước Xiêm, không đem sang đây.

Sang đây, họ cốt vì chúa Nguyễn mà chém giết người Nam cho nhiều, đặng giành lấy đất cho chúa Nguyễn làm vua.

Vì vậy, đối với họ, tánh mạng dân Nam, tánh mạng những kẻ cùng máu với chúa Nguyễn mà không cùng máu với họ, đều không đáng thương bằng tánh mạng con kiến con sâu ở nước họ.

Con nít từ một hai tuổi trở lên, đều rơi đầu dưới lưỡi phạng sáng quắc nếu nó mếu khóc trong khi mẹ nó bị họ bắt đi.

Ông già hay bà già nào chẳng may nhà có con gái đã bị họ ngó tới và muốn dùng làm đồ mua vui, nếu còn thương con mà van lơn họ, thì đều chung một số phận với tụi con nít đó.

Hiếp phụ nữ, cướp tiền bạc, lấy không lúa gạo quần áo của dân quê, cũng như canh dinh trại, giữ gươm mác, trèo chiến thuyền, đều là việc mà quân Xiêm phải làm trong ngày.

Hơn nữa, họ còn chém những đàn bà con gái sau khi cái thân người ta đã bị họ chán chường, họ đốt những nhà cửa sau khi họ đã ở rồi mà sắp rời đi nơi khác.

Nơi nào họ đã đi qua, tuy chẳng phải là chiến trường, nhưng thây ma và đầu lâu cũng ngổn ngang bên đường, hằng tháng không có người chôn, để làm mồi cho những giống điều quạ, cầy cáo.

Bởi vậy, quân Xiêm tới đâu dân Nam trẻ dất già, lớn cỡ nhỏ, chạy như vịt và khóc như ri, rồi cửa nhà cây cỏ đều bị ra tro đến đó.

Người ta sợ họ hơn sợ quỷ.

Tiếp với tin cấp báo của gã Phụ mã Đa ở Gia Định, những tiếng ta thán của dân quê đã theo miệng người bay đến Quy Nhơn, Nguyễn Huệ nghiêng rặng nói với vua Tây Sơn:

- Dưới gầm trời Nam hết thảy là dân con của mình. Chúng mình đủ chiến thuyền, đủ thủy quân, bộ quân, không thể ngồi mà ngó những kẻ mọi rợ ở nước ngoài giày dẫm nòi giống của mình như vậy!...

Vua Tây Sơn nghe nói cũng giận, tức thì sai Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ và mấy viên đại tướng

đem đại quân vào đánh quân Xiêm và quân Nguyễn.

Như ngọn lửa cháy, cái lòng tướng sĩ Tây Sơn căm giận quân Xiêm tàn sát người Nam đã lên tới cực thái cực, ai nấy hăng hái thề phải liều chết mà chém cho hết những kẻ mọi rợ ấy để báo thù cho những người đã bị giết oan.

Dân Nam đau khổ về quân Xiêm đã nhiều, cho nên ngó bóng cờ, nghe tiếng trống của quân Tây, người ta hoan hô một cách sôi nổi, cho là những vị cứu tinh sắp sửa vớt mình ra khỏi đồng nước lửa.

Bắt đầu giao chiến mấy trận ở miệt Trấn Giang. Trà Ôn, quân Tây đều bị thua chạy, bỏ lại cho quân Xiêm vô số khí giới lương thực.

Quen mui, Chiêu Tăng, Chiêu Sương xua đuổi ba vạn quân Xiêm kéo bừa về miền Mỹ Tho, nghênh ngang như vào chỗ không có người.

Theo vệt chân họ đi, dân Nam lại thêm bao nhiêu đầu lâu bị rụng, bao nhiêu cửa nhà bị đốt, thôn xóm làng mạc, ở hai bên đường hầu thành ra đất bỏ hoang.

Quân Tây lại bị thua luôn trận nữa.

Chiêu Tăng, Chiêu Sương càng đắc chí, cứ việc kéo quân tràn xuống.

Chúa Nguyễn và Bình Tây đại đô đốc Lê Văn Quân cùng nhiều tay đại tướng đốc dẫn quân sĩ đi theo.

Cũng như mọi khi, Duyệt phải đem quân Thuộc nội hộ vệ chúa Nguyễn.

Bữa ấy nhằm khoảng trung tuần tháng Chạp năm Giáp Thìn (1784), quân Xiêm và quân Nguyễn tiến đến gần vùng Rạch Gầm, Xoài Mút.

Trời vừa tối, hơi sương tỏa xuống mịt mù.

Một đạo quân Tây kéo ra đón đường chống cự.

Quân Xiêm và quân Nguyễn xông bừa lên đánh. Chỉ trong nửa giờ, quân Tây đã thua liểng xiểng, tướng tá quân lính hết thấy cầm đầu chạy lui.

Chiêu Tăng, Chiêu Sương, chúa Nguyễn và Lê Văn Quân thi nhau đốc quân bốn bộ rượt theo.

Cuối canh hai, quân Xiêm và quân Nguyễn vào tới khoảng giữa Xoài Mút và Rạch Gầm, toán bại binh lại quay lại đánh.

Chúa Nguyễn cũng như hai viên tướng Xiêm hăng hái đốc quân vào trận. Lần này quân Tây hết thấy hung tợn, không chồn vờn như những trận trước.

Một cuộc kịch chiến vừa bắt đầu, thì ở phía Rạch Gầm bỗng có tiếng nổ dữ dội. Tức thì ở mặt Xoài Mút cũng như ở mặt Rạch Gầm, tiếng trống thúc, tiếng người reo, xen nơi tiếng súng nổ.

Về mặt Rạch Gầm, Nguyễn Huệ thúc quân đánh xuống, về mặt Xoài Mút, tướng sĩ theo hiệu còi của Nguyễn Lữ nhất tề đánh lên.

Ba mặt đánh dồn lại một, quân Xiêm và quân Nguyễn như bị đuổi vào trong rọ, không còn đường nào mà tháo.

“Phải giết hết những giống mọi rợ, để trả thù cho dân Gia Định”.

Tiếng hô oanh liệt của hàng ngàn người càng như quạt thêm lửa vào tấm lòng hăng hái của các chiến sĩ.

Như chung một bụng, mấy ngàn quân Tây sẵn số xông vào quân địch, không ai nghĩ đến tánh mạng của mình. Trước cái hùng oai ấy, quân Xiêm cũng như quân Nguyễn, chỉ còn cách bỏ khí giới mà trốn.

Cuộc chém lộn kịch liệt đến hết canh ba. Bây giờ ba vạn quân Xiêm và mấy ngàn quân

Nguyễn hầu hết hóa ranhững đồng thủ quắc và những đám thi thể, lẫn lóc, quần quai theo vũng máu tươi của mình tóe ra.

Chiêu Tăng, Chiêu Sương cầm cổ chạy bat qua phía Chân Lạp với hơn ngàn tàn quân, Lê Văn Quân và những chiến tướng sống sót tàn tác mỗi người trốn đi mỗi ngã.

Duyệt và mấy chục tên quân Thuộc nội liều chết hộ vệ chúa Nguyễn định chạy về nẻo Trấn Giang. Ra khỏi trận địa chưa được một dặm, lại bị một toán quân Tây rượt theo rất gấp. Toán quân ấy cũng chỉ lố vài chục người, nhưng rất khỏe mạnh và rất hung tợn. Duyệt và chúa Nguyễn đều phải lặn lưng quay lại vừa đánh vừa lui. Ba chục tên quân Thuộc nội chết dần chết mòn gần hết, quân Tây vẫn ra sức đuổi riết. Chúa Nguyễn ù té bỏ trận chạy trước. Duyệt còn đứng lại kháng cự quân địch một lúc, rồi cũng ráo căng chạy sau. Gần sáng, Duyệt đến Trấn Giang, không thấy chúa Nguyễn đâu nữa. Thừa lúc quân Tây chưa tới, Duyệt cứ xông xáo đi tìm.

Tình cờ gặp bọn Hộ bộ Trần Phúc Giai, Cai cơ Nguyễn Văn Bình, cả thảy mười người, họ cũng nhốn nháo đi kiếm chúa Nguyễn mà chưa gặp. Duyệt nhập vào bọn đó, rồi kéo nhau đến Vân Dã, vừa thấy chúa Nguyễn và Đội Trì vợ vẫn ở đó.

Thì ra trong khi giao chiến, nhờ có Duyệt cản trở quân Tây, chúa Nguyễn và Đội Trì thừa cơ chạy miết xuống miền Rạch Giá, ngài định bơi qua Rạch Giá trốn sang bên kia.

Chẳng ngờ xuống đến bờ rạch, thì gặp đoàn thuyền của Chương Chân, một viên thiên tướng Tây Sơn. Thấy có hai người hoảng hốt chạy lại, Chương Chân hô quân bắt sống, trói lại, để ở trong thuyền. Dưới bóng đèn sáng, quân sĩ nhận rõ được mặt chúa Nguyễn, chúng đều mừng quýnh, chờ đến sáng ra đem nộp lấy công. Riêng Chương Chân ra ý thương hại. Hắn nhớ lại cha ông nhà hắn trước ở Thuận Hóa đã có nhiều dịp chịu ơn của các chúa họ Nguyễn. Bây giờ họ Nguyễn tuy đã sa sút mặc lòng, lương tâm của hắn buộc hắn không nỡ làm hại con cháu những vị ân nhân của nhà mình trong lúc người ta gặp bước đường cùng. Rồi, lừa cho quân sĩ ngủ say, Chương Chân lấy thuyền đưa chúa Nguyễn và Đội Trì sang bên kia rạch và thả lên bờ. Sau đó, Chương Chân hối hận, biết rằng không thể tránh khỏi tội chết, phải nhảy xuống sông tự tử<sup>(24)</sup>.

Chúa Nguyễn và Đội Trì đi được một quãng thì trời gần sáng. Thầy trò phải cởi áo ngoài liêng bỏ, lẻo đẻo dắt nhau đi liều. Tới Vân Dã, hai người đương phân vân chưa biết trốn đi đường nào, may sao vừa gặp bọn Duyệt.

Lúc ấy, mặt trời đã cao, đường sá vẫn còn vắng tanh, cái nạn chiến tranh đã đuổi hết dân quê lánh đi những nơi xa cuộc binh hỏa.

Duyệt và mọi người đều bỏ áo trận, giả làm dân quê, đưa chúa Nguyễn đi thẳng về phía Tây Nam. Cùng đi hộ vệ chúa Nguyễn khi ấy, ngoài Duyệt ra, chỉ có Hộ bộ Giai, Cai cơ Bình, Đội Trì và chín người nữa.

Trưa lại, ánh nắng chiếu xuống nóng như lửa hun, mười ba thầy trò, đầu đội trời, chân đi đất, lếch thếch trên con đường nhỏ hẹp, ai nấy trán rức như búa bổ.

Quang cảnh thê thảm luôn luôn hiện ở dọc đường.

Những đám cửa nhà bị cháy, tường vách còn đứng trơ trên bãi tro than tanh bành.

Những cái thây ma thối tha, sâu bọ hay chim quạ gặm rĩa hết thịt, sương trắng vẫn lổng chổng trên khu đất đen sì.

Những cái đầu người da thịt thâm tím nằm cạnh đồng tóc rã rượi, còn nhe răng phơ dưới bóng nắng.

- Đây là những nơi mới bị quân Xiêm tàn phá vừa rồi.

Mỗi lúc có người nhắc với chúa Nguyễn như vậy, thì chúa Nguyễn vờ như không nghe gì hết, ngài cứ làm thình không nói sao.

Mặt khác tà tà, sức nắng càng gắt, ai nấy chưa có miếng chi vào miệng, bụng đói như cào.

Chúa Nguyễn uể oải chân không buồn bước. Ngài cất cái giọng bi phẫn:

- Có ai mang được theo chút lương khô nào không?

Đội Trị móc tay vào túi, vét được một nắm cơm khô, bốc hết đưa cho chúa Nguyễn.

Buồn rầu, chúa Nguyễn ngửa tay hứng nắm cơm khô của Đội Trị, vừa đi ngài vừa nhai.

Trời đã nhá nhem.

Đám mây dưới chân trời phía đông đã hiện ra sắc đỏ ối, báo tin mặt trăng sắp lên coi sóc vũ trụ thay cho mặt trời.

Trước mặt thấy có đám cây cối lù lù, thầy trò biết là đã tới làng xóm nào đó, bèn cùng rẽ vào tìm chỗ nghỉ chân.

Té ra ở đây cũng như các làng xóm khác, vừa mới trải một vết chân của quân Xiêm. Dưới những trời cây sém lửa héo khô, chỉ có những cái nền đất sém đen và những đoạn cột kèo cháy dở.

Duyệt và mấy người kiểm hoài mới được một mớ rơm rạ. Đội Trị đem trải vào dưới một bức tường đất để chúa Nguyễn nằm tạm. Vài người ở đó hộ vệ chúa Nguyễn, còn thì mỗi người đi mỗi ngã, lùnh vào những đám nhà cháy, coi thử còn sót được hột lúa gạo nào chẳng.

Không còn chi hết, lúa gạo đều theo nhà cửa mà hóa ra tro than cả rồi.

Một lát, mọi người đều về tay không, vẻ thất vọng hiện đầy trên mặt.

Vàng trắng lên khỏi ngọn cây.

Tiếng run rẩy rỉ dưới gốc cây hòa lẫn với tiếng cóc nhái nghiêng ngả trong bụi như gọi thêm mỗi buồn bực của bọn anh hùng mặt lộ.

Mười ba bộ dạ dày (bao tử) đều bị cơn đói cắn rứt, ai nấy tưởng như kiến đốt trong ruột.

- Biết vậy thà chẳng rước quân Xiêm qua đây, dân khỏi tán, mình cũng không khổ.

Mấy tiếng thở than đau đớn của Hộ bộ Giai tưởng như gai biếm vào tai chúa Nguyễn. Ngài chỉ nín im không trả lời.

Duyệt biết ý nói qua chuyện khác.

Một lát sau, chúa Nguyễn thiu thiu chợp ngủ. Mấy người bèn cắt lượt nhau, một nửa thức để canh gác, một nửa ngủ cho đỡ mệt.

Như muốn nhòm cái cảnh khốn quẫn của bọn anh hùng trên đồng rơm, vàng trắng lơ lửng tự giữa trời ngó xuống.

Rồi, con cú thiếu mỗi thánh thót kêu trên bóng cây um tùm, điểm díp cho mấy con gà mất chủ, ầm ồ gáy trong xó bụi.

Đêm đã hết nửa.

Thầy trò hăng hái đứng dậy từ biệt cái làng tàn phá. Con đường khuya khoắt và vắng teo, chất đầy những sự lo ngại.

Vàng trắng chếch về phía tây. Bầu trời trong suốt đã bị hơi sương pha đục.

Tiếng hiệu ốc tự nẻo xa đưa lại, tiếp đến tiếng người hò reo om sòm.

Quân Tây lùnh vào các làng săn bắt những tên quân Xiêm sau khi thua trận tản mác tìm nơi ẩn nấp.

Vua tôi chúa Nguyễn tưởng là họ rượt theo mình, ai nấy ù té, cầm đầu mà chạy một mạch.

Gần sáng, vàng trắng đã nấp xuống sau ngọn núi, mười ba bộ giò đều mỏi ròi, mười ba bộ



ngực đều thở hồng hộc. Lóng<sup>(25)</sup> nghe không thấy tiếng người tiếng hiệu, chắc là đã xa quân Tây, bấy giờ vua tôi mới dám chậm bước. Con đoi càng sôi sùng sục.

Trời sáng rõ, trong xóm cạnh đường nghi ngút có ngọn khói bốc, chúa Nguyễn chắc là trong đó có người, hơn nữa, ngài lại chắc là họ đương nấu cơm, liền bảo mọi người hãy rẽ vào đó, nói với họ giúp cho một bữa.

Ai nấy cùng chung một ý kiến ấy, cả bọn cứ trông bông khói tìm đường đi thẳng tới cửa.

Trong nhà nhô ra một người nông phu khoảng ba chục tuổi, tấm áo cộc rách phủ ngoài xác thịt gầy gò, còn để lộ bộ ngực màu nâu và hai khuỷu tay đen cháy.

Ngó thấy lũ dân kéo vào nhà mình, người ấy sùng sốt nạt hỏi:

- Mấy ông vào nhà tôi có việc chi?

Cai cơ Bình lon ton vào trước, trả lời một cách rất đồng dục:

- Đức chúa và các quan hầu chạy giặc qua đây. Hồi trưa bữa trước tới giờ. Ngài và các quan đi theo đều chưa dùng cơm. Nhà mi sẵn cơm sẵn gạo, hãy dâng ngài và thết chúng ta mỗi người mấy chén. Chừng nào yên giặc, đức chúa sẽ ban thưởng cho.

Lúc ấy, chúa Nguyễn và mấy người kia đã vào đến trước thềm và đương lóng nghe câu phúc đáp của người thí chủ. Hắn liếc qua đám đông người rồi cau đôi lông mày, nét mặt ra vẻ ngờ ngác.

- Chính mình đức chúa vào đó?

- Phải! Chính mình đức chúa, ngài đứng trước nhất đó mà!

- Đích vậy không?

- Đích vậy, ai dám nói gạt!

Người nông phu bỗng hằm hằm tức giận:

- Ủa, đức chúa đã rước quân Xiêm qua đây, để chúng nó giết hại làng tôi, bắt vợ tôi, chém con tôi, tôi không chạy mau, cũng bị chúng nó giết nữa. Lúc này người còn hồng vào nhà tôi mà đòi ăn sao? Tiếc rằng tôi có một mình, không thể bắt luôn đức chúa đem nạp cho bọn Tây Sơn! Cơm đâu mà thết những người đã làm hại tôi một cách đau đớn!

Đội Tri nóng máu, sẵn sổ chạy xuống, định bắt đũa vô lễ đánh chết, cho hả cơn giận, Duyệt và Hộ bộ Giai hết sức can ngăn mới thôi. Cả bọn lại tung hứng trở ra. Thầy trò giục nhau đi cho mau chân, kéo sợ đũa nông phu bất trung sẽ báo quân Tây đuổi bắt.

Mặt trời đã gắt gao phun những tia lửa xuống đất.

Bữa nay nắng dữ hơn bữa qua nhiều.

Mười ba bộ mặt đều thấy rát như lửa bỏng.

Cơn đoi quấy rối trong bụng càng dữ. Nó đã làm cho ai nấy hai mắt quáng vàng, hai gối nặng trĩu, cất mãi mới được một bước.

Hết một đoạn đường nữa. Chúa Nguyễn nhọc quá. Ngài thấy trong mình lão đảo như người say sóng, muốn lăn kềnh ra ở giữa đường.

Duyệt và mấy người kia phải thay đổi nhau, mỗi người cõng chúa Nguyễn một quãng.

Lại thấy khói bốc trên một xóm trước mặt.

Dân trong xóm đã nấu cơm trưa.

Cả bọn lại đánh liều kéo vào tận nơi. Chủ nhà là một cụ đàn bà lối sáu chục tuổi. Thấy bọn người lạ tiến vào, bà lão hoảng hồn, toan kiếm đường trốn. Duyệt vội chạy đến ngăn cản, bảo

không việc chi phải chạy.

Biết rằng dân quê vì bị quân Xiêm cướp bóc, giết hại, họ rất căm oán chúa Nguyễn, nên chi lần này Duyệt không phô trương đức chúa như Cai cơ Bình vừa rồi:

- Thưa bà, anh em chúng tôi ở vùng Rạch Gầm chạy giặc qua đây kiếm việc làm ăn. Đã ba ngày nay, chúng tôi chưa ăn uống chi. Vì vậy, chúng tôi vào đây, nhờ bà một bữa, lúc khác sẽ trả ơn bà.

Bà lão ra bộ ái ngại:

- Trời đất ơi! Ba ngày nay không ăn uống chi! Tội nghiệp! Nhưng mà nhà dì gạo đã hết sạch, chỉ có một niêu cơm nhỏ, dì vừa nấu chín, thôi thì dì xin nhịn để mầy ông ăn.

Duyệt không đợi bà lão dọn cho, tự mình xuống bếp bắc cơm và lấy đĩa chén đem lên.

Cái niêu vừa bằng nắm tay, giả như chỉ một mình Duyệt, cũng phải ăn hết chừng hai chục niêu bằng ấy mới no, huống chi là mười ba người, thì chia làm sao cho khắp? Cố nhiên cả bọn đều phải nhường cho chúa Nguyễn.

Bấy giờ chúa Nguyễn mặt không buồn cựa. Ngài ăn hết cả niêu cơm mới thấy trong mình tỉnh táo.

Sau khi đã cảm ơn và hỏi tên họ bà lão, thầy trò lại kéo nhau đi.

Ánh nắng vẫn thiêu đốt kịch liệt.

Trong các thôn xóm, lại có những tiếng hiệu ốc và tiếng hò hét của quân Tây đi lùng quân Xiêm.

Duyệt và mọi người đều không đủ sức mà chạy, đành phải chia làm vài toán, lẻ tẻ vừa đi vừa trốn.

Gần tối, cả mấy toán đều tới Thi Giang. Riêng có chúa Nguyễn là khỏe khoắn hơn, còn Duyệt và mấy người kia đều đói lả, mệt nhoài, ngồi không vững, phải nằm kềnh càng trên bờ sông.

Sông rộng mông mênh, thuyền dò không có, chúa Nguyễn đương lo hồi hộp.

Hạ lưu bỗng có chiếc thuyền chèo lên, tiến thẳng đến chỗ mấy người đương nằm.

Thì ra thuyền của Cai cơ Trịnh Tử Sinh. Sinh cũng vì lạc chúa Nguyễn, nên mới đánh thuyền đi tìm ở dải ven sông.

Chúa Nguyễn và bọn Duyệt mừng quá, vội cùng xuống thuyền rồi vượt ra đảo Thổ Chu.



# VI - Ba năm ở Xiêm

Cái cảnh nước mây trời biển lại giam Duyệt hết ba tháng ròng. Công việc lần này cũng như mọi lần trước, ngày ngày theo chân chúa Nguyễn, quanh quẩn trên đảo Thổ Chu.

Trong thời kỳ ấy, tướng tá thuở xưa lần lần tìm ra Thổ Chu ở với chúa Nguyễn, họ lại cắt nhau lên vào những xứ Hà Tiên, Rạch Giá mộ thêm quân sĩ đưa ra.

Bấy giờ bộ hạ chúa Nguyễn ở đạo Thổ Chu, tham mưu, chiến tướng có đến gần ba chục suất, binh lính đội hơn hai trăm người.

Chúa Nguyễn vẫn luôn luôn sai người vào vùng Gia Định do thám, và lăm le kéo quân vào đánh quân Tây.

Tháng Ba năm Ất Tỵ (1785) trong mạn cửa hiện thấy có bóng thuyền phấp phới chèo ra. Chúa Nguyễn đoán là quân Tây hay mình ở đó, nên họ kéo ra vây bắt. Liệu chừng binh lực của mình không thể chống cự với họ. Ngài đưa vương mẫu và vương phi trốn vào một nhà thổ dân, giao cho Ngô Công Quý và mấy viên Thái giám ở đó trông coi. Rồi ngài đem hết quân sĩ, tướng tá xuống thuyền chạy luôn sang đảo Cổ Cốt.

Cố nhiên Duyệt phải theo đi hộ vệ, lâu nay chúa Nguyễn có rời xa Duyệt mấy khi?

Vừa lên khỏi bến, chỗ ở chưa thu xếp xong, lại có tin nói đám thuyền đó đích thực quân Tây, họ vây quanh đảo Thổ Chu, lòng không thấy gì, đương sắp kéo sang Cổ Cốt. Chúa Nguyễn hạ lệnh tướng tá quân sĩ lập tức kéo hết xuống thuyền, đi tìm nơi khác ẩn trú.

Giữa lúc đó, Cai cơ Trung - một viên thiên tướng, hồi cuối năm ngoái, theo lệnh chúa Nguyễn sang Xiêm khai báo việc quân vừa dẫn mấy chiếc binh thuyền tới nơi. Vua Xiêm nghe tin chúa Nguyễn thua trận, có ý phản nản, nên mới sai va đem thuyền về đón. Trung nói với chúa Nguyễn như vậy.

Một dịp rất may, tuồng như trời đã định sẵn.

Tức thì chúa Nguyễn sai năm chiếc Phụng thuyền, Bằng thuyền, Chi thuyền, Chánh nghi thuyền và Ô thuyền theo Trung đưa ngài sang Xiêm với hơn trăm quân sĩ và gần ba chục tướng tá. Duyệt cũng ở trong số đó.

Sau khi đã vào yết kiến vua Xiêm. Chúa Nguyễn đem hết những kẻ tùy tùng ra ngụ ở xứ Long Khâu, một cánh đồng hoang tiếng Xiêm kêu là “đồng dê” ở liền ngoài thành Băng Cốc.

Chức trách của Duyệt lúc này càng nhàn, ngoài việc sai bảo vài chục tên quân Thuộc nội, chỉ còn hầu tiếp chúa Nguyễn trong những câu chuyện nói dóc.

Trước tình cảnh ấy, chúa Nguyễn không thể quên được vương phi và vương mẫu, ngài liền sai người về đón.

Mấy bữa sau, Ngô Công Quý và mấy viên Thái giám đưa cung quyến sang đến Long Khâu. Mẹ có con, vợ có chồng, gia đình đức chúa lại đoàn viên trên miếng đất ăn nhờ ở đậu trong khi bốn ba.

Thì giờ của Duyệt đã hơi bận rộn hơn trước, vì đã thêm ra hai người nữa phải cầu đến Duyệt săn sóc trông coi.

Qua tháng sau, Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Thành lần lượt tìm đến yết kiến chúa Nguyễn. Theo Quân có tới hơn sáu trăm quân, theo Thành cũng đến gần hai trăm người đóng hết trong bãi Long Khâu.

Số người mỗi ngày mỗi đông, mà lương thực đem theo không có mấy nổi, vua Xiêm trợ cấp cũng không được là bao, sự chỉ dụng dần dần thiếu thốn, tướng tá cũng như quân lính, một số

đông mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chúa Nguyễn rất lấy làm lo.

Nhân thấy dân Xiêm dùng nhiều thuyền độc mộc để đi lại trên sông Cửu Long, Duyệt và Tiền quân Dũng bèn nói với chúa Nguyễn xin dẫn một toán quân sĩ vào rừng chặt cây, đem về đục thành thuyền độc mộc, bán cho người Xiêm để lấy thêm tiền độ nhật<sup>(26)</sup>.

Cai đội Thuộc nội khi ấy đã nghiệm nhiên thành “cai đội thợ mộc”, ngày ngày cùng tụi quân sĩ cặm cùi kỹ cách với những thứ cưa, đục, búa, rìu.

Vậy mà Duyệt rất lấy làm vui thú, vì đi làm những công việc ấy, tức là một cách thoát khỏi cái vòng châu chực chúa ông, chúa bà, thoát khỏi một cái chức vụ mà Duyệt chỉ thấy những buồn cùng chán.

Những thuyền độc mộc của Duyệt và Dũng chế ra, vừa lẹ vừa không hay tránh, khéo hơn thuyền độc mộc của người Xiêm nhiều lắm. Thành thử mỗi lần quân sĩ của Duyệt và Dũng có thuyền đem bán, người Xiêm tranh nhau mà mua. Số tiền thu được khá nhiều. Nhờ vậy, sự tiêu dùng của chúa Nguyễn đã được dễ chịu một chút.

Dần dần thuyền chế càng nhiều, người Xiêm không thể mua hết, vì họ đã đủ dùng rồi. Cái nghề đục thuyền của hai người lại phải đình bãi.

Trong khi đưa những quân sĩ vào rừng chặt cây, Duyệt thấy rất nhiều khu đất có thể cày cấy, mà người Xiêm vẫn còn bỏ hoang. Đến ngày thôi việc đục thuyền, Duyệt lại nói với chúa Nguyễn, nên xin vua Xiêm cho phép quân lính của mình đi khai khẩn những đất hoang ấy.

Sau khi đã được vua Xiêm ưng ý, Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Đức Xuyên, Nguyễn Văn Bình, v.v. theo lệnh chúa Nguyễn, mỗi người dẫn một toán đi mở đồn điền ở các nơi, để lấy lương cho quân ăn<sup>(27)</sup>. Còn ở Long Khâu chỉ có bọn Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội, Trần Phúc Giai, Nguyễn Văn Thành, Ngô Công Quý, tất cả gần hai chục người, và hơn trăm quân ở lại hộ vệ chúa Nguyễn và cung quyến.

Muốn tránh cái việc hầu hạ nội đình, Duyệt cũng xin đi mở đồn điền với những người kia.

Lúc ấy cung quyến và chúa Nguyễn tuy vẫn ăn nhờ ở đậu nhưng cũng tạm gọi là thái bình vô sự, việc trông coi săn sóc không cần phải dùng nhiều người, chúa Nguyễn ưng cho lời xin của Duyệt.

Trong bọn đi mở đồn, Lê Văn Quân coi nhiều quân nhất mà ít nhất là toán quân của Duyệt, cái đó cũng vì quân sĩ sang Xiêm hồi ấy, hầu hết là bộ hạ của Quân, Duyệt chỉ được coi ít quân Thuộc nội mà thôi. Tướng ở đâu thì quân ở đấy, một sự rất thường vậy.

Bắt đầu từ cuối tháng Sáu, Duyệt và bọn Quân, mỗi người đem quân đi chiếm mỗi chỗ. Các chỗ của Duyệt đã chiếm, cách xứ Long Khâu chỉ độ vài dặm.

Tiếng gọi rằng mở đồn điền, mà trâu bò không có con nào vì không có tiền mà mua nông cụ chỉ có những cào và cuốc. Sau khi đã đốt hết cây cỏ hoang rậm, Duyệt đốc quân sĩ dùng cuốc thay cho cây, dùng cào thay cho bừa, lấy sức người thế sức trâu bò, sự làm lụng cực kỳ vất vả, Duyệt không nề hà chi hết, chính mình Duyệt vẫn thường cào đất cuốc đất với tụi quân sĩ.

Cái nghề làm ruộng là nghề gia truyền của nhà Duyệt ngày xưa. Duyệt đã từng được ngó thấy từ thửa nhỏ đến ngày lớn. Vì vậy, những việc lựa đất, lựa giống, giữ nước, tháo nước. Duyệt cũng tính thạo như một người lão nông vậy.

Theo cách cắt đặt của Duyệt, chỉ trong mấy tháng khu đất hoang đã trở nên một khu đất thuộc. Đồn điền của Duyệt cũng như đồn điền của những người kia, ngoài các thức lúa lại có nhiều thức hoa màu khác.

Từ đó, những người đi theo chúa Nguyễn mới không khỏi đói.

Một năm qua.

Trong lúc Duyệt đi làm ruộng, những người trông nom nội đình đều không vừa ý cung quyến

bằng Duyệt. Vì vậy, vương mẫu và vương phi thường nhắc đến Duyệt luôn luôn.

Sang năm Bính Ngọ (1786), mùa màng của Duyệt đã xong, nhân ở Long Khâu, tướng sĩ nhiều người xin đi đồn điền làm ruộng, chúa Nguyễn bèn sai người khác ra thay, bắt Duyệt trở về Long Khâu.

Cái miệng ra hiệu ra lệnh của một tay đạo tướng chưa gặp thì, nay lại bắt đầu ôn lại những tiếng thừa, trình, vâng, dạ.

Tháng Hai năm ấy, nước Xiêm bị ba cánh quân Miến Điện kéo sang lấn xú Sài Nặc, thanh thế rất hăng tợn.

Vua Xiêm tiếp được tin báo, quả quyết tự mình đi đánh. Trước khi cử binh, vua Xiêm cho đòi chúa Nguyễn vào triều, hỏi thử có mưu gì không?

Muốn gây thêm cảm tình với người Xiêm, chúa Nguyễn tình nguyện góp quân đánh giúp và khuyên vua Xiêm nên đi đánh ngay. Vì theo ý chúa Nguyễn, quân Miến ở xa kéo đến họ phải vận tải lương thực kể hàng ngàn dặm, tướng sĩ chắc đều mệt nhọc, nếu đánh ngay thế nào cũng thắng.

Những ý kiến ấy đều được vua Xiêm theo dùng.

Chúa Nguyễn liền phái người gọi Lê Văn Quân đem quân ở đồn điền về, sai Quân và Nguyễn Văn Thành thống lãnh tiền quân đi trước. Ngài và mấy viên khác đốc dẫn hậu quân tiếp theo.

Đáng lẽ Duyệt phải ở lại hầu hạ cung quyến. Nhưng vì muốn nhân dịp chiến trận để tỏ tài, Duyệt xin chúa Nguyễn cho mình đi theo.

Đại binh đến Sài Nặc, trời gần tối. Quân và Thành tức thì đốc quân vào đánh.

Theo kế hoạch của Quân và Thành đã dự bị, quân sĩ dùng những ống đồng dài và nhồi thuốc súng, châm lửa chĩa sang quân địch.

Mấy trăm luồng lửa phun sù sù, đụng phải ai, thì nấy bị bỏng bị cháy. Quân Miến không hiểu nó là vật gì, kinh hoảng tìm đường chạy trốn.

Duyệt theo chúa Nguyễn thúc quân xông lên đâm chém, giết được quân Miến rất nhiều, bắt sống hơn năm trăm người và vô số khí giới.

Giặc Miến tan. Vua Xiêm cho đòi chúa Nguyễn vào triều, tỏ lời khen phục và tặng ngài một số vàng, lụa.

Còn những khí giới mà quân Nam bắt được tại trận, thì khi đại quân rút về, đều bị quân Xiêm đón đường khám xét, lột lấy mất cả.

Từ đó chúa Nguyễn vào hầu vua Xiêm đã mời ngồi, không phải quỳ gối như trước<sup>(28)</sup>.

Kế đó lại có quân nước Đồ Bà sang đánh nước Xiêm. Vua Xiêm lại nhờ chúa Nguyễn cho quân đánh giúp.

Lần này chúa Nguyễn bảo Lê Văn Quân dẫn quân đi giúp vua Xiêm, ngài không đi.

Quân đem thủy binh của mình hợp với quân Xiêm, đánh luôn mấy trận, lại dẹp yên giặc Đồ Bà.

Vua Xiêm thấy vậy, rất trọng Quân là bậc tướng tài, đối đãi rất hậu.

Đã có những công lao ấy với nước Xiêm, chúa Nguyễn tin rằng thế nào vua Xiêm cũng giúp mình một lần thứ hai. Bấy giờ ngài mới ngấm ngấm tính việc kéo quân về nước.

Bọn Hoàng Tấn Cảnh, Võ Di Nguy đem quân ra núi Giăng Khảm chặt cây, xẻ ván đóng chiếc “ghe mười” và bọn Phạm Văn Châu, Nguyễn Văn Định lên về Hà Tiên mộ quân, đều do mệnh lệnh bí mật của ngài sai khiến.

Lại hết một năm nữa.

Sang năm Đinh Mùi (1787)<sup>[29]</sup>, hoàn cảnh của Duyệt vẫn không thay đổi.

Ngày xuân trên cánh “đồng dê” đã nắng gắt lại dài đằng đẵng. Nó rất khó chịu cho người như Duyệt, người ưa động cựa không thích ngồi yên.

Nhưng mà cứ phải ngồi yên.

Bởi vậy, suốt một tháng Giêng, Duyệt chỉ mong được giải buồn bằng những tin mới mẻ ở nước nhà, nhất là tin về thời cục. Song vẫn không sao cho có.

Tới đầu tháng Hai, Tổng Phúc Đạm và mấy viên tướng cũ ở Phú Xuân sang tìm chúa Nguyễn, họ mới đem theo cho Duyệt cái món quà ấy.

Thì ra sau khi chúa Nguyễn chạy sang Xiêm, Phụ chánh Huệ cũng rút quân về Quy Nhơn giao Đô úy Đặng Văn Chân ở lại giữ đất Gia Định.

Tháng Năm năm sau, Huệ kéo quân đánh thành Phú Xuân và lấy được thành ấy của quân Trịnh.

Muốn tỏ ý tôn phù nhà Lê, Huệ xin vua Cảnh Hưng cố ra coi triều, Huệ đem bộ hạ vào châu.

Sau khi Huệ đã dâng nộp sổ sách, bản đồ trong nước, vua Lê gả con gái mình là công chúa Ngọc Hân cho Huệ. Huệ lại dẫn quân về Nam, trả lại đất cát họ Lê.

Tháng sau, vua Cảnh Hưng tạ thế, vua Chiêu Thống lên ngôi, Nguyễn Nhạc cũng tự xưng là Trung ương hoàng đế, phong Lữ làm Đông Định vương đóng ở Gia Định, Huệ làm Bắc Bình vương, đóng ở Phú Xuân. Kế đó, Nhạc và Huệ có sự xích mích. Huệ đã đem quân vây thành Quy Nhơn, Nhạc phải gọi Đô úy Dĩnh về cứu, nhưng gần đây anh em họ đã giảng hòa với nhau và đều bãi binh hết cả.

Nghe những chuyện ấy, Duyệt rất vui vẻ cho là một cơ hội tốt không nên bỏ lỡ.

Tổng Phúc Đạm cũng đồng ý như Duyệt và nói thêm:

- Từ khi Đặng Văn Chân đem quân về cứu Quy Nhơn binh lực của giặc ở Gia Định không còn bao nhiêu, có thể thừa cơ mà đánh lấy được.

Rồi Đạm khuyên chúa Nguyễn mau mau về nước lo sự khôi phục.

Chúa Nguyễn cũng lấy làm phải. Ngài bèn một mặt sai Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Khiêm về miền Hà Tiên dò thám, một mặt sai Phạm Văn Nhân về Hòn Trúc sắp sửa thuyền bè chờ đón.

Mấy tháng sau khi đã tiếp được tin của Võ Di Nguy ở Giăng Khảm gửi về, đợi chúa Nguyễn biết rằng đã có thuyền bè đợi sẵn ở cửa Bắc Nồm. Ngài cho quân mua rất nhiều mạ phao rằng sẽ chở sang cấy ở bên Hòn Trúc. Chờ đến đêm tối, ngài sai Duyệt cùng các tướng đưa cung quyền và đốc hết quân sĩ ra cửa Bắc Nồm, giương buồm chạy thẳng về mặt Hòn Trúc.

## VII - Dụ vào đạo quân Thần Sách

Qua Hòn Trúc tới Cổ Cốt, chúa Nguyễn sai Võ Di Nguy, Phạm Văn Nhân đưa vương mẫu và vương phi vào ở trong đảo Phú Quốc. Ngài cùng các tướng cưỡi thuyền vào thẳng Hà Tiên.

Nghe tin chúa Nguyễn đã về, Hà Hỉ Văn, một tay giặc Tàu, có chân trong Bạch Liên giáo, đã gặp chúa Nguyễn ở Xiêm - đem ít binh thuyền theo giúp.

Khi thuyền chúa Nguyễn tiến đến Long Xuyên, Nguyễn Văn Trương đại tướng Tây Sơn giữ mặt Long Xuyên sai người đưa tin xin hàng. Theo Trương, có đến ba trăm tinh binh và mười lăm chiếc chiến thuyền.

Bước đầu, gặp được nhiều sự may mắn, chúa Nguyễn đốc quân vào thẳng cửa biển Cần Giờ.

Hồi ấy, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đương chú ý về công việc mặt Bắc, hùng binh, mãnh tướng đều rút về vùng Thuận Hóa, Quy Nhơn, binh lực của Nguyễn Lữ ở Gia Định không được cường thịnh như trước.

Thừa thế, tướng cũ họ Nguyễn đã nổi lên đánh phá nhiều nơi. Khi binh thuyền chúa Nguyễn đến Cần Giờ, các tướng ấy lần lượt đem quân lại hợp, oai danh quân Nguyễn bấy giờ lại lừng lẫy.

Nguyễn Lữ được tin phi báo, phải đem quân lui ra Gò Lạn, giao Thái bảo Phạm Văn Tham ở lại giữ đất Sài Gòn.

Chúa Nguyễn dẫn quân lên đánh Sài Gòn, bị thua dữ, lại phải chạy về Hồ Châu.

Sau đó, Lê Văn Quân hạ được đồn Ba Lầy, Hồ Văn Lân lấy được miền Rạch Chanh, rồi Võ Tánh lại đem hơn một vạn quân về giúp, tướng sĩ Tây Sơn luôn luôn có người đầu hàng, binh lực chúa Nguyễn lại mỗi ngày mỗi mạnh. Qua năm Mậu Thân (1788), quân Nguyễn lấy được Sài Gòn, Thái bảo Tham phải chạy về xứ Ba Thắc, gần hết một cõi Gia Định đều thuộc về tay chúa Nguyễn.

Sau khi đã cho người ra đảo Phú Quốc đón cung quyến vào Gia Định, chúa Nguyễn sai các tướng tá mỗi người phòng thủ mỗi nơi. Ngài thì đóng luôn ở đất Sài Gòn, lo việc chỉnh đốn quân bị.

Hồi này, quân Tây vẫn bận rộn về công việc ngoài Bắc.

Từ khi Nguyễn Hữu Chỉnh ở Bắc chuyên quyền làm bậy bị Nguyễn Huệ sai quân bắt giết, vua Chiêu Thống liền chạy sang Tàu cầu cứu với vua Thanh. Đến cuối năm ấy, Tôn Sĩ Nghị và Sầm Nghi Đống theo mệnh vua Thanh, đem quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, do vua Chiêu Thống đưa đường sang chiếm mất thành Thăng Long và đóng ở đó.

Nguyễn Huệ ở Quy Nhơn tiếp được tin ấy, tức thì tự làm hoàng đế, rồi tiến quân ra thẳng Thăng Long.

Đầu năm sau (1789), Nguyễn Huệ chém Sầm Nghi Đống, phá tan quân Thanh, đuổi Tôn Sĩ Nghị về Tàu.

Tuy rằng sau đó, Huệ lại dẫn quân về Phú Xuân, giao đất Bắc Thành cho con trai là Nguyễn Quang Thùy và Tư khấu Võ Văn Dũng coi giữ, nhưng dư đảng họ Lê họ Trịnh vẫn còn ngấm ngầm vận động. Thời cục Bắc Hà vẫn buộc Huệ phải luôn luôn để mắt, không đủ thì giờ ngó đến miền Nam.

Nhờ vậy, chúa Nguyễn ở Gia Định, tha hồ sửa sang mọi việc.

Ngoài những việc cất cung điện, xây mồ mả, đắp thành quách các nơi. Ngài vẫn hết sức mộ thêm quân lính, đóng thêm chiến thuyền, đặt đủ các hạng quan chức.

Những tay đại tướng như Tôn Thất Hội, Võ Tánh, Nguyễn Văn Thành, Tống Viết Phúc... đều được giữ chức quan trọng. Bọn đó thường thường đem quân ra đánh quân Tây ở mặt Trấn Biên, và đều thắng trận luôn luôn. Mấy người đó rất được chúa Nguyễn tin dùng, ngài phong Tôn Thất Hội làm Đốc chiến chương kỵ dinh Hậu quân, Võ Tánh làm Chương cơ dinh Tiên phong, Nguyễn Văn Thành làm Tổng nhung cai cơ dinh Trung quân, Tống Viết Phúc làm Tuyên phong vệ úy đạo quân Thần Sách.

Duyệt vẫn lệt đệt ở ngôi Cai đội, quanh quẩn với tên quân Thuộc nội.

Một bữa, nhân lúc vô sự, Duyệt cùng vài viên Thái giám ôn lại những cuộc chiến tranh và bàn luận sự hay hèn của các đại tướng. Bọn Thái giám tranh nhau khen Nguyễn Văn Thành và Tống Viết Phúc là bậc đủ cả trí dũng, các tướng không có ai bằng. Duyệt có ý tức, cau mày bẻ lại:

- Cứ trong con mắt của ta, hai người ấy chưa phải là bậc danh tướng. Tống Viết Phúc có dũng mà không có mưu, Nguyễn Văn Thành có mưu mà không có dũng, danh tướng đâu có như vậy? Ta coi các đại tướng ngày nay, chỉ có Tôn Thất Hội đủ cả trí dũng, thật đáng là bậc lương tướng. Nếu ta được làm đại tướng, quyết không chịu thua ông ấy.

Rồi Duyệt cao hứng nói hoài về việc dùng binh ra trận. Thành linh chúa đi qua nghe được, ngài khoan thai hỏi Duyệt:

- Người có thể cầm quân được chăng?

Duyệt nói một cách quả quyết:

- Thưa, được!

Chúa Nguyễn mỉm cười:

- Người có thể làm tướng được chăng?

Duyệt không ngần ngại và đáp luôn:

- Thưa được!

- Việc binh là việc lớn, sao người dám nói dễ dàng làm vậy?

- Thưa, quân Tây Sơn đều là kẻ vô đạo, chẳng bao lâu nữa tự nó sẽ phải diệt vong. Dùng quân hơn từ của ta mà đánh quân tàn bạo của giặc, thế đó giống như chẻ tre vậy, tôi thật không thấy có chi là khó.

Chúa Nguyễn tỏ ý khen ngợi.

Vừa gặp lúc đó chúa Nguyễn có lệnh cho phép các tướng được mộ quân riêng, người nào mộ được bao nhiêu, thì sẽ cai quản bấy nhiêu, Duyệt bèn xin phép về các thôn xóm dân quê, chiêu dụ lấy người ra lính.

Chẳng bao lâu, Duyệt mộ được năm trăm người, bèn xin lập riêng một “vệ” kêu là vệ Diệu Võ, chúa Nguyễn ưng ý, cho Diệu Võ vệ được thuộc vào Thần Sách quân.

Đạo quân Thần Sách gồm có năm đồn: Tiền, Hậu, Tả, Hữu và Trung. Mỗi đồn khoảng ba nghìn quân, chia làm năm vệ. Mỗi vệ có một tên riêng, Diệu Võ vệ của Duyệt với bốn vệ Tuyển Phong hữu, Dương Võ, Định Võ, Toàn Võ đều thuộc Tả đồn, do Tôn Thất Huy thống đốc.

Từ đó, Duyệt được xa hẩn nội đình, chuyên việc luyện tập quân lính.

Trong vài tháng, Diệu Võ vệ đã trở nên một toán quân rất hùng dũng và có kỷ luật.

Bấy giờ chúa Nguyễn thấy quân Tây còn thịnh, chưa muốn tiến quân ra đánh. Vả lại, đất Gia Định mới lấy lại được, các việc đương bắt đầu mở mang, ngài phải để hết thì giờ vào những chuyện cắt đặt quan lại, tướng tá, sắm sửa khí giới binh thuyền, ít khi tính đến việc tranh thành cướp đất. Vì vậy trong mấy năm trời, Duyệt chỉ đóng ở vùng Gia Định.

Qua năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung bị bệnh qua đời, con trai là Nguyễn Quang Toản

nổi ngôi hoàng đế, dùng Bùi Đắc Tuyên làm Nhiếp chánh thái sư.

Tuyên không có tài mà muốn chuyên quyền, bao nhiêu việc nước đều đem bàn ở nhà riêng, Quang Toản không được dự biết, tướng sĩ thấy vậy, hết thấy căm giận, chán nản.

Thế lực Tây Sơn mỗi ngày một suy.

Các tướng Gia Định nghe những tin ấy, ai nấy đều khuyên chúa Nguyễn kéo quân ra đánh.

Bấy giờ Bá Đa Lộc đã đưa Vương tử Cảnh ở Phú Lãng Sa về từ lâu rồi.

Tháng Ba năm Quý Sửu (1793), lập Cảnh làm Đông My, phong làm nguyên soái, giao cho lãnh dinh Tả quân, cùng mấy viên văn quan võ tướng đóng giữ Gia Định. Rồi, chúa Nguyễn sai Tôn Thất Hội điều khiển các đạo bị binh. Phong Võ Tánh làm Tham Thặng Bình Tây đại tướng quân, Nguyễn Văn Thành làm Khâm sai Bình Tây Tiền tướng quân, định ngày ra đánh Quy Nhơn (Kinh đô vua Tây Sơn).

Đại quân chia làm hai cánh: Tôn Thất Hội và Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức dẫn quân đi đường bộ, Duyệt và Võ Tánh, Nguyễn Văn Trương, Võ Văn Lượm đều theo chúa Nguyễn xuống đi đường thủy.

Tháng Năm năm ấy, bộ quân kéo đến Phú An, chiếm được đồn La Hai của Hồ Văn Diêm (Đô đốc Tây Sơn), sau một trận đánh nhau ở sông La Hai.

Lúc ấy thủy quân đã phá được đồn Diên Khánh, lấy được dinh Bình Khang. Chúa Nguyễn tự đốc binh thuyền tiến vào cửa biển Thi Nai.

Sau khi thủy quân đã đánh được cầu Tân Hội và chợ Vân Sơn thì bộ quân đã ra đến miền Trúc Dã và đóng ở đó.

Vua Tây Sơn tiếp được tin báo liền sai Thái tử Nguyễn Bảo cùng các đại tướng chia quân phòng triệt hai nơi Kỳ Sơn và Úc Sơn, làm cho quân Nguyễn mất thủy, mất bộ không thể giao tiếp với nhau.

Chúa Nguyễn một mặt giục Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Thành đánh gấp vào đồn Kỳ Sơn, một mặt sai Duyệt làm tiên phong, Võ Văn Lượm làm hậu ứng, cùng đánh lên đồn Úc Sơn.

Trời mới sáng rõ, Duyệt đem toán quân Diệu Võ tiến thẳng đến trước Úc Sơn. Thủ tướng Úc Sơn là Đô đốc Hồ hết sức đốc quân chống cự.

Theo với những tiếng đại bác dữ dội, súng đạn tự trên sườn núi bắn xuống đùng đùng, đồng thời những tảng đá lớn, những khúc gỗ ngắn cùng lỏng lẻo lăn xuống chân núi.

Với lá cờ múa rối trong tay, Duyệt hăng hái thúc quân xông thẳng lên núi.

Đằng sau, toán quân của Võ Văn Lượm cũng hò reo kéo lên trợ chiến.

Quân Tây kháng cự càng rát, trống thúc không dứt tiếng, súng nổ như pháo ran.

Quân Nguyễn chết hại tuy nhiều, Duyệt và Lượm vẫn liều mạng hô quân cứ tiến.

Quá trưa, trên núi hết cả thuốc đạn, Đô đốc Hồ dẫn quân ủa xuống đánh bộ.

Lúc ấy Duyệt và Lượm lại càng hăng tợn. Hai người ra sức đốc quân xông lên chém la chém liệt như phát cỏ bờ.

Hỗn chiến chừng hơn hai giờ, quân Tây ít quá, không thể địch lại quân Nguyễn, Đô đốc Hồ bỏ đồn Úc Sơn, đem quân tháo lui.

Quân Nguyễn bắt được rất nhiều khí giới.

Duyệt và Lượm kéo quân lên đóng ở đồn Úc Sơn, rồi cho người đến chúa Nguyễn báo tin thắng trận.

Khi ấy Tư khấu Võ Văn Dũng giữ đồn Kỳ Sơn, nghe tin Úc Sơn thất thủ, biết rằng Kỳ Sơn



không thể giữ nổi, cũng phải bỏ đồn mà chạy.

Tôn Thất Hội chiếm đồn Kỳ Sơn rồi tiến quân đến núi Tam Tháp.

Nguyễn Bảo phải lui vào giữ thành Quy Nhơn, và sai Đô đốc Đẩu đem quân đóng ở Khố Sơn, chống nhau với quân Nguyễn.

Bây giờ bên Nguyễn mặt thủy mặt bộ tuy đã thông nhau, nhưng vì Khố Sơn chặn ngang đường đi. Quân Tây ở trên bắn xuống như mưa, quân Nguyễn vẫn không thể nào tiến được.

Theo lệnh chúa Nguyễn, Duyệt và Nguyễn Đức Xuyên, Nguyễn Văn Trương đều dẫn quân đến đánh Khố Sơn.

Đối với Quy Nhơn, Khố Sơn, là một nơi rất trọng yếu, trong đồn, súng nhiều, đạn nhiều, quân sĩ nhiều, thành lũy cực kỳ vững chắc. Quân Nguyễn xông qua lúc nào, quân Tây vẫn dư sức mà đưa những viên đạn đại bác, thần công xuống luôn lúc ấy.

Giao chiến liền ba ngày, quân Nguyễn vẫn không thể vượt qua trước đồn.

Duyệt và hai tướng vẫn lăn xả vào đánh.

Trong lúc súng nổ kịch liệt, Nguyễn Đức Xuyên đứng ra trước trận, kêu mấy tên quân ở vĩa đồn và nói thật lớn như vầy:

“Chúng bay giữ cái đồn này làm chi? Ngày nay quân nhà chúa đã lấy được cầu Tân Hội, kéo đến núi Tam Tháp, vua Tây Sơn nhà chúng bay thế cùng đã phải rút vào trong thành. Đại binh nhà chúa đương vây Quy Nhơn kín cả bốn bề, chẳng bao lâu nữa, thành ấy sẽ bị đánh vỡ. Chúng bay liều chết giữ cái đồn này cho Đô đốc Đẩu, để sau này mua lấy một trận ‘làm cỏ’ phải không?”.

Đám quân cửa đồn nghe nói thôi không bắn nữa.

Duyệt và Nguyễn Văn Trương thừa thế đốc quân sấn lên trong đồn rối loạn, quân Tây mở toang cửa lũy xin hàng.

Đô đốc Đẩu chạy ra cửa sau trốn thoát.

Quân Nguyễn chiếm Khố Sơn rồi, Duyệt và các tướng đều dẫn quân bốn bộ theo Tôn Thất Hội, Võ Tánh chia đạo vây thành Quy Nhơn.

Trong thành vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc) và các văn võ đốc quân cố chết chống giữ.

Quân Nguyễn đánh mấy chục ngày không vỡ.

Đến cuối tháng Sáu, bỗng có mấy toán lục tục tự mạn Phú Xuân kéo ra và một đám chiến thuyền bộ quân ở ngoài biển vào.

Vua Cảnh Thịnh (Nguyễn Quang Toản) được tin báo cấp của vua Thái Đức, sai bọn Thái úy Phạm Công Hưng, hộ giá Nguyễn Văn Huân, Tư lệ Lê Trung, Tư mã Ngô Văn Sở và đại thống lĩnh Đặng Văn Chân đem quân thủy bộ ra đánh giải vây.

Thấy Quy Nhơn đã có cứu binh, chúa Nguyễn hạ lệnh rút quân về dinh Diên Khánh, giao Tôn Thất Hội ở lại giữ phủ Phú An.

Vì có công lao trận này, Duyệt được thăng chức Thuộc nội Vệ úy nhưng vẫn coi vệ Diêu Võ.



# VIII - Giải vây thành Diên Khánh

Về đến Diên Khánh, chúa Nguyễn sai đắp vòng thành ở Nha Trang đặt tên là thành Diên Khánh, giao cho Nguyễn Văn Thành đóng quân lại đó. Duyệt và các tướng đều theo chúa Nguyễn đại quân về Gia Định.

Tháng Một năm ấy, chúa Nguyễn lại đòi Nguyễn Văn Thành và Tôn Thất Hội về Gia Định, sai Đông cung Cảnh và Phạm Văn Nhân, Tổng Phúc Đạm, Tổng Viết Phúc, Bá Đa Lộc ra giữ Diên Khánh, Nguyễn Văn Nhân, Võ Văn Lượng, Nguyễn Long ra giữ Phú An.

Hồi ấy vua Thái Đức mới tạ thế. Vua Cảnh Thanh phong cho Tiểu Triều (con vua Thái Đức) làm tước Hiếu công và cho ăn lộc bằng một huyện Phù Ly. Còn thành Quy Nhơn thì bị bọn Thái úy Hưng và Hộ chiếm giữ.

Tháng Hai năm sau (1794)<sup>(30)</sup> vua Cảnh Thanh sai hộ giá Huân và Kiểm hiệu Trần Viết Kết kéo quân vào đánh Phú An, Nguyễn Văn Nhân và Võ Văn Lượng chống cự không lại, phải lui vào thành Diên Khánh. Quân Tây kéo hết đến dưới chân thành, quân Nguyễn giao chiến mấy trận đều bị thua.

Chúa Nguyễn được tin báo, tức thì đốc dẫn kéo ra cứu viện. Quân Tây thấy cứu binh đã tới, bèn bỏ Diên Khánh lui ra Quy Nhơn. Chúa Nguyễn để Võ Tánh trấn thành Diên Khánh, Nguyễn Công Thái và Nguyễn Long ở lại giữ Phú An, cho Đông cung Cảnh và Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Nhân theo đại quân trở về Gia Định.

Khoảng đầu tháng Một, Thiếu phó Trần Quang Diệu và Tư lệ Lê Trung lại đem mấy toán quân Tây đến đánh Phú An. Công Thái phải chạy vào Diên Khánh, Võ Tánh không cho Công Thái đem quân vào thành, bắt phải ở ngoài trông nhau với quân địch. Công Thái đánh với quân Tây không lại, phải dẫn quân chạy vào Phan Rí.

Tư lệ Lê Trung dẫn quân đuổi theo toán quân Công Thái và ngăn đường quân Nguyễn ở mặt Bình Thuận kéo ra còn Thiếu phó Diệu thì đốc đại quân bỏ đạo vây thành Diên Khánh.

Theo lệnh Dũng, quân Tây đắp một vòng lũy cao bọc kín bốn mặt Diên Khánh, rồi quân sĩ đứng ở trên lũy chĩa súng bắn vào trong thành như mưa. Quân Nguyễn bị giết rất nhiều, Võ Tánh phải mộ quân cảm tử xông qua vòng vây chạy vào Gia Định cáo cấp.

Lúc ấy đương trái mùa gió, thủy quân chưa tiện đi biển. Chúa Nguyễn phải sai Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Hoàng Đức đốc dẫn bộ quân gấp đường ra trước, chờ đến khi nào thuận gió, thủy quân sẽ kéo ra sau.

Thành và Đức đi đến Phố Hải thì phải lui quân về miệt Bà Rịa vì bị toán quân Tư lệ Trung đã giữ hết các nơi hiểm yếu, kháng cự rất kịch liệt.

Bấy giờ quân Tây đánh thành Diên Khánh càng gắt, mấy lần quân sĩ cởi trần vượt lên mặt thành, chực nhảy vào thành. Tình thế trong thành càng ngày càng nguy cấp, Võ Tánh luôn luôn sai người lên vào Gia Định cầu cứu.

Tháng Ba năm Ất Mão (1795), chúa Nguyễn giao Đông cung Cảnh và bọn Phạm Văn Nhân giữ đất Gia Định, sai Tôn Thất Hội điều sát bộ quân đi đường Phố Hải tiếp ứng bọn Nguyễn Văn Thành. Rồi ngài tự mình đốc dẫn binh thuyền vượt biển ra cứu Diên Khánh.

Duyệt và Nguyễn Đức Xuyên, Tổng Viết Phúc cùng nhiều tướng khác đều lãnh quân bốn bộ đi theo.

Sau một trận giao chiến ở Y Na, thuyền quân chúa Nguyễn vượt vũng Y Na, tiến đến vịnh biển Cù Huân.

Theo lệnh chúa Nguyễn, Cai cơ Nguyễn Văn Đắc và Vệ úy Võ Di Minh kéo quân đánh đồn Lô

Cương.

Trong đồn Đô đốc Lê Danh Phong chống cự rất hăng tợn.

Quân Nguyễn đánh luôn mười đêm mười ngày vẫn không hạ được đồn ấy.

Chúa Nguyễn sốt ruột liền gọi Đắc và Minh về, sai Duyệt và Nguyễn Đức Xuyên đem quân lên thay và truyền hai tướng cứ thẳng trước đồn mà đánh.

Hai tướng đánh một ngày nữa, vẫn không thấy núng. Năm trăm quân Diêu Võ của Duyệt và năm trăm quân Hùng Võ của Xuyên mấy lượt xông vào lại lùi ra, không thể vào sát chân lũy. Vì súng đạn trên đồn bắn xuống rất quá, tướng sĩ bị chết rất nhiều.

Duyệt và Xuyên hạ lệnh cho quân tạm nghỉ, rồi hai tướng cùng ngồi bên đồn bàn bạc mưu kế. Theo ý Xuyên, đồn Lô Cương không bao lâu, quân địch chống cự đã hơn mười ngày, chắc là chúng đã mệt mỏi, cứ theo lệnh của chúa Nguyễn ra sức mà đánh, tất nhiên phải vỡ. Duyệt nói:

- Đồn này tuy nhỏ mà rất kiên cố, cứ lấy sức mạnh mà đánh khó lòng hạ được. Bây giờ chỉ có một cách chia quân ra làm hai đạo: một đạo đánh đằng sau đồn, nhử cho quân địch kéo ra mặt ấy chống giữ, một đạo lên đến trước đồn đào phá cho thủng vách lũy, rồi vừa thúc trống vừa hò reo mà tiến binh vào. Như vậy, thế nào đồn cũng phải vỡ.

Xuyên ngần ngại:

- Việc binh là việc hiểm nghèo, không nên dùng kế mạo hiểm. Vả lại, chưa có lệnh trên... thì làm thế nào?

Duyệt quả quyết:

- Đã có lệnh trên cho làm vậy rồi. Sau này nếu có tội chi. Duyệt xin chịu hết.

Rồi Duyệt tức thì dẫn ba đội quân Diêu Võ xuống thuyền qua sông đánh gấp vào phía sau đồn.

Khi ấy đêm đã canh hai, ngoài đồn tối um, quân Tây trong đồn thấy mặt sau có giặc đến đánh, đổ xô lại đó chống giữ.

Xuyên ở mặt trước thúc quân vác thuổng cuốc vào gấp chân lũy đào phá. Giây lát, lũy úp một đoạn, mấy trăm quân Hùng Võ hò reo ầm ầm.

Quân Tây trong đồn rối loạn, Đô đốc Phong phải đem mấy chục thủ hạ chạy trốn.

Duyệt và Xuyên kéo quân vào đồn, rồi sai người đi báo tiếp.

Sau khi chúa Nguyễn đã dẫn quân lên đồn và xem xét các nơi, Duyệt đến trước ngài, thuật lại công việc đánh đồn, rồi xin chịu tội giả mạo mệnh lệnh.

Chúa Nguyễn ôn tồn an ủi:

- Trong lúc ra trận, người biết theo cơ dùng kế, thắng được quân giặc, đó là có công, ta phải ghi vào trong sổ, chớ có tội chi!

Rồi chúa Nguyễn sai Duyệt và các tướng dẫn quân theo mình lên miệt Khố Sơn.

Tới Khố Sơn phải qua Ngự Trường. Nhưng ở Ngự Trường đã có đồn quân do lệnh của Thiếu phó Diêu sai đóng phòng triệt, làm thế ỷ giặc với đồn Khố Sơn. Quân Nguyễn tới đó phải ngừng lại, mặt thủy không thông được với mặt bộ.

Chúa Nguyễn đã sai quân đánh đồn Ngự Trường mấy lần nhưng không thể vỡ. Quân Tây chống giữ rất vững.

Tình cờ có tên quân Tây là Nguyễn Danh Nho đầu hàng và xin đưa quân Nguyễn đi đường tắt lên đánh lên Khố Sơn.

Đêm ấy, chúa Nguyễn sai Cai đội Nguyễn Ngọc Mãn đem ba trăm quân túc trực theo Nho, lừa

lúc tối trời, lên lội qua sông Ngự Trường. Rồi cả ba trăm quân đều cởi trần bò lên Khố Sơn, phóng hỏa đốt hết các dinh trại.

Gió mạnh, lửa cháy dữ, quân Tây kinh hoảng rối loạn, giày đạp lên nhau mà chết rất nhiều.

Chúa Nguyễn sai quân hò reo tiến lên, phá luôn được đồn Ngự Trường.

Thiếu phó Diêu được tin Ngự Trường thất thủ, biết là cứu binh bên Nguyễn đã đến nơi. Nhân lúc đó ở Phú Xuân vừa xảy ra một việc nội biến, Diêu muốn tự về điều đình, bèn bỏ vòng vây Diên Khánh, rút về Quy Nhơn.

Duyệt và Võ Văn Lượng, Nguyễn Đức Xuyên đốc quân rượt theo, bắt được rất nhiều voi ngựa khí giới.

Sau khi chúa Nguyễn đã vào thành Diên Khánh, thăng thưởng tướng sĩ, Tôn Thất Hội phải ở lại giữ thành Diên Khánh, Duyệt và các tướng đều theo ngài về Gia Định.

# IX - Trái núi trước mặt - Chén rượu trên bàn voi

**T**rong mười tám tháng trời - từ tháng Một năm Giáp Dần đến tháng Sáu năm Ất Mão - thành Diên Khánh bị hãm ở trong vòng vây, Võ Tánh, vì nợ ơn dày của chúa Nguyễn, đã đánh đổi được mảnh đất ấy cho chúa Nguyễn bằng một số lớn máu cổ sọ đầu của tướng sĩ.

Còn muốn dùng nhiều máu cổ, sọ đầu của kẻ khác để đánh đổi lấy nhiều mảnh đất khác cho mình, chúa Nguyễn xử rất hậu hĩ với tội oan hồn này.

Cái miếu “Tinh Trung” trên núi Hà La, phía Bắc cửa biển Cù Huân, mà chúa Nguyễn dựng lên ngay trong tháng. Ngài ở Diên Khánh về Gia Định, chính là chỗ để cho tội mất mạng hồi đó, thiêng thì về mà nuốt khói ăn hương.

Trong một rừng bài vị ở miếu ấy, người ta đếm được 10 tên Cai cơ truy tặng Chương cơ và 240 tên Cai đội truy tặng Cai cơ. Trong số sau này có 99 người chết về bệnh dịch còn thì đều là chết trận.

Đó là mới kể những kẻ dự có chức hàm. Lại còn những kẻ tiểu tốt vô danh không ai đếm xỉa tới? Có lẽ 250 ông Cai cơ và Cai đội kia cũng đem đi theo mình đến hàng năm, bảy ngàn người là ít.

Bởi thấy chết hại nhiều người như vậy, chúa Nguyễn biết rằng quân Tây chưa thể đánh được, cho nên từ đó trở đi, ngài đã tạm nghỉ để chờ cơ hội.

Trong năm Bính Thìn (1796)<sup>(31)</sup>, cái năm không có chinh chiến, Duyệt cũng như các tướng tá khác, ngoài việc luyện tập quân sĩ không có việc chi mà làm.

Đã một hồi dài, Duyệt và Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tống Viết Phúc... cùng các Cai cơ, Cai đội, Tri bạ, Tham luận, ngày ngày xúm nhau đánh bạc, hoặc là đá gà, chọi cá, ăn thua kể hàng trăm hàng nghìn<sup>(32)</sup>.

Chuyện đó đến tai chúa Nguyễn. Ngài đòi hết thầy mọi người quở mắng một hồi, rồi cấm không cho chơi nữa.

Qua năm Đinh Tỵ (1797), Duyệt được đổi sang chức Vệ úy của đội Diệu Võ, đến năm Mậu Ngọ (1798) thì được thăng chức Chánh thống ở Tả đồn, rồi phải ra giữ thành Diên Khánh.

Hồi này triều đình Tây Sơn lại xảy ra mấy chuyện nội biến.

Sau khi Tiểu Triều (tức Nguyễn Bảo) vì bất đắc chí với vua Cảnh Thanh, sai người thông với chúa Nguyễn, chẳng may việc vỡ, bị vua Cảnh Thanh bắt giết, thì Trấn thủ Lê Trung và Thiếu phó Nguyễn Văn Huân cũng lần lượt bị chém vì những lời gièm pha. Tướng sĩ thấy vua Cảnh Thanh đa nghi và tàn sát như vậy, nhiều người rất chán nản, đã có một vài người sang đầu chúa Nguyễn. Thế lực Tây Sơn suy dần.

Chúa Nguyễn hay những tin ấy, liệu chừng có thể đánh được Tây Sơn. Tháng Hai năm Kỷ Mùi (1799), ngài để vương tử Hy (con thứ hai chúa Nguyễn) trấn đất Gia Định, tự mình đi đánh Quy Nhơn.

Một đội bộ binh do Nguyễn Văn Thành điều vát, đi trước để tiếp ứng ở mặt bộ. Chúa Nguyễn, Đông cung Cảnh và nhiều tướng tá sẽ kéo thủy quân đi sau.

Khi ấy Duyệt còn đương ở Diên Khánh, cũng phải đem quân bốn bộ xuống thuyền theo đạo quân của chúa Nguyễn.

Thủy quân vào vịnh Cù Mông, Duyệt và Võ Tánh cùng bọn Tống Viết Phúc, Nguyễn Đức

Xuyên đều phải đem quân đổ bộ. Tánh và Xuyên tiến quân lên miệt Bình Thị, Duyệt thì kéo quân vào miền Đạm Thủy.

Như một trái núi ngăn cản, đồn Sa Lung là nơi rất trọng yếu ở Đạm Thủy. Kho lương, kho thuốc của quân Tây đều đóng ở đó.

Đoàn luyện Giảng, một tay dũng tướng có tiếng ở Tây Sơn phòng thủ đồn ấy bằng một đội quân rất hùng tráng, có đủ thần công, đại bác và các thứ súng khác.

Quân đến Đạm Thủy, Duyệt tiến vào phá đồn Sa Lung.

Đoàn luyện Giảng thúc quân bắn xuống rất dữ, quân Nguyễn luôn luôn nhào té theo những tiếng nổ trong đồn đưa ra.

Giao chiến kịch liệt từ sáng đến chiều, đồn vẫn vững, quân Nguyễn vẫn không vào được gần đồn.

Trời sắp tối, gió đông nam nổi lên ùng ùng, trước đồn cát bụi mù mịt.

Hai chữ “hỏa công” theo gió thổi vào trí nghĩ của Duyệt.

Tức thì Duyệt thúc hơn trăm quân cầm tử xông vào cửa đồn với hơn trăm bó đuốc châm lửa.

Súng bắn không kịp sự hăng hái, hùng dũng, lanh lẹ của Duyệt và đội tử sĩ. Những bó đuốc lửa liệng lên trên đồn nhao nhao.

Mấy kho thuốc đón luôn ngọn lửa và truyền qua mấy kho lương, dinh trại trong đồn đều bị lửa nuốt lem lem.

Quân Tây rối loạn, cuống quýt tìm đường trốn.

Duyệt đốc toán quân cầm tử hò reo diều qua phía tả đồn, vừa gặp Đoàn luyện Giảng dắt mấy chục tên quân chạy về phía Tây. Sau nửa giờ giáp trận, Giảng bị Duyệt chém chết tại trận.

Quân Nguyễn thừa thế đánh tràn, quân Tây đều bỏ khí giới xin hàng.

Duyệt đem quân chiếm đồn Sa Lung, rồi cho người đưa thủ quỹ Đoàn luyện Giảng đến vịnh Cù Mông nộp cho chúa Nguyễn.

Nghe tin Duyệt chém được Đoàn luyện Giảng, hạ được đồn Sa Lung, chúa Nguyễn và tướng sĩ đều phục tướng tài của Duyệt.

Vì một trận đó, thanh thế quân Nguyễn lừng lẫy thêm nhiều. Quân Tây nghe tiếng quân Nguyễn đến đâu, đều hoảng hồn khiếp vía đến đó.

Bấy giờ toán quân Võ Tánh đã tới Bình Thị. Nhân được Đô đốc Lê Chất đem ba trăm quân đầu hàng, Tánh cùng Chất và Xuyên kéo tuốt đến hàng Kỳ Đáo. Luôn mấy trận kịch chiến, bọn Tánh đã phá được đạo quân của Thái phủ Lê Văn Ưng, Tư võ Trần Danh Tuấn và tiến đến sát thành Quy Nhơn.

Chúa Nguyễn mừng lắm, liền sai bọn Tánh chia quân vây thành Quy Nhơn, rồi ngài tự mình đốc dẫn binh thuyền cùng bộ binh của Nguyễn Văn Thành vào đóng ở bến Tân Quan.

Duyệt và Tổng Viết Phúc phải dẫn quân lên đóng ở vùng Sa Lung, Trà Sơn, Bình Ê, Hang Chuồn, Bến Đá, Cung Mang, chặn đường cứu binh của bên địch.

Từ khi được tin quân Nguyễn ra đánh Quy Nhơn, vua Cảnh Thịnh đã sai Thiếu phó Trần Quang Diệu, Tư đồ Võ Văn Dũng thống đốc các đại binh theo đường thủy ra cứu.

Tới Quảng Ngãi nghe nói quân Nguyễn đã chiếm Tân Quan, Diệu và Dũng xua quân lên bộ, tiến thẳng vào miệt Bình Ê.

Thấy báo quân Tây có tới mấy vạn, kéo đi kín cả cánh đồng, chúa Nguyễn e rằng quân mình không thể địch nổi, bèn hạ lệnh cho Duyệt và Phúc hãy tạm lui quân một chút.

Duyệt và Phúc đều khảng khái nói:

- Đã có hai tôi ở đây, còn sợ gì quân giặc!

Rồi Duyệt lại chỉ tay ra trái núi trước mặt mà bảo với Phúc:

- Đó là nơi mà hai ta sẽ phải sống, thác với giặc.

Khi ấy Diệu và Dũng đã kéo đến gần Bình Đê, thấy quân Nguyễn có phòng bị, hai tướng bèn chia quân ra làm hai cánh. Diệu lãnh một vạn quân chống với quân Nguyễn. Dũng đem một vạn quân theo đường tắt Côn Cốc xuống thẳng Thạch Tân, định đến đánh úp Tân Quan.

Đêm ấy, quân Dũng lội qua một con ngòi nhỏ kéo sang bên này. Khu rừng bên ngòi bỗng có con nai chạy ra đứng ở giữa đường. Một tên tiền quân ngó thấy, vội reo lớn rằng: “Con nai, con nai!”.

Tiếng reo mau quá, mấy tên quân khác nghe lầm, tưởng là “Quân nai, quân nai” chúng liền hô truyền đi rằng: “Quân Đồng Nai, quân Đồng Nai!”.

Đồng Nai là một xứ ở Trấn Biên (Biên Hòa), người Tây Sơn hồi ấy vẫn dùng để chỉ chung cả miền Gia Định. Cho nên, nghe tiền quân hô “quân Đồng Nai”, hậu quân ngỡ rằng quân Nguyễn đến đánh, luống cuống bỏ cả đội ngũ mà chạy. Rồi thì cả hàng vạn người, xô đẩy lẫn nhau, giày xéo lên nhau, sa xuống hang xuống ngòi mà chết vô số.

Duyệt và Phúc nghe tiếng ầm ầm, biết rằng quân Tây bị kinh mà chạy, tức thì đốc mấy trăm quân rượt theo, quân Tây cứ cắm đầu chạy không dám ngoảnh cổ lại, quân Nguyễn bắt được rất nhiều khí giới và quân sĩ.

Diệu thấy quân Dũng tan vỡ, cũng rút quân lùi.

Lúc ấy toán quân Võ Tánh đánh thành Quy Nhơn rất gấp.

Lương thực hết, cứu binh không tới, thủ tướng Quy Nhơn là Tư võ Tuấn và Thượng thư Nguyễn Thái Phác phải mở cửa thành xin hàng.

Chúa Nguyễn đổi tên thành Quy Nhơn làm thành Bình Định, sai Võ Tánh ở lại trấn thủ. Theo Tánh ngoài quân bốn bộ, lại có những quân ở ba đồn Trung, Tiền, Tả trong đạo ngự lâm, quân ở đồn Xiêm Bình và Ngô Tùng Châu, một viên Lễ bộ, giúp Tánh về các việc chánh trị.

Rồi chúa Nguyễn xuống thuyền về Gia Định với những toán quân thắng trận.

Duyệt cũng đem quân bốn bộ theo về, cách đó ít lâu thì được thăng chức Tả đồn Đô thống chế.

Cuối năm, Thiếu phó Diệu và Tư đồ Dũng nghe tin quân Nguyễn về hết, chỉ còn Võ Tánh ở lại giữ thành Quy Nhơn, hai tướng liền dẫn đại quân đến đánh.

Dũng đem thủy quân đóng ở cửa biển Thi Nại, phòng bị quân Nguyễn theo đường biển ra cứu. Diệu lãnh bộ quân kéo đến vây thành.

Quân Tây đông quá, Võ Tánh và Ngô Tùng Châu không dám giao chiến, phải rút quân vào thành cố giữ.

Quân Tây mấy lần khiêu chiến, Tánh nhất định không ra, Diệu thấy vậy, biết rằng Tánh muốn dằng dai để cho quân mình chết già, bèn sai tướng sĩ đắp lũy dài ở ngoài thành và đi đóng đồn khắp những nơi hiểm yếu, từ Quy Nhơn đến Phú An.

Diệu muốn hãm cho quân Tánh hết lương.

Bấy giờ Lê Chất cũng theo Tánh ở trong thành, Tánh ngờ Chất là tướng cũ Tây Sơn, hoặc ý gì không tốt, bắt Chất và thủ hạ phải ra hết ngoài thành, xông qua vòng vây, chạy vào Gia Định cáo cấp.

Chúa Nguyễn cho là lương thực ở Quy Nhơn còn đủ chi trong một năm, không cần cứu vội, vì

còn trái mùa gió.

Tin cầu cứu của Tánh đưa vào luôn luôn, tình hình Quy Nhơn đã nguy.

Tháng Tư năm Canh Thân (1800), chúa Nguyễn để Đông cung Cảnh giữ đất Gia Định, sai Nguyễn Văn Thành, Lê Chất đốc dẫn bộ binh, Nguyễn Đức Xuyên đốc dẫn tượng binh cùng tiến ra miệt Phú An. Rồi ngài cùng Duyệt và Nguyễn Văn Trương, Tống Phúc Lương, Tống Viết Phúc, Võ Di Nguy, Nguyễn Huỳnh Đức... thống lãnh binh thuyền thẳng ra miền biển Thi Nai.

Sang tháng Sáu, thủy quân của chúa Nguyễn tới vịnh Cù Mông.

Lúc ấy bộ quân và tượng quân của bọn Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đức Xuyên đã phá được những đồn Ái Thạch, La Hai, Gò Chi kéo đến đóng ở Đồng Thị, Thành đương đốc quân đánh đồn Núi Chúa.

Chúa Nguyễn đóng quân ở vịnh Cù Mông, sai Duyệt dẫn quân vượt đèo Cù Mông kéo lên đánh đồn Hoa Yên, rồi ngài cũng đem tướng sĩ lên bộ tiếp ứng.

Hoa Yên là một đồn lớn ở vùng Quy Nhơn, ngoài đồn có dãy lũy chắn ngang, trong đồn, binh sĩ, khí giới đều rất sung túc. Khi thấy quân Nguyễn kéo đến, Đô đốc Cự, thủ tướng Hoa Yên, hạ lệnh biên binh giữ vững hết các cửa đồn, rồi pháo binh đứng lấp trong lũy bắn ra, đại bác ở trên lưng đồn bắn xuống. Từ sáng sớm đến quá trưa, tiếng nổ vẫn kể tiếp nhau.

Súng cứ bắn, Duyệt cứ đốc quân xông vào, kẻ trước chết, kẻ sau kế tiếp.

Gần tối, đồng xác người đã cao gần bằng mặt lũy, Duyệt xua quân vượt qua cái “lũy thịt” ấy, nhảy sang lũy đất, hò reo xông vào trong đồn.

Quân Tây rối loạn, chống cự không kịp, Đô đốc Cự phá dẫn quân chạy tuốt về mặt Vân Sơn.

Thừa thắng, Duyệt thúc quân sĩ đuổi theo. Tới sông Vân Sơn thì kịp toán quân của Đô đốc Cự. Đánh một trận rất dữ dội nữa, quân Tây lại thua to. Duyệt sai quân thu nhặt khí giới súng đạn của bên địch bỏ lại, rồi kéo quân trở về Hoa Yên.

Hậu quân của chúa Nguyễn vừa tới. Chúa Nguyễn sai Duyệt đóng quân ở đồn Hoa Yên, rồi ngài xuống vịnh Cù Mông.

Thấy ở mặt bộ, quân Tây chống giữ rất quá, chúa muốn đánh mặt thủy. Cách đó chừng một tháng, ngài sai Tống Viết Phúc, Võ Di Nguy theo mình đốc dẫn binh thuyền chiến thuyền vượt biển chực đánh lên vào cửa Thi Nai. Cháng ngờ đi đêm lạc đường, lại bị gió Bắc thổi ngược lại. Khi ra đến hòn Thổ Dữ thì trời vừa sáng, phải quay trở lại.

Bấy giờ Nguyễn Văn Thành ở Đồng Thị, mấy lần đánh đồn Núi Chúa vẫn không hạ được, phải sai người đến chúa Nguyễn, xin thêm quân. Nghe tin ấy, Duyệt xuống luôn vịnh Cù Mông nói với chúa Nguyễn:

- Bây giờ đánh mặt thủy đã không lợi, tất phải đánh ở mặt bộ. Nhưng ở trên bộ thì bộ quân vẫn chưa liên kết được với thủy quân. Từ Hoa Yên đến La Hai, đường đi chỉ hết một ngày vì có đồn quân của Võ Văn Định chặn ở Chí Lô, thành ra hễ có việc gì thông báo, cứ phải đi quanh ra mặt Phú Yên, hết ba bốn ngày, mới tới La Hai. Binh lực chia ra nhiều ngả như vậy, thật là một điều bất tiện. Vậy xin để Hữu quân Đức (Nguyễn Huỳnh Đức) đóng giữ Hoa Yên và đèo Cù Mông. Cho tôi và Tống Viết Phúc kén vài ngàn tinh binh trong đạo Ngự lâm, tiến lên hợp với toán quân của Tiền quân Thành. Chúng tôi sẽ tùy cơ mà đánh cho tan đồn quân của Võ Văn Định. Hễ mà hạ được đồn ấy thì các đạo quân đi lại mới tiện và binh lực mới khỏi lê thê mỗi chỗ mỗi toán.

Chúa Nguyễn nghe lời, bèn sai Duyệt và Phúc dẫn quân bốn bộ đến Đồng Thị, theo quyền sai khiến của Thành.

Hai người đến nơi, vừa gặp mưa gió âm âm, trời rét như cắt. Theo lệnh Thành, Duyệt phải đóng ở Đồng Thị, còn Thành thì đem quân lên đánh mặt sau Núi Chúa.



Lúc ấy Thành và Duyệt đều kéo cò “Tướng” ngồi trên bành voi, chỉ huy các toán quân sĩ. Thành vốn hay rượu, khi sắp đi, Thành cầm hồ tự rót cho mình, rồi rót chén nữa, sai người đưa Duyệt, Duyệt không uống.

Thành cố ép:

- Bữa nay trời rét, uống một chén cho thêm hăng hái!

Duyệt cười nhạt:

- Kẻ nào hèn nhát, mới phải mượn đến sức rượu. Đây thì coi ở trước mắt, không có trận nào là trận mạnh, dùng rượu mà làm chi!

Nghe câu ấy, Thành có vẻ thẹn và rất căm Duyệt.

Đêm ấy, Thành đốc quân lính voi ngựa, theo đường tắt vượt qua núi Bọt Khê lên đến đánh úp mặt sau quân Tây, đốt hết tất cả dinh trại.

Duyệt ở đằng trước, cười voi cầm cờ thúc quân đánh ập lại. Quân Tây bị đánh hai mặt, phải bỏ đồn chạy.

Các đạo quân khác của bên Nguyễn đồng thời tiến lên xông vào đâm chém túi bụi, quân Tây chống giữ không nổi, Đô đốc Hoan bị chém, Đô đốc Nguyễn Văn Thu dẫn quân chạy về Đồng Tuần, lại bị quân Nguyễn rượt theo đánh riết, quân Tây chết hại nhiều quá. Thu xin đầu hàng.

# X - Hạ thành Phú Xuân

Quân Nguyễn ở mặt bộ tuy có được luôn mấy trận, chiếm luôn mấy đồn, nhưng bộ quân vẫn chưa liên kết được với thủy quân. Vì đại đồn của Tư khấu Võ Văn Định vẫn nấp trong một dãy lũy dài, chặt đứt con đường giao thông từ Đồng Thị đến Cù Mông. Vả lại, chung quanh Quy Nhơn, quân Tây còn có hơn chín chục đồn, phòng triệt khắp các ngả, quân Nguyễn muốn phá cho hết mà kéo đến gần thành Quy Nhơn, thật là một sự rất khó.

Chúa Nguyễn lại phải tính đến mặt thủy.

Nhưng ở mặt thủy cũng chẳng dễ gì.

Sau khi đã trèo thuyền ra biển, ngó thấy mấy trăm chiến thuyền theo ba chiếc thuyền lớn hiệu Định Quốc chặn ngang cửa biển Thi Nai, và những khẩu đại bác chòm chòm ngồi trước các đồn ở Cồn Nhạn và núi Ba Tòa. Chúa Nguyễn rất nao lòng về cách phòng thủ kiên cố của Tư đồ Dũng.

Nhân gặp mùa gió Đông Nam, có người bàn dùng kế hỏa công.

Chúa Nguyễn lấy làm phải. Ngài đã sai quân dùng cỏ khô tẩm nhựa chàm chất đầy hai chục chiếc thuyền nhỏ, định cho thủy quân lừa khi đêm tối, lén vào thủy trại bên địch mà đốt.

Nhưng chưa biết cử ai làm tướng, Tổng Viêt Phúc hăng hái xin đi. Chúa Nguyễn đã bằng lòng.

Nguyễn Đức Xuyên nghe được tin đó, liền cậy người nói nhỏ với chúa Nguyễn mà rằng:

- Tôi nghe chúa thượng muốn dùng kế hỏa công, mà Tổng Viêt Phúc đã xin đi làm việc ấy. Theo ý tôi, Viêt Phúc tuy dũng nhưng hay khinh tiên. Chỉ có Lê Văn Duyệt dũng mà có mưu, nếu sai Duyệt đi, chắc là được việc. Bằng không thì tôi xin đi.

Chúa Nguyễn nghe lời, bèn sai người vào Đồng Thị, đòi Duyệt đến vịnh Cù Mông.

Tháng Giêng năm Tân Dậu (1801), chúa Nguyễn sai Nguyễn Văn Trương, Tổng Lương làm tiên phong, lén vào đốt thủy trại quân Tây. Duyệt và Võ Di Nguy đốc dẫn thủy quân tiếp theo hai tướng, đánh thẳng vào cửa Thi Nai.

Trận đại chiến đã chép ở đoạn thứ nhất tức là trận này.

Trong khi Duyệt và quân Tây giao chiến, chúa Nguyễn đóng quân ở Vịnh San Hô, nghe tin tướng sĩ bị chết nhiều quá. Ngài đã ba lần sai lính tiểu sai cầm bài rờng bảo Duyệt lui quân. Duyệt nhất định không lui. Nhờ cái can đảm và cương quyết ấy, Duyệt mới cướp được cửa biển Thi Nai.

Sau khi thủy quân của chúa Nguyễn đã kéo vào đóng ở cửa biển. Duyệt lại đốc quân đi đuổi theo quân Tây, đánh luôn hai trận ở cầu Đông Giang và cầu Tân Hội, đều được đại thắng, bắt được Đô đốc Nguyễn Văn Nhị, cướp được khí giới rất nhiều, quân Tây phải lui vào giữa đường núi Cần Áo.

Chúa Nguyễn sai Duyệt đem quân đắp một ngọn đồn ở Tân Hội và một dãy lũy từ Tân Hội đến Vân Sơn để chống nhau với quân Tây. Trên những đồn lũy ấy đều có dựng sẵn cột cờ, chôn sẵn những cây đuốc lớn, hễ nơi nào có giặc đến đánh, ban ngày phải kéo cờ, ban đêm thì đốt lửa, để ra hiệu cho nơi khác biết.

Lúc ấy, quân Tây đã bị mất cửa Thi Nai, Tư đồ Dũng hợp quân với Thiếu phó Diệu, đánh thành Quy Nhơn càng gấp. Các đạo viện binh của quân Nguyễn ở ngoài vẫn không thể tiến vào đến gần vòng vây. Chúa Nguyễn liệu chừng trong thành hết lương, khó giữ được vững, ngài sai một người cầm thư lặn biển chui vào trong thành đưa Tánh.

Cách ít lâu, người ấy lại cầm thư của Tánh chui thành, lặn biển ra đưa cho chúa Nguyễn.

Tánh xin cố chết giữ thành, chứ không chịu bỏ, và khuyên chúa Nguyễn nên thừa hư kéo vào đánh úp thành Phú Xuân. Trong thư Tánh nói: “Đem một mạng tôi đánh đổi lấy kinh Phú Xuân cũng đủ lắm rồi”.

Chúa Nguyễn đem ý kiến ấy bàn với các tướng. Ai nấy đều khuyên chúa Nguyễn nên theo lời Tánh là phải. Chúa Nguyễn vẫn còn ngần ngại, vì không nỡ bỏ tướng sĩ trong thành.

Duyệt cố nói vào:

- Việc binh cần phải mau chóng, mà mưu kế cần phải quyết đoán. Nay cứ quanh quẩn hoài ở Bình Định, tướng sĩ già hết mà chẳng có công trận chi. Nếu tiến lên lấy thành Phú Xuân, thì vòng vây ở thành Bình Định không phải đánh tự nhiên cũng vỡ. Đó là một cách “đánh cò tướng mà thí xe” vậy.

Nghe lời Duyệt nói có lý, chúa Nguyễn mới quả quyết vào đánh Phú Xuân.

Để Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đức Xuyên, Nguyễn Huỳnh Đức lãnh năm ngàn quân ở lại chống cự quân Tây, chúa Nguyễn tự mình đốc hết binh thuyền từ cửa Thi Nai tiến đến cửa Đại Chiêm. Theo ngài, có Nguyễn Văn Trương và nhiều đại tướng hộ giá, Duyệt và Lê Chất cùng lãnh đạo quân tiên phong.

Tháng Năm năm Tân Dậu (1801) binh thuyền vào cửa Mỹ Lệ. Chúa Nguyễn sai Duyệt và Chất kéo quân đánh cửa Tư Dung.

Đối với Phú Xuân, cửa Tư Dung cũng như một cái cuống họng với dạ dày, Tư Dung mất thì thành Phú Xuân cũng khó giữ nổi. Vì vậy, trước đây vua Cảnh Thịnh đã sai Phụ mã Nguyễn Văn Trị và Đại đô đốc Trần Văn Tạ thống lĩnh đại binh giữ cửa ấy một cách rất cẩn mật.

Trong đường cửa biển, cọc gỗ, cột gỗ, binh thuyền chiến thuyền đóng khắp mặt nước để ngăn thuyền bè ở ngoài biển vào.

Đồn quân của Trị và Tạ đóng trên Quy Sơn nhòm xuống cửa biển, giống như cọp dữ ngồi canh cửa hang, không vật gì có thể đi qua trước mặt.

Duyệt và Chất đốc quân đánh thẳng vào lối cửa biển. Trên đồn Trị và Tạ thúc quân bắn xuống dùng dùng.

Ròng rã một ngày, tiếng súng luôn luôn dữ dội. Thuyền bè bên Nguyễn luôn luôn tan thành theo những viên đạn đại bác, quân sĩ chết đầy mặt nước.

Gần tối, vẫn không vào được cửa biển. Duyệt bàn với Chất:

- Quân giặc đã giữ được chỗ hiểm, không thể đánh lại với nó. Nếu không đánh úp mặt sau Quy Sơn thì không thể nào vào được.

Chất hỏi:

- Nhưng mà thuyền đi đường nào mà vào phía sau Quy Sơn?

Duyệt cười và đáp:

- Được, tôi sẽ có phép.

Đêm ấy, Duyệt để Chất đánh mặt trước đồn, tự mình đốc thúc quân sĩ khiêng hơn hai chục chiếc thuyền lén qua bãi cát bỏ vào vũng biển trong sông, rồi trèo áp lại mặt sau Quy Sơn.

Trị và Tạ tưởng là cứu binh ở mặt trong ra, nên không phòng bị.

Hai chục chiếc thuyền vào đến gần đồn, Duyệt xua quân nổ súng đánh ừa lên đồi.

Chất ở phía trước, nghe tiếng súng nổ dữ dội, tức thì hô quân liều chết xông vào.

Quân Tây bị đánh hai mặt, luống cuống không kịp chống cự, Trị và Tạ phải bỏ đồn chạy trốn.

Chất đốc quân nhổ hết cột, cọc ở cửa biển, rồi kéo binh thuyền vào thẳng trong sông, hợp với

quân Duyệt. Hai tướng dẫn quân rượt theo quân Tây, đến Chừng Hà, quân Nguyễn giao chiến một trận kịch liệt, bắt sống được Trị, Đô đốc Phan Văn Sách và năm trăm quân Tây xin hàng.

Chúa Nguyễn được cùng bọn tướng tá đốc các binh thuyền kéo vào cửa Nhuyễn.

Vua Cảnh Thanh nghe tin quân Nguyễn đã lấy mất cửa Tư Dung, tiến đến cửa Nhuyễn, liền sai đại binh ra cự?

Duyệt và Chắt thừa thắng đốc quân hăng hái xông vào chém giết.

Quân Tây khi ấy như bị mất vía, ngó thấy quân Nguyễn là chạy. Duyệt bắt được rất nhiều thuyền bè khí giới và quân sĩ đầu hàng.

Đại quân chúa Nguyễn kéo thẳng đến thành Phú Xuân.

Lúc ấy, bao nhiêu tinh binh, mãnh tướng của Tây Sơn đều theo Thái phó Diêu và Tư đồ Dũng ra đánh Quy Nhơn, trong thành Phú Xuân hầu như trống rỗng không có chi nữa. Vua Cảnh Thanh liệu chừng không thể địch lại quân Nguyễn, ngài bèn thu nhặt vàng bạc, châu báu, đem ít tướng sĩ tùy tùng chạy tuốt ra Bắc.

Đến khi Duyệt và Chắt vào tới Phú Xuân thì vua Cảnh Thanh đi đã lâu rồi.

Sau khi quân của Duyệt và Chắt đã đưa đường cho đại binh vào thành, chúa Nguyễn một mặt sai Nguyễn Văn Trương đem quân ra mặt Linh Giang chặn đường quân Tây, một mặt sai Chắt dẫn quân rượt theo vua Cảnh Thanh.

Vài ngày sau, Trương bắt được mấy người em trai em gái vua Cảnh Thanh đem về. Rồi Chắt cũng về nhưng không đuổi kịp vua Cảnh Thanh, chỉ bắt được hai chiếc ấn.

Người ta nói rằng: Chắt vốn là tướng Tây Sơn, vì bị ngờ vực mà phải hàng Nguyễn. Lòng Chắt đối với Tây Sơn vẫn còn cảm tình. Khi ấy theo lệnh chúa Nguyễn đuổi vua Cảnh Thanh, Chắt cứ thông thả tiến quân vừa đi vừa thúc trống rầm rĩ, để vua Cảnh Thanh biết mà liệu trốn. Bởi thế vua Cảnh Thanh mới chạy được ra Bắc Thành.

Hồi ấy chúa Nguyễn đã có ý ngờ Chắt.

Công việc trong thành Phú Xuân xếp đặt vừa yên, bỗng có tin báo ở suối Tả Trạch có toán quân địch mới đến. Chúa Nguyễn không biết là toán quân nào, vội vàng sai Duyệt và Chắt đem quân đón đánh.

Thì ra quân của Tư khấu Võ Văn Định.

Trong khi chúa Nguyễn ở cửa Thi Nai đem quân trở ra, Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng sợ rằng quân Nguyễn kéo vào Phú Xuân, liền sai Định dẫn năm ngàn quân theo đường núi lên về cứu viện. Quân Định đi đến hai ải Trung, Hạ đều bị quân Nguyễn chặn giữ, Định phải qua đường ải Thượng, leo đèo đi lên phía Bắc. Chẳng may lạc đường, lại bị người Mọi nói gạt, quanh quẩn hoài ở trong rừng, hơn một tháng, ra tới Cô Hai, hết cả lương thực. Khi đến Tả Trạch, tướng sĩ đều vừa đói vừa mệt, không còn sức mà đánh trận.

Duyệt và Chắt dẫn quân tới Tả Trạch, vừa mới giáp trận, quân Định đã bị tan vỡ. Định và Đô đốc Lê Văn Từ, phải chạy vào rừng tìm đường đi trốn.

Duyệt và Chắt sai quân vào rừng lùng bắt.

Định bị bệnh chết ở trong rừng. Từ bị người Mọi trói đem nộp Duyệt, quân sĩ xin hàng tất cả.

Hai tướng dẫn quân về thành Như Xuân, chúa Nguyễn mừng lắm. Ngài viết thư khen Duyệt và Chắt, thưởng cho tướng sĩ hai chục lạng bạc, Chắt năm trăm quan tiền.

Riêng Duyệt được thưởng một ngàn lạng bạc. Vì khi sắp kéo quân vào đánh Phú Xuân, chúa Nguyễn có treo giải thưởng rao rằng: hễ ai bắt được Phụ mã Trị thì thưởng bạc một ngàn lạng. Duyệt bắt được Trị, cho nên được số thưởng đó.

Lãnh thưởng về dinh; Duyệt lại phân phát cho tất cả tướng sĩ, không để lại một đồng nào.

Rồi chúa Nguyễn sai Duyệt và Chắt đem quân bốn bộ hiệp với quân của Nguyễn Thành, Tống Viết Phúc, Nguyễn Đức Xuyên, đánh giải vây cho thành Quy Nhơn.

Duyệt với Thành trước có quen nhau, Thành hơn tuổi lại làm tướng trước, có khi đã được coi Duyệt. Vì Thành có tánh chắc chắn, nên mỗi khi lâm trận, Thành hay trì hoãn không chịu tiến ngay. Duyệt thì xuất thân từ chức thiên tì, kém tuổi Thành, kém ngôi Thành. Nhưng Duyệt dũng cảm, giỏi trận mạc, luôn luôn lập được đại công, lại hay nói xược với Thành. Thành hay chấp lời, không thể chịu nổi những lời châm chọc của Duyệt. Vì vậy, hai người sinh ra hiềm khích với nhau.

Chúa Nguyễn biết vậy, lúc Duyệt sắp dẫn quân đi, ngài ban cho Duyệt một lá cờ, một cái trống, một cái loa, để ra hiệu cho quân sĩ và dặn rằng:

- Cầm quân mà thắng được giặc, cốt ở các tướng hòa nhau, chớ không cốt ở nhiều quân. Người đi chuyến này nên cùng Nguyễn Văn Thành hài lòng, ráng sức, sớm sớm trừ hết đảng nghịch, đưa tin thắng trận cho ta hay. Ta đã lâu nay, suốt ngày suốt đêm lo lắng, bụng dạ không lúc nào không ở Bình Định. Người phải nghĩ tới chỗ đó.

Duyệt vâng mệnh rồi kéo quân đi thẳng ra miền Quy Nhơn.

# XI - Đánh thành Quy Nhơn

**T**rong khi Duyệt cùng chúa Nguyễn đem quân đi đánh Phú Xuân, thì ở Quy Nhơn Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng thúc quân đánh thành càng gấp hơn trước.

Võ Tánh và Ngô Tùng Châu, tuy có khéo dùng lời lẽ ngon ngọt mà khuyên dỗ bộ hạ, nhưng tướng sĩ cũng nhiều người trốn lên ra hàng quân Tây. Có lần cả mấy đội quân ngổ toang cửa thành mà đi, Tánh phải sai nhuệ phong vệ úy Ngô Văn Sở đem quân xông vào đóng chặt cửa thành, không cho ra nữa, mà họ đã ra hơn ngàn người rồi.

Nhờ về Tánh khéo dùng mưu kế chống lại quân Tây, cho nên vẫn giữ được vững.

Nhưng mà thành ấy bị vây đã hơn hai năm, lương thực dần hết kiệt.

Bộ hạ có người khuyên Tánh bỏ thành mà chạy, Tánh không nghe và nói:

- Ta vâng mệnh nhà chúa mà giữ thành này, thành còn thì ta còn, thành mất thì ta mất. Nếu bỏ thành mà trốn cho sống cái thân, thì sau này mặt mũi nào ngó thấy nhà chúa?

Rồi Tánh cho quân giết voi giết ngựa mà ăn.

Chẳng bao lâu voi ngựa cũng hết, quân sĩ đều đói meo, Tánh sai quân đem những củi khô chất đầy quanh lầu bát giác, rồi lại đốc quân giữ thành như thường.

Một bữa, quân Tây đánh thành rất quá, Ngô Tùng Châu tìm Tánh hỏi kế chống cự ra sao, Tánh chỉ vào lầu bát giác mà rằng:

- Đó, kế của tôi đó!

Và Tánh nói luôn với Châu:

- Tôi làm chủ tướng, theo nghĩa, không thể cùng sống với giặc, ông là quan văn, chắc rằng giặc không nỡ giết, nên tìm cách mà tự toàn.

Châu cười và đáp:

- Trung nghĩa chỉ có một đường. Văn với võ có khác chi nhau? Ông có thể chết theo chữ “nghĩa”, tôi không thể chết theo chữ “trung” được sao.

Tức thì, Châu về nhà riêng, uống thuốc độc tự tử.

Tánh hay Châu chết vỗ đùi bảo với thủ hạ:

- Vậy là ông Ngô tranh trước mình rồi.

Tức thì Tánh đến tận nhà coi việc khâm liệm chôn cất cho Châu.

Luôn bữa đó, Tánh một mặt sai đưa thư cho Thiếu phó Diêu, nói rằng: “Làm tướng phải chết với thành trì, đó là việc của ta, quân sĩ không có tội gì, chớ có giết hại”, một mặt sai lấy thuốc súng đổ ở dưới lầu, rồi Tánh tự mình áo mũ chỉnh tề, ngồi xếp bằng tròn trên lầu, đòi các tướng đến cả trước lầu và nói:

- Từ khi ta vâng mệnh nhà chúa đóng giữ thành này, giặc nó kéo quân cả nước đến vây, kể hơn hai năm rồi. Trong hai năm đó, nhờ được tướng sĩ đồng tâm, cho nên chống được với giặc. Nay lương đã hết, sức cũng hết, giữ không thể được, đánh cũng vô ích, thì ta chết đây, cho khỏi để khổ cho tướng sĩ!

Tướng sĩ nhiều người nước mắt rung rung, cúi rạp xuống đất mà khóc. Tánh đuổi đi hết, rồi tự mình châm lửa đốt lầu.

Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng dẫn quân vào thành, thấy Tánh và Châu đã chết một cách can

đảm, hai tướng có ý kính trọng, sai quân làm ma, tống táng rất tử tế.

Khi Duyệt và Chất đem quân đến Trà Khúc, thì thành Quy Nhơn đã về quân Tây hơn một tháng rồi, Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng đã sai quân đóng đồn phòng triệt suốt một dải từ đèo Bến Đá đến đèo Cung Mang, đồn lũy rất là kiên cố.

Duyệt và Chất đốc quân tiến đánh mấy trận kịch liệt, phá luôn được vài ba đồn, bắt được rất nhiều khí giới voi ngựa.

Tháng Bảy năm ấy, Duyệt đưa hịch cho Tổng Viết Phúc, bảo Phúc kéo quân đến cửa Tân Quan, rồi đổ lên bộ mà chặn ngang con đường Bình Đê. Duyệt và Chất thì đốc quân đánh đồn Bến Đá và đồn Bồ Đề. Hai mặt cùng đánh ập lại.

Chẳng ngờ Phúc vừa đi tới Tân Quan bị toán phục binh của Từ Văn Chiêu trở lên đánh giết, quân Phúc vì không phòng bị tan vỡ hết cả, Phúc bị chém chết tại trận.

Duyệt và Chất tiến đến Bồ Đề, vừa gặp toán quân của Từ Văn Chiêu ở miệt Tân Quan kéo lên. Hai tướng thúc quân liều chết xông vào, giết được vô số quân Tây, bắt được hai viên đại tướng là Nguyễn Văn Khôn, Hồ Văn Tự và hơn ba ngàn quân sĩ.

Chúa Nguyễn được tin thắng trận, mừng rỡ vô hạn, liền sai người thưởng cho tướng sĩ hai ngàn lạng bạc và phong cho Duyệt và Chất đều làm tước quận công.

Tuy có chiếm được mấy đồn, đánh được vài trận, nhưng Duyệt và Chất cũng biết quân Tây còn mạnh, chưa thể đánh luôn.

Hai tướng bèn đóng quân ở Thanh Hảo, sai quân đắp một dãy lũy suốt từ cửa Mỹ Á lên đến đầu núi Cây Cờ, chia quân đóng đồn phòng giữ.

Trong đồn Thanh Hảo có lẫn rất nhiều quân hàng ở với quân cũ của Duyệt và Chất, Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng luôn luôn phao lời phản gián, thành thử tướng sĩ không được yên lòng, ai nấy nơm nớp lo sợ. Nhờ Duyệt và Chất khéo dùng lời lẽ phủ dụ, cho nên không hề xảy ra sự gì.

Hồi ấy Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Đức Xuyên vẫn đóng quân ở Vân Sơn, cũng đã giao chiến nhiều trận, nhưng không thể tiến được bước nào, quân Thành vẫn chưa liên kết được với quân của Duyệt và Chất.

Năm ấy, Quy Nhơn mất mùa, lương hướng ở Gia Định lại bị ngược gió không vận ra được, bên Thành sắp không còn gì mà ăn. Duyệt nghe tin đó, liền sai quân đưa sang cho Thành một vạn năm ngàn phương thóc. Nhờ vậy, quân Thành mới khỏi phải đói.

Sang tháng Mười, Duyệt và Chất lại đem quân điểu qua các con đường rừng ở phía sau Quy Nhơn, coi thử chỗ nào trọng yếu thì sai quân đắp ụ đóng đồn, phòng khi quân địch chạy theo lối ấy.

Đến tháng Một, thấy có tin nói: Vua Cảnh Thạnh đem ba vạn quân thủy, bộ tiến vào Linh Giang, có Bùi Thị Xuân là vợ Thiếu phó Diêu đem năm ngàn tinh binh đi theo, chực đánh vào thành Phú Xuân, để làm thanh ứng cho toán quân địch ở Quy Nhơn. Duyệt liền sai người viết thư đưa cho chúa Nguyễn, đại ý nói rằng:

“Hiện nay ở đây giặc đã khốn quẫn, không đường tiến lui, đồ dùng của quân sĩ đều lấy hết ở thành Quy Nhơn. Mà xứ này dân đói, lúa đắt, chúng nó lại thu thuế má rất nặng, nhân dân ta oán đã tệ lắm. Tôi trộm nghĩ rằng: nếu có thành bằng sắt đúc, ao nước sôi, mà không có lúa cũng không giữ được. Huống chi mấy huyện Quy Nhơn, của cải được là bao nhiêu mà có thể giữ được lâu dài. Chắc rằng nay mai chúng nó sẽ quyết một trận tử chiến ở miệt Quảng Ngãi, mong rằng họa may được chẳng. Vả lại, chúng nó nay đã cùng đường, quân sĩ đều có lòng liều chết, nếu ta xua quân ra đánh, đánh chưa chắc được, quân chưa chắc toàn. Chi bằng cứ đắp lũy cho cao, đào hào cho sâu, hãm cho chúng nó ở đó. Chờ đến khi nào chúng nó ở không được mà phải đi, bấy giờ ta sẽ đặt quân phục, giữ chỗ hiểm, đón đường mà đánh. Như vậy chắc là toàn thắng.

Tôi chỉ lo rằng: Từ miệt Linh Giang trở ra, chưa biết thế giặc động tĩnh ra sao, xin cho Lê Chất



ra đó, hiệp sức với Nguyễn Văn Trương, cùng đánh cùng giữ.

Tôi xin một mình ở đây, ràng buộc tội giặc, không cho chúng nó ra khỏi Thanh Hảo nửa bước”.

Chúa Nguyễn coi thư rất ngợi khen Duyệt và trả lời như vầy: “Toán quân bại trận của Nguyễn Quang Toản, đánh một trận có thể bắt được. Chỉ có hai thằng Diêu, Dũng cố cùng mà giữ thành Quy Nhơn, không thể để cho chúng nó lan ra. Vây nay phải hai đường giáp công, việc quân ở Vân Sơn giao cho Nguyễn Văn Thành điều khiển; việc quân ở Thanh Hảo, giao cho người. Các người phải hiệp sức với nhau mà tính toán, nên đánh thì đánh, nên giữ thì giữ, sao cho ta khỏi phải lo về mặt đó... Hai chàng Diêu, Dũng nay chưa trừ được, phải để trọng binh mà trấn áp tội giặc sắp tan. Chưa thể sai Lê Chất đi nơi khác được. Hãy để hân hợp sức với người mà quét cho sạch dư đảng giặc...”

Tiếp thư ấy, Duyệt liền đưa cho Chất coi.

Kể đó, đồn Mỹ Ý bị Từ Văn Chiêu dẫn quân đến đánh. Duyệt sai thủ đồn Trịnh Ngọc Trí đem quân chống cự, rồi Duyệt tự mình đốc một toán quân ra sức giáp công. Quân Tây thua to.

Sang tháng Chạp, mấy viên tri huyện ở những huyện Bình Sơn, Chương Nghĩa, Mỹ Hoa cùng đến dinh quân của Duyệt đầu hàng. Duyệt nhận lời rồi, viết thư đưa lên chúa Nguyễn, xin cho những người ấy lại được lãnh chức tri huyện như cũ. Chúa Nguyễn ưng ý.

Tháng Giêng năm Nhâm Tuất (1802)<sup>[33]</sup>, vua Cảnh Thịnh<sup>[34]</sup> tự mình đốc dẫn đại binh cùng nhiều tướng tá kéo đến cửa biển Nhật Lệ, một mặt đánh đồn Nhật Lệ, một mặt đánh núi Đâu Sơn, thanh thế rất mạnh, chúa Nguyễn sai Nguyễn Văn Trương dẫn thủy binh, Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường dẫn bộ binh chia đạo kéo ra chống cự.

Quân Tây tiến sát đến lũy Nhật Lệ, bị quân Nguyễn dùng súng đại bác bắn xuống, chết hơn ngàn người. Quân Tây lại xô qua mặt Đâu Sơn, tướng sĩ bắn vào chân núi bò lên như kiến. Quân Nguyễn dùng đá lăn xuống, quân Tây bị bẹp rất nhiều, Bùi Thị Xuân, vợ Thiếu phó Diêu, vẫn hăng hái xua quân liều chết mà đánh.

Giao chiến tự sáng sớm đến quá chiều, quân Nguyễn hết sức chống giữ, viên nữ tướng đó vẫn không chịu lùi.

Gần tối, gió Đông Bắc thành linh nổi lên, Nguyễn Văn Trương thừa thế thúc quân xông đánh thủy trận của quân Tây ở biển Nhật Lệ. Thủy trận bị tan, quân Tây ở Đâu Sơn tự nhiên kinh hoảng mà vỡ, Thị Xuân phải theo vua Cảnh Thịnh chạy ra Linh Giang.

Quân Nguyễn đón đường đánh giết, quân Tây lại thua một trận tan nát. Vua Cảnh Thịnh phải chạy ra Bắc, thuyền bè quân sĩ bị mất gần hết. Lòng người ngoài Bắc càng nôn nao.

Chúa Nguyễn thấy vua Cảnh Thịnh đã bị kiệt quệ, quân thế của mình càng ngày càng mạnh, ngài liền sai người giục Duyệt đánh gấp vào thành Quy Nhơn.

Được lệnh, Duyệt liền đốc quân tiến đánh, bắt được Đô đốc Châu Hữu Mỹ và hơn ba chục đại tướng.

Tức thì Duyệt cùng Chất dẫn cả bộ binh, thủy binh kéo đến phá đồn Thạch Tân.

Luôn mấy trận giao chiến, quân Nguyễn đều đại thắng, hạ được mấy đồn. Hai tướng bèn đốc bộ binh đến đóng ở đồn Kiên Hạ, thủy binh thì đóng ở cửa Tân Quan.

Rồi Duyệt và Chất hội quân với Nguyễn Văn Thành, hai mặt đồng thời đánh vào Quy Nhơn.

Thì khi ấy Tống Viết Phúc bị chết tại trận, Duyệt vì căm tức càng thêm nghiêm khắc. Bộ hạ vào trận hơi lùi một chút, Duyệt theo quân pháp trị liền, không hề khoan thứ. Mỗi khi thắng trận, Duyệt giết hết sạch quân địch, không tha một mạng. Nói rằng: “Ta giết để cúng ông Tống Viết Phúc”. Khi ấy, nghe tin Duyệt sắp đại chiến, chúa Nguyễn sợ Duyệt tàn sát nhiều quá, bèn sai người đưa thư khuyên rằng: “Quân của đảng vương giả, đi đến đâu chỉ cần cho yên đến đó. Trong khi ra trận, hễ có bắt được quân giặc, không nên chém giết một cách quá lạm. Vả lại, từ

khi thành Bình Định gây cuộc binh đao đến nay, cũng đã lắm sự tàn tệ. Phải nên nghiêm cấm quân lính, không được cướp bóc, để cho dân được yên nghiệp làm ăn...”.

Duyệt được thư ấy, không giết quá nhiều như trước.

Lúc ấy, Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng cầm mấy vạn quân chống nhau với quân Nguyễn, tám, chín tháng trời, lương thực dần dần hết cả.

Bên ngoài hai đạo quân của Duyệt và Thành tiến đánh càng ngày càng dữ. Hai tướng biết rằng không thể giữ được, hồi tháng Ba lữa khi đêm tối, hai tướng cùng tám chục chiến tướng, ba ngàn tinh binh, tám mươi sáu con voi bỏ thành Quy Nhơn lên trốn vào rừng. Thành và Duyệt biết tin dẫn quân đuổi theo, thì bọn Diêu, Dũng đi đã xa rồi, Duyệt bắt được Đô đốc Trần Đại Cự giải về Phú Xuân nộp cho chúa Nguyễn.

Luôn tháng ấy, chúa Nguyễn để Thành ở lại Quy Nhơn, cho Duyệt và Chất đem quân trở về Phú Xuân.

Vậy là từ vĩa Nhật Lệ tới mũi biển Cà Mau đều thuộc dưới quyền chúa Nguyễn.

Tháng Năm năm ấy, hoàng thành sang sửa đã xong. Chúa Nguyễn sai người ra đảo Phú Xuân đón vương mẫu và vương phi về Phú Xuân, rồi đổi niên hiệu làm Gia Long nguyên niên.

## XII - Kéo quân ra Bắc

**Đ**ạo quân thắng trận ở Quy Nhơn về đến Phú Xuân, Duyệt và Chắt cùng vào ra mắt vua Gia Long, ngài nói chuyện, yên ủi rất lâu, rồi ban cho mỗi người một bộ áo mũ.

Luôn dịp đó, vua Gia Long phong Chắt làm Khâm sai Chương hậu quân doanh Bình Tây tướng quân, Duyệt làm Khâm sai Chương Tả quân doanh Bình Tây đại tướng quân và sai hai tướng cùng Khâm sai Chương Trung quân doanh Bình Tây đại tướng quân Nguyễn Văn Trương kéo quân đánh mặt Bắc. Trương coi thủy quân, Duyệt và Chắt đều coi bộ quân, Chắt cầm đạo quân tiên phong, thuộc quyền điều khiển của Duyệt, Duyệt thì cầm đạo hậu quân. Cả ba đạo quân đồng thời đi trước, vua Gia Long sẽ đem mười đội Túc vệ đi sau.

Trong khi vào triều từ biệt, vua Gia Long dặn Duyệt như vầy:

“Quân đi phải cho có luật. Đến đâu cũng nên nghiêm cấm sĩ tốt, không được cướp bóc. Kẻ nào trái lệnh, cho phép trước chém sau tâu, để nghiêm lệnh quân”.

Mười bảy tháng Năm, Duyệt và Chắt dẫn quân lên đường, đến ngày 27 tháng ấy, đại quân thẳng đến Hoành Sơn, phá luôn mấy đồn quân Tây, bắt được Đô đốc Lục.

Hôm sau Duyệt đốc quân hạ đồn Hà Trung, hôm sau nữa lại hạ được đồn Đại Nại. Rồi Duyệt tiến quân ra thẳng Nghệ An.

Sau trận kịch chiến ở Dinh Cầu, quân Tây bị thua liểng xiểng, Duyệt thúc đại binh đến Dinh Vĩnh, lại đại thắng luôn một trận nữa.

Khi ấy thủy quân của Nguyễn Văn Trương đã vào cửa biển Hội Thống và cũng đánh lên Nghệ An.

Trong một lúc hai mặt thủy, bộ cùng bị đánh, Đồng lý Nguyễn Văn Thận liệu chừng không thể địch nổi, phải đem quân chạy ra Tiền Lý. Giữa lúc ấy thì tin báo Thái phó Diêu và Tư đồ Dũng đã dẫn quân đến miền thượng lưu sông Roi, đương muốn luồn rừng ra Bắc.

Tức thì Duyệt một mặt hạ lệnh quân sĩ gấp đường đuổi Đồng lý Thận, một mặt sai Thống chế Võ Doãn Văn và Chánh thống Lê Đức Định đem quân lên mặt thượng đạo Nghệ An đón đánh toán quân Diêu, Dũng.

Từ khi bỏ thành Quy Nhơn chạy đi, Thiếu phó Diêu và Tư đồ Dũng phải đốc tướng sĩ trèo đèo lội suối, luồn lách đường rừng, định vòng ra Bắc. Rủi cho hai tay anh hùng mạt lộ, trong khi đi ở trong rừng, dân Mọi luôn luôn kéo ra ngăn cản. Mỗi lần phải sai quân ra sức mà đánh, mới đi qua được. Liền mấy tháng trời như thế, lương thực ngày một cạn, quân sĩ ngày một mòn. Khi tới thượng lưu sông Roi toán quân hùng dũng vô địch hồi xưa, đã thành toán quân ốm dở.

Võ Doãn Văn và Lê Đức Định đem quân đến trại Quy Hợp thì đám quân ốm dở ấy cũng vượt tới đó. Lúc ấy tướng sĩ bên Tây đều không đủ sức chống cự. Thiếu phó và bọn Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Thận, cùng 76 con voi đều bị bắt sống. Chỉ có Tư đồ Dũng trốn thoát, chạy được về huyện Nông Cống.

Vua Gia Long ra đến Hà Trung, được tin quân Duyệt bắt được bọn Diêu, ngài rất mừng, tức khắc sai người phi báo cho Duyệt phải xiềng xích gông cùm mấy đường mà giữ lại đó, không được tự tiện giết đi. Vì ngài muốn để chính tay mình chém bọn đó cho hả.

Hai bữa sau, Tư đồ Dũng cũng bị dân làng Ngọ Xá (huyện Nông Cống) là bọn Phạm Ngọc Phác bắt trói nộp vua Gia Long.

Thế là Dũng cũng như Diêu. Cái thân bách chiến, mấy chục năm vùng vẫy biển trời, chỉ vì gặp phải ông chủ con nít mà đến nay đều hóa ra thân tù tội, ngồi trong cũi đợi ngày kẻ thù hành hình.

Trong những ngày mà đạo quân Doãn Văn kéo lên miền Quy Hợp đánh bọn Diêu, Dũng thì đạo của Duyệt đã phá được đồn Tiền Lý, Đô đốc Thận phải chạy ra trấn Thanh Hoá (tức Thanh Hóa).

Mồng năm tháng Sáu, Duyệt đốc quân ra đến Thanh Hóa, lại phá được đồn Dương Xá (trấn lý trấn Thanh Hoá) bắt được cha con Đô đốc Thận và Nguyễn Quang Bản, em ruột vua Cảnh Thịnh.

Thừa thắng, Duyệt đốc đại quân kéo ra mặt Sơn Nam (tức Nam Định).

Từ ngày Mạc Đăng Dung cướp ngôi vua của nhà Lê, Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm đánh được họ Mạc rước Chúa Chôm (Lê Trang Tông) ở Ai Lao về dựng làm vua, dân Bắc đã bắt đầu chịu nạn chinh chiến. Sau đó hơn sáu chục năm, họ Trịnh và họ Mạc luôn luôn đánh ở miền Cao Bằng. Rồi khi họ Nguyễn vào làm chúa ở vùng Thuận Hóa thì họ Trịnh và họ Nguyễn lại luôn luôn đánh nhau ở miền Hoành Sơn. Có khi anh em họ Trịnh cùng đánh lộn nữa.

Đến khi nhà Tây Sơn nổi lên, do Nguyễn Hữu Chỉnh dắt đường ra Bắc, đất Bắc Thành lại được chứa liền mấy trận đại chiến, một trận quân Tây Sơn đánh quân Trịnh Giai, một trận quân Tây Sơn đánh Nguyễn Hữu Chỉnh, một trận quân Tây Sơn đánh quân nhà Thanh, mỗi trận đều chết kể hàng vạn người trở ra.

Một chặp liền hai trăm năm, dân Bắc luôn luôn sống ở dưới rừng gươm mưa đạn, những cảnh tượng thê thảm trong cuộc binh đao đã làm cho người ta phải kinh khiếp. Trừ ra mấy ông nhà Nho hý hoáy vận động cho họ Lê phục quốc, không có ai muốn kéo dài sự rối loạn làm chi. Văn sĩ hồi ấy đã thi nhau làm ra nhiều bài *Chinh phụ ngâm* rất hay, tả hết tình cảnh những người có chồng đi lính, đó cũng là công kích chiến tranh một cách gián tiếp vậy.

Vả lại, từ ngày vua Quang Trung lấy được đất Bắc, đến ngày vua Cảnh Thịnh phải chạy ra Bắc, đầu đuôi mới 14 năm (1788-1802). Cuộc cai trị ngắn ngủi đó chưa thể lẫn át cái cảm tình của họ Lê đã gieo rắc ở trong lòng dân hơn ba trăm năm. Người dân còn nhớ nhà Lê và còn coi sự thống trị của nhà Tây Sơn là một cuộc chinh phục tạm thời.

Một đằng thì sợ chiến tranh, một đằng thì mong nhà Lê mà không chịu hết lòng với nhà Tây Sơn, cho nên khi vua Gia Long lấy danh nghĩa là bề tôi nhà Lê mà tiến quân ra Bắc, dân Bắc không hề chống cự, không có những đám giúp vua khởi nghĩa như bọn hào kiệt trong Nam đối với họ Nguyễn trong lúc vua Gia Long còn bị ba đào. Trong trí nghĩ của dân Bắc hồi ấy, cái đất Bắc Thành là của họ Lê họ Trịnh bỏ lại, người nào muốn chiếm thì chiếm, miễn là họ khỏi bị xô vào cuộc binh đao.

Còn nhà Tây Sơn thì thế lực đã xuống như đổ tường, những bậc danh tướng bị giết lộn, bị chết trận, bị bắt sống, bị bức chế mà đầu hàng quân địch hết rồi, bộ hạ vua Cảnh Thịnh không còn người nào có thể chống lại với quân Nguyễn nữa.

Bởi những lẽ đó, sau khi Đồng lý Thận đầu hàng, Duyệt cứ tự do đốc quân tràn ra Sơn Nam, rồi tiến luôn lên mặt Thăng Long, không ai ngăn cản, không phải đánh một trận nào.

Vua Cảnh Thịnh ở Thăng Long, nghe tin quân Duyệt sắp đến, tức thì ngài cùng vài ba người em xuống thuyền qua sông Cái, chạy tuốt lên sông Thương. Được vài ngày thì bị bắt hết.

Tấn tuồng tranh bá đồ vương của hai họ Nguyễn đến đây là hạ màn.

Duyệt và Chất ở lại Bắc Thành mấy tháng, để cùng các tướng chia đạo đi kén binh lính ở các trấn ngoài ấy! Đến tháng Một, hai tướng mới đem đại quân theo vua Gia Long về Phú Xuân.

Hồi này thì Duyệt ở luôn trong thành Phú Xuân.

Sang năm sau (1803), vua Gia Long muốn bắt quân sĩ các đạo xây đắp kinh thành, Duyệt vào can rằng:

- Khi trước ở đất Gia Định khởi quân ra đánh Quy Nhơn, đã có hẹn rằng: Chừng nào lấy được kinh thành, lập tức thả cho về quê nghỉ ngơi. Nay kinh thành đã lấy lại rồi, Hà Bắc cũng dẹp yên

rồi. Vậy mà quân sĩ Gia Định, kẻ thì phải đóng thú ở các trấn, đứa thì phải ở lại đây mà đắp kinh thành, rồi luôn năm ấy qua năm khác chưa biết bao giờ được nghỉ. Đành rằng quyền trên bắt sao chúng phải theo như vậy, nhưng trước đã hẹn thế mà nay không được thế, thì tin lệnh triều đình còn ra sao? Lòng người Gia Định sẽ như thế nào?

Vua Gia Long cũng biết lời Duyệt là phải nhưng ngài đã nhất định phải đắp kinh thành, nên mới nói khéo như vậy:

- Tướng sĩ khó nhọc đã lâu ta vẫn nghĩ tới. Nhưng mà kinh thành là nơi căn bản trọng yếu, phải vất vả một lần mà xây đắp cho được kiên cố, thì sau này mới được thư thả lâu dài.

Duyệt vẫn khẳng khái cố can vua Gia Long hiểu dụ đến hai ba lần mới thôi.

# XIII - Dẹp mọi Thạch Bích

Vào khoảng tháng Hai năm Quý Hợi (1803), mấy nơi biên thùỵ xứ Quảng Ngãi bị mọi Thạch Bích kéo vào quấy nhiễu.

Đảng giặc độ vài ngàn người, tràn khắp những làng dân quê miền thượng du, đốt nhà giết người, cướp những trâu, bò, gà, lợn.

Chúng rất hung tợn, lại giỏi nghề bắn cung nỏ. Nguy hiểm nhất là những tên thuốc độc của chúng, đựng ai chết nấy, không có thuốc gì chữa kịp.

Tướng sĩ địa phương đánh hoài không được. Quân mọi đã tiến lần lần xuống miền trung châu.

Vua Gia Long tiếp được tin báo, nghĩ trong các tướng không ai can đảm bằng Duyệt, ngài liền sai Duyệt cùng mấy viên tướng bộ hạ đem một đạo quân tiến đánh.

Đại binh kéo đến Quảng Nghĩa, Duyệt sai quân sĩ chế nhiều phen tre cặp rơm vào giữa, phát cho mỗi người cầm một cái phen làm mộc đốn đỡ tên thuốc. Rồi Duyệt ngồi trên đầu voi, phát cò thúc trống, đốc quân xông bừa vào chém.

Tên thuốc của giặc bắn ra tua tủa, nhưng đều mắc vào những cái mộc rơm, không trúng một người nào hết.

Chỉ trong chớp mắt, quân Duyệt vào đến trước mặt quân giặc. Sau một trận giáp chiến, đảng mọi chết la chết liệt. Những đứa sống sót, ủa nhau chạy bạt vào rừng.

Rồi chúng lại nhóm họp nhiều toán, nấp trong cửa rừng hang núi, chống lại với quân Duyệt.

Lại một cuộc chém giết dữ dội, quân Mọi bị giết hàng ngàn, chúng phải chạy lui vào mãi giữa rừng. Duyệt thúc quân rượt theo đến vùng Tứ Khê, Nhiều Thủy, rồi mới trở lại.

Tin thắng trận vào đến Phú Xuân, vua Gia Long rất mừng, ngài theo cái háo mọi ngày hạ chiếu thư khen Duyệt như vậy:

“Thuở nay giống Mọi hung tợn tựa vào rừng núi hiểm hóc, không chịu phục tùng. Nay ngươi vâng mạng tiến đánh, vào tận sào huyệt của giặc... Đó là vì tướng sĩ đều theo mệnh lệnh, hết sức khó nhọc, cho nên mới có công trận lạ lùng như vậy...”<sup>[35]</sup>

Rồi vua Gia Long ban nhiều tiền bạc thưởng cho quân sĩ và sai Duyệt ở đó bắt nốt dư đảng giặc Mọi.

Suốt trong mấy tháng, Duyệt sai quân lùng khắp các nơi khe núi xó rừng, bắt đã được nhiều quân Mọi, nhưng vẫn chưa dẹp được yên vì chúng tản mát khắp các đồi núi.

Tháng Sáu năm ấy vua Gia Long lại hạ chiếu thư dụ rằng:

“Vì những giống Mọi hung tợn quấy nhiễu, dân ở biên thùỵ không được yên ổn, đến nỗi tướng sĩ các ngươi đều phải nhọc nhằn, trèo núi vượt khe, đó cũng chỉ vì nước.

Lũ ngươi bao năm theo đi đánh dẹp, chưa được yên nghỉ, nay lại đến tiết mùa nực, khí độc rừng núi đương bốc lên, thân thể các ngươi phải chịu nổi khó nhọc, lòng ta rất là áy náy. Vậy cho năm ngàn quan tiền, chia cấp hết thầy tướng sĩ...”

Kế đó, Duyệt thấy quân Mọi trốn mãi vào nơi núi sâu, rừng rậm, không thể nào mà bắt cho hết được, bèn dâng thư lên vua Gia Long xin cho đem quân về đóng ở đồn Trà Khúc, chờ đến dịp khác lại đánh.

Vua Gia Long ưng lời.

Qua mùa đông, vua Gia Long muốn ra tuần thú ngoài Bắc, trước khi đi, ngài đòi Duyệt đem quân về giữ kinh thành Phú Xuân, để ngài đi cho được yên dạ.

Khi ở Bắc về, ngài lại sai Duyệt đem quân ra đánh giặc mọi Thạch Bích.

Công việc lần này không kịch liệt như lần trước, Duyệt chỉ sai quân lùng vào rừng núi, đón bắt quân mọi, không phải đánh chác gì hết.

Năm sau (1805) giặc Mọi tạm yên, vua Gia Long lại đòi Duyệt về Phú Xuân.

Cách một năm, giặc Mọi Thạch Bích lại vào quấy nhiễu, Duyệt lại phải đem binh đi dẹp. Đại quân đi đến Đông Dương, vua Gia Long có hạ chiếu thư bảo Duyệt như vậy:

“Bình đao không phải đồ tốt, mà chiến tranh là việc hiểm nghèo, trước kia vì giống Mọi quấy nhiễu, mới phải đánh giết. Nay tướng sĩ lặn lội những nơi hiểm trở, dễ sinh tật bệnh, người nên tùy cơ phủ dụ, để cho dân được ở yên, đó là cái chức trên nhất trong việc chống quân mọi rợ. Nếu chẳng được mà phải đánh nhau, thì trước khi ra trận, người nên đem hết tình trạng tâu lên ta nghe. Chớ có tiến công một cách gấp vội, để cho chết hại tướng sĩ của ta làm chi”.

Duyệt được lá chiếu thư ấy, Duyệt liền dâng sớ tâu vua, đại ý nói rằng:

“Từ khi vâng mệnh đánh giặc đến nay, tôi vẫn ngày đêm lo lắng. Nhờ có oai đức của triều đình, cho nên quân sĩ đi đến Đông Dương, thì bọn trùm chưởng của người Mọi, hết thấy phục tùng. Hiện tôi đã sai người đi chiêu dụ những giống Mọi ở các rừng rậm bảo chúng đâu lại về đó làm ăn. Bây giờ cũng đã hơi yên, dân Mọi không dám làm phản nữa...”

Vua Gia Long tiếp tờ sớ ấy, ngài thưởng tướng sĩ của Duyệt hai ngàn quan tiền, cho tụi trùm chưởng dân Mọi ba trăm quan tiền.

Tháng Bảy năm ấy, vua Gia Long đòi Duyệt trở về Phú Xuân. Nghĩ việc đánh dẹp giặc Mọi, khó nhọc hàng mấy tháng trời, ngài thưởng cho Duyệt ba ngàn quan, tướng sĩ của Duyệt một ngàn quan.

Tới năm Gia Long thứ bảy (1808), giặc Mọi Thạch Bích lại kéo vào quấy nhiễu biên thù.

Theo mệnh vua, Duyệt lại dẫn quân đi đánh.

Tới nơi, Duyệt sai Vệ úy Từ và Phó vệ úy Nhượng giả làm dư đảng Tây Sơn, lén vào trong các trại Mọi ở lộn với chúng. Lân la, hai người hỏi chúng vì sao mà làm phản hoài. Thì ra ý chúng không định làm loạn, chỉ vì Phó quản cơ Lê Quốc Huy ở đó, sách nhiễu luôn luôn, chúng không chịu nổi, nên phải tụ nhau chống lại, Từ và Nhượng về nói với Duyệt như vậy.

Tức thì Duyệt cho bắt Huy về dinh, làm sớ tâu vua Gia Long, xin theo quân pháp xử ngay tội chém.

Quân Mọi thấy Huy đã chết, nhiều đứa xin hàng. Tình hình biên thù lại yên, vua Gia Long bèn đòi Duyệt về.

Tám năm sau (1816), quân mọi Quảng Nghĩa lại vào quấy nhiễu biên trấn. Thủ tướng là Phan Tiên Hoàng đánh nhau với giặc bị thua, vua Gia Long lại sai Duyệt đem quân ra đánh.

Quân Duyệt tới nơi, giặc Mọi trốn hết.

Duyệt bèn tâu vua, xin đắp một dãy lũy chạy suốt biên thù, gọi tên là Bình Man đạo, giao cho quân lính sáu “cơ” đóng giữ. Dãy lũy dài ấy phía Bắc bắt đầu từ xứ Nhà Tô, giáp phủ Thăng Bình, trấn Quảng Nam, phía Nam thẳng tới xứ Đồng Xanh, giáp phủ Hoài Nhơn trấn Bình Định, bề dài 37.497 trượng, dưới lũy có trồng tre, ngoài lũy có đào hào.

Vì Duyệt bốn lần ra đánh giặc Mọi, quân Mọi đã khiếp oai phong, nghe Duyệt đến nơi là chạy, Duyệt lại thuộc hết tình hình, ngoài biên xếp đặt công việc đều phải, cho nên Duyệt tâu đều chi, vua Gia Long cũng cho thi hành.



# XIV - Dựng lại ngôi vua Chân Lạp, đổ dành nhân dân Gia Định

Chân Lạp tức là nước Cao Man bây giờ. Từ khi họ Nguyễn bắt đầu làm chúa ở đất Thuận Hóa, nước ấy luôn luôn xảy ra nội loạn, phải nhờ binh lực của các Chúa Nguyễn hoặc các tướng tá giúp cho. Bởi vậy, các vua Chân Lạp trước kia vẫn hằng năm tiến cống chúa Nguyễn, những đất Trấn Biên, Phiên Trấn, Hà Tiên, Sa Đéc, Tân Châu, Châu Đốc<sup>(36)</sup> đều của các vua Chân Lạp dâng nộp các chúa họ Nguyễn để đền công hoặc trả ơn sau khi mấy vị ấy đã bênh vực che chở cho họ.

Năm Kỷ Hợi (1779) vua hai và vua ba nước Chân Lạp đều bị vua đầu là Nặc Ông Vinh giết hại và chiếm trọn quyền làm vua. Bề tôi hai vua là Chiêu Thùy Mô Đê đô luyện giữ đất Phong Xui, Vĩ Bôn Xu giữ đất La Bích (Ba Rach), chống nhau với Nặc Ông Vinh, một mặt sai người sang dinh Long Hồ cầu cứu, xin sai viên Tổng trấn Gia Định cắt một viên tướng đi tuần ngoài biên dò coi hư, thật ra sao, rồi sẽ tùy nghi mà xử trí cũng chưa muộn gì.

Vua Gia Long cho theo lời.

Duyệt lại đi ra Quảng Ngãi kinh lược các việc biên thùy.

Cuối năm Tân Mùi (1811), quân Xiêm kéo sang đánh thành La Bích, Nặc Ông Chân phải chạy lên đất Gia Định, vua Gia Long sai quan Tổng trấn Gia Định để Chân ở nhà phiên đê, cấp cho tiền bạc lúa gạo để mà chi dùng. Rồi ngài sai sứ đem quốc thư sang hỏi vua Xiêm vì lẽ gì mà đánh Chân Lạp.

Qua năm sau (1812), có sứ của vua Xiêm sang dâng đáp rằng: “Việc đánh Chân Lạp chẳng qua chỉ muốn giảng hòa cho anh em Nặc Ông Chân, không có ý gì khác cả. Nay nước Việt Nam muốn xử việc ấy bằng cách nào, nước Xiêm cũng bằng lòng”.

Tiếp thư trả lời của nước Xiêm, vua Gia Long muốn kén một viên đại tướng đem quân hội với quân Xiêm cùng đưa Nặc Ông Chân về nước, ngài bèn đòi Duyệt ở Quảng Ngãi về Phú Xuân, giao cho lãnh nhận việc đó.

Trước khi đi, vua Gia Long có dặn sơ sơ về cách xử trí với hai nước Xiêm, Lạp. Và phong Duyệt làm chức Tổng trấn Gia Định, coi cả hai trấn Bình Thuận, Hà Tiên, cho Ngô Nhân Tĩnh làm hiệp tổng trấn, thuộc dưới quyền Duyệt, phái đạo Thần Sách quân ở Thanh, Nghệ và Ngũ quân ở Bắc Thành cùng ba ngàn tượng binh theo Duyệt vào đóng thú ở đất Gia Định.

Tới nơi, vừa gặp sứ của vua Xiêm là Phi Nhã Ma Kha A Mặc sang Gia Định, Duyệt có ngựa trạm đưa hần ra thành Phú Xuân yết kiến vua Gia Long.

Đầu năm Quý Dậu (1813), Duyệt và Tĩnh, theo mệnh vua Gia Long, đem một đội binh thuyền và một vạn ba ngàn quân sĩ đưa Nặc Ông Chân về Chân Lạp. Phi Nhã Ma Kha A Mặc ở Phú Xuân cũng vừa tới đó, va bèn đem tui bộ hạ đi theo.

Trong khi Duyệt ở dọc đường, người Xiêm thấy quân Duyệt phải đi xa xôi, số tướng sĩ cũng không nhiều lắm, nên họ bên ngoài thì giả làm bộ hòa hảo, bề trong vẫn dự bị khí giới, muốn thừa lúc đánh lén quân Duyệt. Lúc Duyệt tới nơi, quân thấy bóng đã sợ không dám động dụng gì hết.

Đại binh đến Long Áo, tướng Xiêm là Phì Sai Phủ Liên Tra cùng vào cửa viên lạy nhận chiếu thư, Duyệt sai bộ hạ của Nặc Ông Chân là Cao La Hâm đem năm trăm quân đưa vào thành La Bích. Rồi Duyệt đóng quân ở ngoài, tuyên bố hiệu lệnh nghiêm cấm quân sĩ không được cướp bóc, quấy nhiễu, nhờ đó, dân nước Chân Lạp đều được yên tĩnh.

Kể đó, vua Xiêm và tướng Xiêm đều đưa nhiều thứ của báu tặng Duyệt.

“Theo phép một kẻ làm tôi không được giao thiệp với nước ngoài, không dám nhận riêng những lễ vật của nước ngoài gửi tặng”, nghĩ vậy, Duyệt bèn dâng sớ tâu vua.

Tiếp lá sớ ấy, vua Gia Long dạy Duyệt cứ nhận. Ngài lại sai quan Gia Định phải trích trong kho lấy một vạn quan mua nhiều đồ Tàu đem đến quân thứ sang làm của riêng của Duyệt, để Duyệt tặng lại vua Xiêm và tướng Xiêm.

Trước kia, nước Xiêm có hẹn với bên này rằng: Chừng nào Nặc Ông Chân vào thành La Bích, họ sẽ rút quân về nước, và trao trả Nặc Ông Nguyên cho mình. Nhưng đến khi ấy, công việc của Nặc Ông Chân đã xong, mà quân Xiêm vẫn đóng ở đó không về, họ cũng không đưa Nặc Ông Nguyên sang trả. Duyệt đem việc đó tâu vua Gia Long và nói thêm rằng:

“Nước Xiêm muốn lấy nước Chân Lạp, tất nhiên họ phải dùng Nặc Ông Nguyên làm món hàng buôn, nước ta muốn cho Gia Định có chỗ che chắn, tất nhiên phải dùng Nặc Ông Chân làm kẻ phiên thần. Việc ta đưa Nặc Ông Chân về nước, không lợi cho người Xiêm nhiều lắm. Như vậy, vua Xiêm chưa chắc đã không tính toán mưu mẹo, vua Phiên<sup>(37)</sup> chưa chắc đã khỏi ngại về sau.

Nay ta đóng hoai ở đây, thì quân mình sẽ bị già hết, tiền tài sẽ hại phí rất nhiều, nếu rút quân về thì vua Phiên sức lực đơn yếu không thể ngăn ngừa. Vả lại, cái thành La Bích vừa nhỏ hẹp vừa bẩn thỉu, không thể giữ được.”

Vậy xin cất lại vòng thành Nam Vang để cho vua Phiên sang ở, và xin đắp thêm vòng thành Lô Âm để chứa đóng các thứ khí giới lương thực. Chừng nào các vòng thành cất đắp đã xong thì để một số quân ở lại giúp nước Chân Lạp, còn đại quân rút về đóng ở Gia Định, coi thử động tĩnh ra sao.

Làm như vậy, vừa thuận lẽ phải, và khỏe quân lính, muốn chiến thì chiến, muốn hòa thì hòa, cái cơ thắng trận bao giờ cũng ở bên mình.

Vua Gia Long khen phải, ngài bèn sai Duyệt đem thủy quân đóng ở sông Xà Năng, bộ quân giữ các nơi hiểm yếu. Rồi cho người hỏa tốc đưa thư sang Xiêm trách hỏi về hai việc nói trên.

Bấy giờ tướng Xiêm mới chịu lui quân về Bát Tam Bạng, chẳng bao lâu thì rút về nước.

Quân Duyệt xây xong hai thành Nam Vang và La Am, lại cất trên thành một nếp đền cao kêu là An Biên đài và dựng trên đài An Biên một ngôi nhà lớn kêu là Nhu Viễn đường, để làm nơi cho vua Chân Lạp lên đó bái vọng về kinh Phú Xuân.

Rồi Duyệt đem đại quân về Gia Định, để Văn Thụy và một ngàn quân ở lại, giữ thành Nam Vang bảo hộ cho vua Chân Lạp.

Chẳng bao lâu, vua Chân Lạp sai sứ đem 88 con voi sang cống, Duyệt thấy nước Phiên vừa mới dựng lại, kho dựn hãy còn trống không, xin trích tiền kho trả họ đủ giá một bầy voi đó.

Vua Gia Long ưng ý.

Từ khi trở về Gia Định, Duyệt hết sức sửa sang mọi việc trong hạt, trừ những điều hại, mưu những điều lợi, dân tình rất là yên ổn.

Lúc ấy, Gia Định hãy còn lắm hạng người du đảng, nhiều kẻ nương thân nơi cửa quyền, có tên trong sổ binh, mà thường thường trốn về làng quê, tụ nhau ăn trộm ăn cướp. Duyệt biết chuyện đó, liền lập điều cấm rất nghiêm: Một mặt bắt dân sở tại phải dò xét những kẻ cướp trộm mật báo với quan, để quan truy nã, trị tội, một mặt thì khuyên dỗ những đứa gian phi ấy cho phép được ra thú tội.

Nhờ vậy, trộm cướp hết dần, dân được ở yên.

Duyệt lại dâng sớ tâu vua. Đại ý nói rằng:

“Thuở trước vì ngoài biên có việc chinh chiến, mới phải bắt thêm lính làng. Tuy việc đó là việc tam thời, chứ không phải việc lâu dài, mà lòng người vẫn rất lo sợ, đến nỗi chúng phải dối dáo, giấu giếm, cốt tránh cho khỏi tòng quân, nay sự ấy đã thành thói quen thật là điều tệ cần

phải sửa đổi.

Vả trong, khắp trong gầm trời, người nào không phải bề tôi nhà vua? Đời xưa, trong sách *Chu quan* có lệ mỗi năm phải biên rõ sổ dân dâng lên, trong thiên *Nội chính* có nói chia hạn dân cư cho được rành rõ, đó cũng đều là lấy dân làm trọng. Vậy xin bắt quan sở tại các nơi, phải xét trong hạt mỗi năm có bao nhiêu dân đúng tuổi thành đinh (18 tuổi) thì đưa vào bộ cho hết. Nếu có kẻ nào tình nguyện sung vào những đội vệ binh, kỵ binh, hay thủy binh thì sau khi xét hỏi chắc chắn, cũng phải nêu tên vào sổ, phòng khi có việc phải tra cứu đến, khỏi sơ suất, giả mạo”.

Vua Gia Long y lời tâu đó.

Qua năm Giáp Tuất (1814), Thừa Thiên hoàng hậu (tức mẹ vua Gia Long) tạ thế, Duyệt dâng sớ xin cho về kinh chịu tang nhưng vua Gia Long không nghe, bắt Duyệt cứ phải ở lại Gia Định.

# XV - Tổ cáo án Nguyễn Văn Thuyên

**T**rong một đoạn trên đã nói, Duyệt vì có tính quả cảm, không ưa cái nết thận trọng rề ràng của Nguyễn Văn Thành, nên vẫn luôn luôn nói khích. Trái lại, Thành thì bụng dạ hẹp hòi, không thể chịu nổi những câu nói xược của Duyệt. Nhất là mấy lời Duyệt nói trong khi Thành ép Duyệt uống rượu ở Đông Thị, lại càng làm cho Thành phải căm tức.

Từ lúc này còn chinh chiến, hai người đã không hòa nhau.

Về sau, Duyệt được phong làm đại tướng, luôn luôn thắng trận lập công, oai danh cũng ngang với Thành, thì Thành lại thêm ghét Duyệt. Vì Duyệt vừa kém tuổi, vừa xuất thân tự hạng cái đội, lúc trước không có cái mền “sang trọng” như Thành.

Kể đó, có người quán ở trấn Thanh Hoa tên là Nguyễn Hựu Nghi, trước là bộ hạ của Thành, vì phạm tội trốn đi vào làm thủ hạ cho Duyệt.

Thấy Nghi có tài nói lém, Duyệt cũng thương yêu, mấy lần tiến cử lên vua Gia Long, hẳn đã làm được đến chức Binh bộ Thiêm sự.

Được lòng tin cậy của Duyệt, Nghi không quên sự bại Thành để báo thù. Nhân có một người học trò tên là Nguyễn Trương Hiệu lang thang phiêu bạt tìm đến nhờ Nghi, Nghi bèn sai Hiệu đi giả làm đầy tớ cho con trai Thành là Nguyễn Văn Thuyên để rình dò.

Thuyên đậu cử nhân, có tính ưa bè bạn, thích văn tự. Nghi dặn Hiệu ở đó, hễ thấy thư từ giấy má của Thuyên bỏ rơi, thì lén lượm lấy đưa cho mình.

Năm Ất Hợi (1815), có chiếu của vua Gia Long đòi Duyệt vào triều. Khi Duyệt đi tới Phú Xuân, thì Nghi đón đường đưa cho Duyệt coi một mảnh giấy do Hiệu đã lượm được ở nhà Thành. Trong có tám câu thơ chữ Nho dịch ra như đây:

*Nghe đồn châu Ái lắm anh tài,*

*Chiếc chiếu kê bên những đợi ai.*

*Ngọc phác Kinh Sơn còn nắp đó,*

*Ngựa kỳ Ký Bắc dễ mà coi.*

*Hương ngàn dặm ngát, lan hang núi,*

*Tiếng, chín mây vang, phụng ngọn đồi.*

*Tể tướng non xanh rầy nếu gặp,*

*Giúp nhau ta thử chuyển cơ trời.*

Nghi nói thêm rằng:

- Bài thơ đó chính tay Nguyễn Văn Thuyên, con trai Thành, viết ra và sai Hiệu đưa cho Nguyễn Văn Khuê và Nguyễn Đức Nhuận, bạn của Thuyên ở Thanh Hóa. Lời lẽ trong thơ như muốn chiếu dụ Khuê, Nhuận làm loạn, ý bội nghịch rất rõ.

Rồi, Nghi khuyên Duyệt nên đi tố giác.

Duyệt tin là thật, vào chầu, đem mảnh giấy ấy tâu vua. Một bài thơ chưa đủ chứng cứ kết án một người nguyên huân, vua Gia Long phán rằng:

- Hãy tạm bỏ đó!

Và ngài dạy Duyệt đưa mảnh giấy ấy trả Thuyên, Duyệt không đưa Thuyên mà đưa cho Nghi.

Nghi xui Hiệu cầm bài thơ ấy làm bằng dọa Thành. Nhân khi Thành vào triều, Hiệu đón đường níu áo Thành, chìa bài thơ ấy ra mà đòi hối lộ.

Tức quá, Thành phải bắt Hiệu và Thuyên đưa vào cho dinh Quảng Đức tra hỏi. Rồi Thành đi rảo vào triều, đem luôn việc đó nói với vua Gia Long.

Án của Hiệu và Thuyên tra hoài chưa xong.

Cách đó ít lâu, Trung quân có tên lính Hữu, trốn qua Tả quân, được làm môn hạ của Duyệt. Vài bữa, Hữu lấy trộm hòn ấn Tả quân rồi trốn đi.

Duyệt cho người đuổi theo, lùng bắt được Hữu. Trong khi tra tấn, Hữu nói bởi Thành sai va vào đó lén dùng thuốc độc giết Duyệt, kể đó không xong, nên phải ăn trộm hòn ấn mà đi.

Duyệt đưa việc ấy lên vua Gia Long.

Ngài cho lời Hữu không có gì là căn cứ, sai đem chém Hữu chứ không hỏi gì đến Thành.

Duyệt lấy thể làm bất bình, giục già các quan ở dinh Quảng Đức tra gấp cho rồi việc án của Thuyên.

Bị tấn đau quá, Thuyên phải nhận hết các tội.

Lúc ấy, có viên Lại bộ Tham tri là Trần Văn Tuân nói với Duyệt rằng:

- Trung quân<sup>(38)</sup> với Tả quân<sup>(39)</sup> đều là bậc có công, hai bên như một. Ngày nay Trung quân như vậy, ngày khác ông sẽ ra sao?

Nghe câu đó, Duyệt cũng nguôi giận.

Qua năm Đinh Sửu (1817), ngoài Bắc có người con cháu nhà Lê là Lê Duy Hoán bị cáo âm mưu làm loạn, sau khi bị bắt, bị tấn, Hoán xưng rằng cha con Thành cũng có đồng mưu với mình. Rồi đó, các viên triều thần ghét Thành thì nhau buộc tội cho Thành. Uất quá, một hôm, trong khi lui triều. Thành chạy theo vua Gia Long nắm lấy tay áo ngài vừa khóc vừa nói:

- Tôi theo bệ hạ từ thuở nhỏ đến bây giờ, nay tôi không có tội gì mà bị người ta cấu xé, bệ hạ nỡ lòng nào ngồi yên mà ngó, để cho người ta giết tôi mà không cứu?

Nói vậy, Thành tưởng thế nào vua Gia Long cũng cảm động, nghĩ đến công lao của mình mà tha cho mình. Song mà Thành đã nghĩ lầm. Vua Gia Long cũng không ưà Thành. Trong khi còn đương chinh chiến, Thành đã nhiều lần nói dối, vua Gia Long vẫn chưa hề quên. Lại, năm trước, đào huyết an táng Thừa Thiên hoàng hậu, thấy chỗ đất huyết rõ ra hai sắc rất đẹp, vua Gia Long đem khoe với Thành, Thành buột mồm chê rằng không đẹp bằng đất ở mộ mẹ mình, vì chỗ đó đào lên có đủ năm sắc rõ ràng. Một câu vô tình ấy làm cho vua Gia Long càng thêm ngờ Thành. Bởi vậy, bữa ấy Thành dù kêu van thiết tha, ngài cũng làm thinh mà giăng áo đi vào. Rồi ngài hạ lệnh cấm Thành không cho vào triều và sai Duyệt đem Thuyên tra thêm bắt phải nhận tội lần nữa.

Kể đó, Thành cùng bị bắt vào ngục, vài bữa mới được tha ra.

Thành sợ mắc tội, uống thuốc độc tự tử, còn Thuyên thì phải tội chém.

Võ Chinh người làng Hồi Quan, xứ Kinh Bắc đỗ Hương cống đời Lê, có tiếng hay chữ, không chịu làm quan với Tây Sơn, khi vua Gia Long ra Bắc Thành có vời vào hầu, và cho làm chức Thị trung Học sĩ. Ít lâu, Chinh cáo quan, rồi vào làm thầy dạy con Thành học. Đến khi cha con Thành mắc tội, Chinh cũng phải đày vào trấn Quảng Nam. Về sau, được tha về làng, Chinh có thuật với người làng như vậy:

“Thành là tướng võ, vì có biết được một vài chữ, cho nên rất ưa văn học. Một bữa, có hai đứa trẻ, một đứa khoảng 14 và một đứa khoảng 12 tuổi, cùng vào nhà Thành ăn xin. Chúng nói cha chúng cũng đi dạy học ở vùng trong, chẳng may chết tại quê người. Bây giờ chúng định về quê, nhưng không có tiền ăn trên đường, nên phải đi xin.

Nghe nói thương hại, Thành hỏi chúng có biết chữ không. Chúng đáp rằng có. Gọi vào trong nhà sát hạch, quả nhiên hai đứa đều học đã thông. Thành yêu lắm, nuôi ở trong nhà cho học và làm thư đồng hầu hạ con mình.

Hai đứa rất ngoan, nhưng coi bộ không thích học lắm, chúng chỉ thích tập tô chữ của các con Thành, mỗi đứa tập của một người.

Chừng hơn một năm, hai đứa bỗng trốn đi mất. Cách vài tháng, thì thấy nẩy ra một bài thơ của Thuyên đưa cho hai người bạn ở Thanh Hoa và một bức thư rất dài kèm với bài thơ ấy”.

Người ta ngờ rằng: Hai đứa con nít ranh mãnh có lẽ là người của Nguyễn Hữu Nghi, mà bài thơ và bức thư kia thì của chúng theo lối chữ Thuyên viết ra. Chưa biết có phải vậy không?

Dù sao mặc lòng, cái án của cha con Thành, ai mà không tin là sự oan uổng?

# XVI - Kinh lược hạt Thanh, Nghệ

Năm thứ 18 hiệu Gia Long (1819), hai trấn Thanh Hoa, Nghệ An có nạn mất mùa, dân quê không có gì ăn.

Những kẻ đói khát xua dân tụ nhau từng đoàn kéo đi ăn trộm ăn cướp, tình hình trong trấn cực kỳ rối loạn, quan lại sở tại không thể dẹp nổi.

Rồi ở những xứ Thanh Bình, Thiên Quan, những toán thổ phỉ đồng thời họp tập, quấy nhiễu các nơi hương thôn.

Lại ở về vùng Sơn Âm, một bọn tù trưởng là Quách Tất Thúc, Hà Công Thái, Nguyễn Đình Giá, Đinh Thế Đội đóng giả các nơi hiểm yếu chống lại quan triều. Triều đình mấy lần phái người chiêu dụ, bọn đó vẫn không chịu ra.

Vua Gia Long sai Duyệt phải ra kinh lược cả hai hạt Thanh Nghệ và sai Phó đô đốc Nguyễn Văn Trí, Vệ úy Tôn Thất Huy theo Duyệt coi về quân cơ, Tham bồi Nguyễn Hựu Nghi giúp việc từ hàn trong quân cho Duyệt.

Phàm những công việc cắt đặt binh cơ, soi xét dân tình - cái gì lợi thì làm, cái gì hại thì bỏ - cùng là quan lại tham nhũng ra sao, dân gian oan khuất thế nào, hễ là việc nhỏ, vua Gia Long đều cho phép Duyệt tùy nghi mà xử, khi nào gặp có việc lớn mới phải tâu lên.

Trước khi đi, ngài dặn Duyệt rằng:

- Thanh Hoa là đất “tấm gọi”<sup>(40)</sup> của nước, mà Nghệ An là xứ vai vế của ta. Người đi chuyến này, chỉ cốt dẹp yên giặc cướp, chiêu tập dân quê. Vậy thì kẻ nào đã chịu quy phục, nên tha tội chết cho chúng, kẻ muốn theo triều đình mà đoái tội lập công, thì nên khuyên nhủ dỗ dành cho chúng hết lòng ráng sức. Sao cho kẻ nhọc được khỏe, kẻ đi được về, kẻ nghiêng được đứng, kẻ cong được thẳng, muôn dân trăm họ, đều sống ở cõi “sinh nuôi yên lành”. Thế mà thôi.

Duyệt vâng mệnh vua, rồi đi.

Ra tới Nghệ An, trước hết Duyệt sai tuyên bố oai đức của triều đình, rồi đi dò hỏi những nỗi đau đớn của dân chúng.

Những toán giặc cướp thoát nghe oai phong của Duyệt, đâu đó tự nhiên tan vỡ, đưa thì tự đến cửa quân thú tội, kẻ thì bị những quan quân bắt giết, cả xứ đều yên lặng.

Duyệt bèn dâng sớ tâu vua Gia Long, đại ý nói rằng:

“Dân hạt Nghệ An hiện nay nghèo khổ thái quá. Xét ra nhân dân phải chịu đến nông nỗi ấy chỉ có hai cớ: một là quan lại trong trấn đều không đủ tài cai trị, hai là những hạng liêu thuộc lại rất tàn khốc tham lam. Vì hai cớ ấy mà dân phải nghèo, rồi vì dân nghèo mới sinh ra ăn trộm, ăn cướp.

Vậy xin kén lấy người khác ra đây coi việc cai trị và xin tha xâu, giảm thuế, cho dân khỏi phải gánh vác nặng nề. Như vậy, tự nhiên dân chúng được yên”.

Vua Gia Long theo lời tâu ấy, ngài hạ chiếu tha cho dân vùng Nghệ An vụ thuế năm ấy, vì vụ thuế năm trước nếu ai còn thiếu cũng thôi không bắt nộp nữa.

Chiếu ấy ban ra, dân chúng Nghệ An hết thấy mừng rỡ.

Rồi Duyệt kéo ra Thanh Hoa.

Bắt đầu hạ lệnh cho các quan phủ huyện, dạy họ phải để cho bọn trộm cướp ẩn núp được phép ra thú, đừng bắt chúng phải chịu tội.



Một mặt Duyệt sai Nguyễn Văn Khuê và Nguyễn Đức Nhuận cầm tờ hiểu dụ vào khắp mấy nơi thượng dụ đồ bọn tù trưởng ở đó, giảng cho chúng nghe thế nào là họa, thế nào là phúc, rồi khuyên chúng nên ra đầu hàng.

Suốt mấy tháng trời, Duyệt chỉ chiêu dụ như vậy, không hề dùng đến binh lính đánh dẹp.

Kể đó, Duyệt lại bảo quan địa phương bày tỏ hết nỗi lợi, hại của dân. Rồi Duyệt tùy theo từng việc nghĩ ra phương pháp xử trí, làm sớ tâu vua Gia Long, xin cho thi hành.

Coi tờ sớ ấy, vua Gia Long đáp lại như vầy:

“Cứ như những việc mà người trình bày, ta cũng rõ rằng người đã thể theo tấm lòng thương dân của ta mà lo cho cả trấn Thanh Hoa yên ổn thái bình. Vậy, kể từ năm Mậu Dần này trở về trước, thuế ruộng và thuế sản vật, nơi nào còn thiếu cũng thôi, dân phu bắt nếu chịu về quê, nhập bộ thì tha thuế cho trong ba năm...”

Cũng như dân trấn Nghệ An, dân trấn Thanh Hoa tiếp tờ chiếu ấy đều tỏ bộ vui vẻ.

Rồi đó, những kẻ phạm tội, từ mấy năm trước chúng tụ tập nhiều tốp, hoặc vài chục người, hoặc hàng trăm người, kéo đi phá rối các làng các xóm, bây giờ chúng đều bó giáo về hàng, binh lính của triều đình không phải dò la bắt bớ chi hết.

Hồi đó ở ngoài Bắc Thành cũng có nhiều kẻ phạm tội tụ nhau làm loạn. Nghe tin ở trấn Thanh Hoa, giặc cướp đều được đối đãi một cách khoan hồng, chúng đều kéo đến cửa quân xin đi lập công chuộc tội.

Bấy giờ Duyệt mới sai người đưa hịch cho tù trưởng ở miền thượng du Thanh Hoa.

Bọn Quách Tất Thúc, Nguyễn Đình Giá và Đinh Thế Đội tiếp hịch của Duyệt, ai nấy khiếp sợ, một mặt họ sai mấy người con nhỏ là Quách Tất Công, Quách Tất Tại, Hà Công Quỳnh... xin ra đầu hàng, một mặt thì họ rủ nhau tìm đường chạy trốn.

Bọn Quách Tất Công ra đến dinh quân của Duyệt, chúng đều kinh khiếp, mười phần chắc chết cả mười, cả bọn kêu van, xin Duyệt tha tội. Duyệt nghiêm sắc mặt và nói:

- Lũ bay hãy còn con nít, ta có giết chi cho bắn gươm!

Bọn Công mừng rỡ tạ ơn. Duyệt tiếp:

- Tụi bay phải về nói cho cha bay hay rằng: Nếu không thể đánh lại quân triều, thì mau mau rủ nhau đầu hàng. Bằng không, nay mai ta sẽ cho quân hỏi tội!

Rồi Duyệt tha hết cho về.

Cách ít lâu, bọn Tất Thúc đưa tin xin cho đầu thú. Duyệt bèn dâng sớ về triều tâu rằng:

“Những nơi dân Mọi vẫn ở, đều là nơi địa thế hiểm hóc, ít có vết chân người ngoài đi vào. Cho nên, những kẻ có tội thường mượn chỗ đó làm nơi ẩn nấp. Trừ được bọn đó, thật là một sự khó khăn. Nếu muốn đón đánh nã bắt, thì quân quan chưa tới, chúng đã trốn vào rừng rồi. Mà muốn đóng quân phòng triệt, thì bị nguồn cao nước độc, không thể ở lâu. Bởi vậy, thuở xưa triều đình vẫn coi là nơi hẻo lánh mà bỏ qua.

Ngày nay oai trời rung động, chúng đã bó mình lại hàng. Vậy xin lượng trên ngó xuống, mở đường cho chúng được bỏ đảng cong mà theo đảng ngay.

Lại còn mấy đứa sau khi ra đầu, tự chúng muốn đi lập công chuộc tội. Cũng xin ơn trời đoái lại, cho chúng được theo đòi công việc trong quân. Rồi đây nếu chúng có công thì thưởng, bằng như thói cũ không chừa, thì sẽ chiếu luật trị tội...”

Vua Gia Long khen phải. Ngài bảo Duyệt tha tội cho bọn Tất Thúc và ban cho họ một bức chiếu thư như sau:

“Lũ người trái lại mạng lệnh triều đình đã lâu, đáng lẽ nay phải trừng trị thật nghiêm cho đáng tội. Ta chỉ nghĩ rằng: lũ người đã trót đại tội, muốn cho lần lần hối hận tự sửa lấy mình,

nên ta không nở ra oai.

Mới đây ta có sai viên đại thần đi ra kinh lược, cốt để vỗ về dân chúng cho được theo đường ngay lành, yên phận làm ăn. Còn như những kẻ trẻ nít như lũ người, thì ta không cần hỏi tới. Nay lũ người đã biết ăn năn lỗi cũ, tự ra thú tội đầu hàng, thôi thì ta cũng tha cho. Lũ người từ nay phải gột rửa thói xưa, tập theo đường chính, hầu được hưởng phúc về sau...”

Rồi ngài phong cho Đình Giá làm Phòng ngữ sử, Tất Thúc làm Phòng ngữ đồng tri đội, chín người cùng bọn đều làm chức Phòng ngữ Thiêm sự và cấp cho họ các thứ vàng bạc, áo quần, khuyên họ phải làm việc cho hết chức phận.

Từ đó, giặc cướp tan hết, dân chúng yên ổn.

Trước kia mười động dân Mọi ở trấn Sầm Tó<sup>(41)</sup> miền thượng du, thuộc xứ Vạn Tượng vẫn không chịu cống lễ triều đình. Nay nghe Duyệt đi kinh lược, một người tù trưởng tên là Phi Sĩ Vu Hâm cũng đem tiền của đến nộp, xin cho thuộc vào nước Nam. Duyệt đem việc đó tâu lên. Vua Gia Long bảo Duyệt thu nhận tế vật và kể cho Phi Sĩ Vu Hâm vào hạng công man.

Hồi ấy ở ngoài Bắc Thành đã có mấy trấn bỏ sổ đình cũ, dựng sổ đình mới, riêng của hai trấn Thanh Nghệ sổ đình vẫn chưa làm. Vua Gia Long giao cho Duyệt phải coi việc đó.

Duyệt làm sớ tâu:

“Dựng sổ dân đình là một việc lớn. Được người có tài ra làm, cố nhiên là hay. Nếu người làm mà không có tài, khó lòng tránh khỏi tệ bại. Hiện nay có lệnh nghiêm trị những kẻ ẩn lậu, hậu thưởng cho kẻ cáo tố, song mà thói thường người ta vẫn hay lánh nặng cầu nhẹ, dẫu cho pháp luật rất nghiêm, cũng không cấm được sự gian. Bây giờ nếu muốn làm lại sổ đình, thì phải cần có những người giỏi thạo trông coi mới được tinh vi. Bằng không như vậy, e rằng sổ mới lại còn sơ sót hơn sổ cũ nữa...”

Vua Gia Long cho lời ấy là phải.

Tháng Bảy năm ấy, sổ đình Thanh, Nghệ làm xong, vua Gia Long đòi Duyệt về triều.

Bây giờ ở miền Thanh, Nghệ trộm cướp xin ra đầu thú tất cả hơn 900 người, trước kia Duyệt đã tâu xin tha tội cho họ. Khi sắp ra về, Duyệt lại cho họ được vào làm lính, để cho hai trấn sai dùng. Trong số 900 người ấy, 420 người thuộc bộ Thanh Hoa, dựng thành một đạo kêu là quân Thanh Thuận, và 480 người thuộc bộ Nghệ An thì dựng một đạo kêu là quân An Thuận. Duyệt lại xin cho con trai Hà Công Thái là Hà Công Quỳnh làm chức Cai đội, con trai Nguyễn Tất Thúc là Nguyễn Tất Công, Nguyễn Tất Tại đều làm chức Phòng ngữ thiêm sự, và giao cho họ coi đốc bốn làng Sơn Âm, Chân Lại, Trường Môn, Bằng Lương, cùng theo giữ đồn Chi Nê.

Hai tháng sau, Duyệt đến Phú Xuân, vào triều bệ kiến, vua Gia Long yên ủi hồi lâu, rồi ngài hỏi đến tình hình hai trấn Thanh, Nghệ. Nhân có cơ hội, Duyệt tâu:

- Tôi đi chuyến này, nhờ có oai đức của triều đình, cho nên công việc cũng được mau xong. Chỉ có một điều chưa yên là, ở hai trấn ấy có nhiều vườn ruộng trước kia có sổ điền bỏ sót. Bây giờ xét lại mới cho vào bộ, mà lại đánh quá nặng, dân quê đóng góp không nổi. Vậy xin sửa lại cho vừa lòng dân.

Vua Gia Long vui vẻ mà rằng:

- Nếu đã làm lợi cho dân, thì ta có tiếc gì đâu.

Duyệt tiếp:

- Miếu thờ nhà Lê ở Thanh Hoa đồ thờ hiện nay còn thiếu. Vậy xin sai các quan lại trong trấn phải xuất tiền kho mà sắm cho đủ, để tỏ cho dân biết rằng: triều đình đối với vua Lê vẫn hậu.

Vua Gia Long ưng theo.

# XVII - Cõi đất Gia Định

**T**háng Hai năm Kỷ Mão (1819), vua Gia Long bị bệnh nặng lắm. Ngài cho đòi Duyệt và Lễ bộ Thượng thư Phạm Công Hưng vào cung giao cho lãnh tờ di chiếu, dặn các công việc về sau. Ngài sai Duyệt kiêm lãnh năm dinh của đạo quân Thần Sách.

Chẳng bao lâu vua Gia Long mất, tháng Giêng năm sau (1820), Thái tử Đảm lên ngôi, đổi hiệu là Minh Mạng.

Năm sau vua Minh Mạng sai Duyệt lãnh chức Tổng trấn thành Gia Định. Bao nhiêu công việc trong xứ Gia Định và ngoài biên thùy, Duyệt đều được phép tùy tiện mà làm, không phải tâu vua.

Hồi Duyệt chưa tới Gia Định, ở nước Chân Lạp có người thầy chùa tên là Kế dùng phép bùa chú quyền đồ nhân dân, những kẻ mê tín theo hăng rất nhiều. Được thể, Kế bèn tụ hợp đồ đảng làm loạn. Hăng tự xưng là Chiêu Vương, kéo quân đánh cướp những huyện Quang Hóa, Quang Phong, Thuận Thành, rồi lại phá hoại hai xứ Ba Cầu và Nam Sang của nước Chân Lạp.

Toán giặc ấy người ta kêu là giặc Sãi.

Quân ta và quân Chân Lạp dẹp mãi chưa tan.

Bắt đầu vào đến Gia Định, tức thì Duyệt sai Phó tổng trấn Hoàng Công Lý đem một đạo quân hiệp với quân nước Chân Lạp cùng tiến đánh Kế. Giao chiến một trận, quân ta đại thắng, thâu được rất nhiều đồn trại, trâu, xe của giặc.

Kế lại ủa sang Chân Lạp đánh lấy được xứ Thi Thu. Quan lại Chân Lạp nhiều người theo về với Kế. Duyệt sai Phó đô Thống chế Nguyễn Văn Tứ và Trấn thủ Nguyễn Văn Thụy hiệp với Chương cơ Phan Công Nghĩa đem quân dồn đánh. Đảng giặc tan hết, Kế bị giết, dư chúng đều xin đầu hàng.

Tin báo tiếp ra đến Phú Xuân, vua Minh Mạng mừng lắm, ngài bảo với Lê Chất:

- Giặc Sãi đã vào gần tới Nam Vang, thanh thế kẻ cũng đã mạnh, Tổng trấn thành Gia Định đã khéo sai tướng ra quân, trừ diệt đi được, thật chẳng phụ trách nhiệm “một bức thành dài” mà triều đình đã ủy thác cho. Nếu không, Nam Vang mà bị thất thủ, Gia Định chắc cũng bất lợi...

Chất tâu:

- Những tên quân Sãi đã làm giặc đó cũng là những đứa cừ khôi hung tợn. Trước kia, quan trấn Gia Định e phiên bề trên lo ngại, nên không dám nói nó là giặc lớn đó thôi.

Ý vua Minh Mạng cũng nghĩ như vậy. Ngài ban cho Duyệt một vạn quan tiền và một bức chiếu thư như vậy:

“Năm trước quân Mọi quấy rối biên thùy, người chỉ đánh trong mấy tháng đã yên. Bây giờ giặc Sãi làm loạn, kể còn khó đánh hơn tụi quân Mọi, người cũng dẹp được yên liền. Xét ra người tuy ở ngoài phiên trấn, mà lòng người lúc nào cũng ở nhà vua. Ta đã rõ cho người chỗ đó. Vậy ta thưởng cho một vạn quan tiền để người thưởng các tướng sĩ”.

Hồi ấy ở trấn Gia Định có viên quan là Hoàng Công Lý tính rất tham lam, đối với dân nhiều điều bạo ngược. Duyệt làm sớ tâu vua Minh Mạng, xin ghép Lý vào án xử tử.

Kế đó, Duyệt xin vào kinh chầu vua. Vua Minh không cho, ngài hạ chỉ dụ ngăn rằng:

“Ta cũng biết người có lòng nhớ chúa nên muốn vào chầu. Mà ta để người vất vả hoài ở ngoài phiên trấn, cũng không yên lòng, vẫn muốn gặp người cho thỏa lòng mong mỏi. Chỉ vì Gia Định là chốn trọng yếu của nhà nước, mà hồi này dân chúng đã khổ vì sự tàn ngược của Hoàng Công Lý, lại khổ về nạn tật dịch, đói khát, như kẻ đau ốm chưa lành, lại thêm Xiêm La vẫn còn dòm

nom, Chân Lạp chưa thật thần phục, bấy nhiêu việc đó cần phải được người ở lại coi sóc đối phó, thì ta mới khỏi lo ngại”.

Duyệt lại phải ở Gia Định. Nhờ về sự trông nom chăm chỉ, xếp đặt khôn khéo của Duyệt, dân chúng Gia Định mỗi ngày mỗi có vẻ hưng thịnh. Sau khi Duyệt đã đốc quân đào xong cái kênh Vĩnh Tế, đường thủy tiện lợi, mùa màng tốt hơn trước nhiều. Trung năm Minh Mạng thứ tư (1823), số dân Gia Định tăng một vạn người. Vua Minh Mạng đưa chiếu thư khen Duyệt và ban cho Duyệt một chiếc dải lưng dát ngọc.

Tháng Tám năm ấy, Duyệt lại dâng sớ xin về châu. Lần này được vua Minh Mạng cho phép.

Duyệt tới kinh, vào triều bệ kiến, vua Minh Mạng sai mời lên điện, cho phép Duyệt được ngồi nói chuyện, chứ không phải quỳ.

Sau khi đã hỏi qua công việc trong trấn Gia Định, vua Minh Mạng lại nhắc đến con cháu của bọn công thần trong ấy và hỏi thăm tình hình bọn đó lúc này ra sao. Duyệt thưa:

- Hồi tôi còn ở Gia Định, những lúc đem quân đi tuần ngoài biên, tình cờ ngang qua những nơi Nước Xoáy, Rạch Chanh, tôi hằng nhớ tới những bậc công thần thuở trước. Bọn người đã theo tiên đế vào sanh ra tử trong những trận gian nan đến nay không còn bao lâu. Có khi tôi phải cảm động bồi hồi, nước mắt chảy ra chan chứa. Tôi cũng thường thường hỏi thăm con cháu các bậc công thần ấy, và thường thường tìm đến tận nhà. Kể nào thơ ấu, tôi khuyên đi học, kể nào bồ cô, tôi đem về nuôi, ý tôi cũng muốn cho chúng đến lúc lớn khôn, trong tay có được ít nhiều tài nghệ, hòng khi triều đình có thể thân dùng.

Nhưng mà bọn đó phần nhiều là hạng hèn mọn, lại quen thói rong chơi. Thậm chí có kẻ hợp nhau làm càn, hùa vào với bọn trộm cướp. Đáng giận và đáng tiếc biết dường nào!

Rồi Duyệt xin vua Minh Mạng tha tội cho Tiền quân Dũng quận công Lê Văn Quân. Một người có nhiều công to với vua Gia Long, vì việc xích mích với Võ Tánh, bị vua Gia Long lột hết chức tước, phải uống thuốc độc tự tử, vua Gia Long còn đánh vào áo quan đủ một trăm gậy.

Vua Minh Mạng trả lời:

- Việc ấy hãy để đó.

Cách đó ít lâu, viên quan bảo hộ nước Chân Lạp là Nguyễn Văn Thụy có đệ về triều một bức thư của Nặc Ông Chân, vua nước Chân Lạp gửi sang. Trong thư đại ý nói rằng:

“Nước tôi từ đời cha ông, đến đời con cháu, trên thì nhờ sức vun trồng của triều đình, dưới thì nhờ sức che chở của quan bảo hộ, nào trừ nạn Xiêm, nào dẹp giặc Ê... Những công đức ấy sánh với công đức của Mạc Thiên Tứ, thật là to lớn gấp mười; tôi vẫn chưa từng báo đáp. Vậy nay xin dâng ba phủ Lợi Ca Bát, Chân Sâm và Mật Luật để đền ơn cho quan bảo hộ (Nguyễn Văn Thụy) cũng như đền ơn cho Mạc Thiên Tứ ngày xưa...”

Vua Minh Mạng giao cho quần thần cùng bàn xem có nên nhận hay không.

Các quan bàn tán phân vân, kẻ bảo đừng nhận, người rằng cứ nhận, Duyệt nóng ruột nói:

- Vua Chân Lạp cắt đất cho Nguyễn Văn Thụy, chẳng phải bốn tâm của hãn muốn vậy. Chỉ vì hãn sợ nước Xiêm, nên buộc phải cố kết lấy lòng nước ta, hòng ta bênh vực cho hãn. Bây giờ, nếu ta cứ nhận, ấy là tham lam, nước Xiêm sẽ có cớ mà trách. Bằng ta chối đi, thì trái với cái ý “lo lắng hiền cương” của Tiên đế ngày xưa. Theo tôi, thì trong ba phủ đó, Lợi Ca Bát quá ư xa xôi, chối đi cũng được. Đến như Chân Sâm, Mật Luật thì ở giữa lòng hai xứ Châu Đốc và Giang Thành, xin cứ nhận lấy mà trả lại hãn hết các thứ thuế. Như vậy, cốt để tỏ cho hãn biết ta chỉ vì việc biên phòng mà nhận, không phải cầu vì lợi. Rồi đó ta sẽ liệu cách vỗ về dân chúng, cho chúng biết cảm ơn mình và vui lòng theo mình, phòng để mai sau có chỗ phải dùng đến chúng. Nếu mà bây giờ ta không thân nhận lấy hai xứ ấy, lỡ ra biên thù xảy có việc chi, thì Hà Tiên, Châu Đốc chưa chắc giữ nổi, mà trấn Gia Định cũng phải yếu đi.

Trịnh Hoài Đức cũng nhận lời Duyệt là phải.

Vua Minh Mạng bèn theo lời Duyệt, sai Nguyễn Văn Thụy chỉ nhận hai phủ Chân Sâm, Mật Luật của vua Chân Lạp, trả lại hấn phủ Lợi Ca Bát.

Tính Duyệt nóng nảy, trong những lúc đối đáp với vua Minh Mạng, thường hay tỏ vẻ cương trực, vượt hẳn ra ngoài lễ phép. Vì Duyệt vừa là tướng cũ, có công to, vừa là bậc đại thần có nhận lời trời trăng của vua Gia Long, cả triều đều phải tựa vào, cho nên vua Minh Mạng cũng phải nể mặt mà không dám chấp. Một bữa, Lê Chất (Tổng trấn Bắc Thành) ở Bắc Thành về kinh vào triều gặp Duyệt, Chất nói với Duyệt:

- Lúc này triều mới đương tin bọn quan văn, khiến họ xếp đặt phép tắc uy nghi, dùng để trị dân, trị nước. Chúng ta là hạng tướng võ, chỉ quen lấy lòng ngay thẳng nết cứng cỏi làm tội nhà vua, sao khỏi có lúc sai lầm lễ độ. Vả chẳng so sánh trong đời thái bình với đời chinh chiến, thì sự đối đãi giữa vua với tôi đã khác nhau nhiều. Vậy thì chúng ta cũng nên từ quan trả ấn, lui về kinh thành hầu hạ bề trên, ngõ hầu khỏi mắc tội lỗi.

Duyệt đáp:

- Ý tôi cũng định như vậy.

Hai người bèn cùng dâng biểu xin nộp lại đôi ấn Tổng trấn.

Vua Minh Mạng cho đòi cả hai lên điện và hỏi:

- Ta đương trọng dụng các người. Có sao các người lại nói câu đó? Hay là công việc ở ngoài hai trấn khó nhọc lắm sao?

Duyệt chỉ quỳ gối mà khóc, không nói chi hết. Hồi lâu Duyệt cùng Chất lay tạ trở ra.

Vài hôm sau, vua Minh Mạng sai người đến tận dinh Duyệt yên ủi và bảo Duyệt trở về Gia Định lo lắng công việc trong trấn.

Trong khi vào triều từ biệt, vua Minh Mạng ân cần dặn Duyệt:

- Lần này người đi, lòng ta rất là quyến luyến. Vậy người phải giữ gìn thân thể, cẩn thận trong lúc làm việc, chớ để cho ta phải lo.

Vào đến Gia Định, Duyệt lại ra công lo lắng việc binh, việc dân, tình hình trong trấn mỗi ngày mỗi thấy khá thêm.

Qua năm Minh Mạng thứ tám (1827), nghe tin Vạn Tượng bị Xiêm La kéo quân sang đánh, A Nỗ phải chạy qua trấn Nghệ An, nhiều người không muốn cho ở, Duyệt dâng sớ nói:

“Vạn Tượng là một nước phụ thuộc nước mình, họ chịu cống hiến nước mình đã lâu. Nay họ có nạn, cùng quá mới phải tới đây kêu van với mình. Theo nghĩa phải, nước mình không nên bỏ họ. Vả chẳng, Xiêm La với mình, tiếng rằng láng giềng, thực ra chỉ là một nước cừu địch. Nếu Vạn Tượng bị mất về Xiêm La, thì bờ cõi Xiêm La sẽ giáp nước mình, ấy là cạnh giường có người ngủ ngáy khè khè, tôi e rằng mình cũng khó mà yên giấc. Chi bằng nhân trong lúc này ta hãy sắp đặt cho nước Vạn Tượng làm cái hàng rào chắc chắn của nước mình. Chỉ hiềm một nỗi nước mình nhận nước Vạn Tượng, tất nhiên Xiêm La phải đòi, nếu ta không trả cho Xiêm, thì hai nước không khỏi sinh ra xích mích. Theo ý tôi, thà rằng mất lòng với Xiêm La, mà được Vạn Tượng theo thuộc về mình, thì sự tai hại còn nhỏ. Nếu nể Xiêm La mà để cho Vạn Tượng phải mất, thì cái thế lực Xiêm La sẽ cực lớn lao, nó sẽ để vạ cho mình nhiều lắm.

Cân nhắc tình nghĩa đầu nặng đầu nhẹ, đo đắn họa hại dang nào cạn, dang nào sâu, tôi tưởng nên nhận Vạn Tượng là nước mình, mới là đặc sách. Làm vậy, nếu như Xiêm La có vì tranh nhau với ta, mà đưa binh đao phạm đến Nghệ An, thì Gia Định kề bên Xiêm La, tôi xin đem một đạo binh chặn hòng nó và đập vào lưng nó, chẳng khó chi hết.

Đó mới là kế vạn toàn”.

Vua Minh Mạng hạ chiếu khen cái thao lược và can đảm của Duyệt.

Hồi ấy trong nước còn yếu, không phải dùng đến binh lực, cho nên trong mấy năm trời,

Duyệt được đem hết tài lực kinh doanh công việc Gia Định. Thấy vòng thành Gia Định nhỏ hẹp, sợ khi có việc không đủ chống giữ, năm Minh Mạng thứ mười một (1830), Duyệt xin xây lại thành ấy cho được thêm cao thêm rộng, xứng đáng là một trấn quan trọng ở miền Nam.

Sau khi được vua Minh Mạng cho phép, Duyệt đốc quân sĩ phá hết thành cũ, xây lại một vòng thành khác, vừa hết một năm mới xong. Thành xây toàn bằng đá ong vừa cao vừa dày, mặt thành rất rộng, có thể cho quân chạy ngựa; bốn góc và bốn cửa thành đều có chòi cao để quân canh gác; ngoài thành đào một vòng hào rất rộng và sâu, quy mô cực kỳ hùng tráng.

Năm sau (1832), nghe tin Lê Chất mới mất<sup>(42)</sup>, vua Minh Mạng dạy đem toàn hạt Bắc Thành chia ra nhiều tỉnh, bắt chước như nhà Mãn Thanh, mỗi tỉnh đặt mấy viên cai trị, không để mấy viên tổng trấn như trước, Duyệt không hiểu vì sao mà đất Gia Định chưa bị chia làm hàng tỉnh như vậy, bèn làm sớ tâu:

“Tôi nay tuổi già sức yếu, xin cho nghỉ việc, và xin theo như lệ mới, chia đất Gia Định ra làm nhiều tỉnh, cho tiện việc cai trị”.

Vua Minh Mạng không nghe, ngài bắt Duyệt cứ phải gắng sức lãnh chức tổng trấn, rồi sau sẽ hay.

Vài tháng sau, Duyệt bị bệnh nặng, đến ngày 30 tháng Bảy năm Nhâm Thìn (1832) thì mất, thọ 60 tuổi. Táng tại làng Bình Hòa.

# XVIII - Ân điển của hai vua Gia Long, Minh Mạng đối với Duyệt và nhà Duyệt

**T**rong bọn công thần mở nước của vua Gia Long, Duyệt và Nguyễn Văn Thành có tiếng hơn hết. Vì hai người đã đánh nhiều trận kịch liệt, khiến cho thanh thế họ Nguyễn tuy đã nhiều phen thất bại, còn vượt lên được. Cho nên, trong năm viên chuông doanh của năm dinh võ tướng lớn nhất hồi ấy - người ta ít nói đến Trung quân Trương (Nguyễn Văn Trương), Hữu quân Đức (Nguyễn Huỳnh Đức), Hậu quân Chất (Lê Chất) chỉ hay nói đến Tả quân Duyệt và Tiền quân Thành.

Duyệt tuy xuất thân từ chức hoạn quan, tầm người lại thấp và nhỏ, mà tính khí rất bạo tợn, uy phong rất dữ dội, cho nên vua Gia Long phải yêu, mà Minh Mạng thì sợ và nể.

Hai vua, nhất là vua Gia Long đối đãi với Duyệt và nhà Duyệt vẫn đặc biệt hơn các người khác.

Trong khi Duyệt theo vua Gia Long dẹp Bắc đánh Đông, cha Duyệt là Nguyễn Văn Toại vẫn giữ nghề làm ruộng ở miền Rạch Gầm.

Đến năm Gia Long thứ hai (1803), Duyệt đương đem quân đánh toán giặc mọi Quảng Ngãi, thì Toại mới ở Gia Định vào Phú Xuân châu vua.

Ông lão tuy là một người quê mùa mà đã đẻ ra được một tay danh tướng, vua Gia Long có ý kính nể, hỏi han yên ủi rất lâu.

Kế đó, ngài bảo Toại cho Lê Văn Yên, con trai Tả doanh Đô thống chế Lê Văn Phong (em ruột Duyệt) làm con nối dòng của Duyệt. Và nói với Toại:

- Con của anh em cũng như con của mình. Vậy là Duyệt có người nối dõi về sau rồi đó.

Rồi vua Gia Long ban áo khăn cho Toại và bảo Toại trở về Gia Định.

Năm sau, triều đình có việc vui mừng chi đó; luôn thể, vua Gia Long ban sắc truy tặng cho ông cố Duyệt là Lê Văn Tánh chức cai đội trong vệ Cẩm y, ông nội Duyệt là Lê Văn Hiếu chức Cai cơ trong vệ Cẩm y, và phong cho Toại được hàm Chương cơ.

Tánh Duyệt thẳng và nóng, trị quân rất nghiêm. Tướng tá bộ hạ không ai dám ngẩng lên mà ngó mặt Duyệt trong khi Duyệt có việc sai bảo. Các bậc huân cựu đại thần cũng phải kính sợ, Hậu quân Lê Chất vì là tướng của Tây Sơn mới về hàng Nguyễn, tướng Nguyễn nhiều người ghen ghét, nên vẫn thờ Duyệt cẩn thận hơn các người khác. Những việc binh cơ và những lời lập luận trong triều, Chất vẫn luôn luôn đi lại bàn bạc với Duyệt.

Duyệt cũng tin Chất, hay nghe lời Chất.

Lúc ấy có viên Tham luận là Nguyễn Văn Tái, vốn là tiểu thuộc trong dinh Tả quân, vì việc quân có điều lầm lỗi, bị Duyệt quở mắng, Tái mới vào triều cáo rằng: Duyệt đương xây đắp đồn ụ, chứa chất kho dựn, lại sai người ra Bắc Thành chiêu dụ hào kiệt, và thường thường đi lại với Lê Chất, nói nhiều chuyện kín, ngờ rằng có ý làm phản.

Duyệt nghe chuyện đó hoảng sợ, tự mình vào triều xin chịu tội.

Sau khi đưa vào Hình bộ tra tấn, Tái bị ghép vào tội nói vu. Vì không có chi là chứng cứ.

Trước kia khi bọn Đô đốc Tây Sơn là Lê Danh Phong xin hàng, Duyệt thấy Chất nói Phong có tài, mới tiến cử lên vua Gia Long khen rằng Phong có thể dùng. Lúc ấy Nguyễn Đức Xuyên đã đưa sớ ngấm can vua, cho là Phong chịu đầu hàng không phải thật bụng, Duyệt không xét kỹ mà tiến cử hẳn, chẳng qua quá tin Lê Chất đó thôi. Vua Gia Long cho Xuyên nói phải, ít lâu ngài



sẽ giết Phong, và đã có ý ngờ Duyệt. Cho nên khi ấy ngó thấy cái án vu cáo của Tái do Hình bộ đệ lên, thì cái lòng đổ kỵ của ngài, buộc ngài chưa thể tin liền là đúng.

Ngài nói:

- Lời Tái nói giống như cũng có duyên cớ, nên tra xét cho đến nơi khỏi phải nghi ngờ về sau.

Rồi ngài sai bọn đình thần đem Tái tra lại lần nữa.

Trước mặt Duyệt, Tái chỉ nói quanh nói quẩn, rồi bật miệng không nói được nữa, quần thần buộc Tái tội chết. Duyệt được vô sự.

Năm Gia Long thứ 11, Hiếu Khang hoàng hậu qua đời<sup>(43)</sup>, khi đưa đi chôn, Duyệt được sung chức Phó liêu sứ, coi sóc công việc đám ma.

Năm Gia Long thứ 16, sau khi cha con Nguyễn Văn Thành đều bị tội oan mà chết, vua Gia Long chùng muốn yên ủi người khác, mới sai ghi chép tên họ công trạng của những người đã cùng ngài phiêu bạt ở thành Băng Cốc và cho bọn công thần được tập ấm. Con nuôi của Duyệt là Lê Văn Yên được thăng lên chức Phiêu kỵ đô úy.

Hai năm sau, vua Gia Long mất, vua Minh Mạng lên ngôi, ngài có ban thư khen Duyệt và sai sứ đem vàng, bạc, trầu rượu thưởng cho cha Duyệt.

Lúc vua Minh Mạng táng vua Gia Long ở lăng Thiên Thọ, Duyệt được thăng chức Tổng bộ sứ.

Năm Minh Mạng thứ nhất, Lê Văn Toại tạ thế. Vì lúc ấy, cả nước đương phải khổ<sup>(44)</sup> vua Gia Long, Duyệt không dám may đồ tang cha, dâng sớ xin với triều đình như vậy. Vua Minh Mạng hạ chiếu thư cho phép Duyệt được chế tang phục trở cha nhưng sau khi làm lễ chịu tang xong rồi, lại phải mặc đồ trở vua như trước.

Năm Minh Mạng thứ ba, Duyệt đã hết tang vua và tang cha, mẹ Duyệt là Nguyễn thị được tặng sắc cáo mạng phu nhân.

Năm Minh Mạng thứ năm, con nuôi Duyệt là Lê Văn Yên được thăng chức Phò mã Đô úy và được cưới công chúa thứ mười là nàng Ngọc Nghiêm làm vợ.

Qua năm sau, vua Minh Mạng ban cho vợ Duyệt là Đỗ Thị Nhân<sup>(45)</sup> một ngàn quan tiền.

Đối với Duyệt, vua Minh Mạng tuy có sợ hãi nhưng vẫn làm ra mặt thân yêu. Lúc Duyệt dâng sớ nói việc nên nhận nước Vạn Tượng, vua Minh Mạng coi rồi, có bảo với cận thần là Trần Văn Nam như vậy:

- Người ta vẫn nói tánh Duyệt ngỗ tợn, nhưng ta xét ra, Duyệt thật hết lòng trung thuận với vua, cái tánh ngỗ tợn bây giờ đã tiêu đi hết.

Rồi ngài tặng cho cha Duyệt chức Đô thống chế hàm nhất phẩm, mẹ Duyệt hàm nhất phẩm phu nhân.

Trong hồi lãnh chức Tổng trấn Gia Định lần thứ hai, Duyệt thường tin dùng một viên Tham tri Tào bộ là Trần Nhật Vĩnh.

Chẳng dè Vĩnh là đứa gian hiểm xảo quyệt. Được lòng tin cậy của Duyệt, Vĩnh luôn luôn ý thể làm càn, đến nổi chiếm của, cấm nhà và cướp giết cả vợ người khác. Nhân dân trong vùng Gia Định ai cũng sợ hãi.

Chẳng bao lâu, những việc tàn bạo của Vĩnh vỡ ra, Vĩnh bị tố cáo phải giải về kinh bỏ ngục.

Bấy giờ Duyệt mới biết chuyện dâng sớ cho vua Minh Mạng, xin nhận tội mình đã dùng phải người quấy.

Vua Minh Mạng đưa chỉ dụ tha lỗi cho Duyệt và khuyên Duyệt nên hết lòng trung thành với triều đình để giữ trọn danh dự của một người công thần.

Khi Duyệt tạ thế, vua Minh Mạng ban cho vợ và con nuôi Duyệt ba ngàn quan tiền làm ma và

sai sứ vào tận Gia Định thay ngài tể Duyệt một đàn.

# XIX - Lời buộc án của triều Minh Mạng

**T**rong khi đem quân kinh lược trấn Thanh Hoa, Duyệt có dụ được một người tướng giặc là Hà Văn Khôi<sup>(46)</sup>.

Khôi vốn là người ở vùng Cao Bằng, nhân lúc loạn, nổi lên làm giặc, vì bị quan quân đuổi đánh, phải chạy vào miền Thanh Hóa. Nghe Duyệt có lệnh chiêu dụ những người khởi nghĩa ở vùng đó, Khôi mới ra thú.

Thấy Khôi tuổi trẻ lại có tài lực can đảm, Duyệt tha tội cho Khôi, rồi nhận Khôi làm con nuôi mình và đổi tên hán làm Lê Văn Khôi.

Người ta nói rằng: Duyệt ở trong quân, thường vẫn nuôi một chuồng cọp. Người nào bị tội xử tử, thì Duyệt thả vào trong chuồng cho cọp ăn thịt.

Khôi mới ra đầu thú cũng bị thứ hình phạt ấy.

Vào chuồng cọp, hăn chỉ nắm tay đánh nhau với cọp, cọp thua, sợ hăn không dám động đến. Duyệt thấy vậy, cho Khôi là một người lạ, nên mới dùng Khôi. Nhưng đó là chuyện truyền văn, không chắc có đúng hay không?

Đến hồi Duyệt làm Tổng trấn thành Gia Định, thì Khôi được thăng lên chức Vệ úy.

Sau khi Duyệt mất, vua Minh Mạng chia trấn Gia Định ra làm nhiều tỉnh, mỗi tỉnh có đặt những chức Tổng đốc Tuần phủ, Bồ chánh, Án sát coi việc cai trị như ngoài Bắc, chứ không đặt chức Tổng trấn như trước.

Mấy huyện gần Gia Định đặt làm một tỉnh gọi là tỉnh Phan An, do Nguyễn Văn Quế làm Tổng đốc, Bạch Xuân Nguyên làm Bồ chánh, Nguyễn Chương Đạt làm Án sát.

Trong ba người đó, Bạch Xuân Nguyên là kẻ tham lam tàn ác khó chịu. Với Duyệt, Nguyên thù riêng, vì khi quân ra Bắc thành Duyệt đã hạch tội cha Nguyên và bắt đem chém. Muốn trả thù ấy, Nguyên nói phao rằng: Mình vàng mệnh mật chỉ của vua Minh Mạng, vào đó tra xét việc riêng của Duyệt. Rồi Nguyên đòi hỏi chứng cứ, trừng trị hoài bọn đầy tớ cũ của người thù mới qua đời.

Khôi lấy việc ấy làm tức.

Lúc ấy ngoài thành Phan An (tức thành Gia Định) có nhiều gỗ mục không dùng đến. Khôi cho quân sĩ bổ làm củi đun. Nguyên mượn cơ đó mắng Khôi dùng ý thể như hồi còn Lê Văn Duyệt.

Những ngày Duyệt sống, ai nói đến Duyệt, đều phải kêu bằng “quan thượng”, không dám gọi tên, nên bây giờ Khôi thấy Nguyên nói thách mé như vậy hăn nổi xung lên, cãi lại thậm tệ. Nguyên được dịp, sai luôn thủ hạ cùm Khôi bỏ khám.

Bị ức hiếp một cách vô lý như vậy, cố nhiên Khôi càng tức giận và phải tìm cách xỏ cũi tháo lồng mà ra.

Bây giờ ở Gia Định có nhiều người Bắc bị tội phải đầy vào đó, hoặc cho làm ăn với dân, hoặc bắt phải vào làm lính, gọi là lính Hồi Lương, bọn đó cũng đều cay Bạch Xuân Nguyên chỉ chức làm loạn.

Đêm hôm 27 tháng Năm năm Quý Tỵ (1833), sau khi đã rủ được 27 người lính Hồi Lương vào bè với mình, Khôi cùng họ bẻ xiềng sắt, phá khám tháo cho tù ra, rồi ủa đến vây dinh Bồ chánh, Nguyên cùng vợ con chạy thoát, nhưng đến Xóm Gà bị Khôi đuổi kịp, chém hết cả nhà.

Rồi Khôi trở lại dinh Tổng đốc, toan vào thú tội. Chẳng dè Nguyễn Văn Quế thấy tù phá ngục, chùng như sợ quá, tự tử mất rồi, còn Án sát Nguyễn Chương Đạt và rất nhiều quan nhỏ đều bị giết trong đám loạn quân.

Lỡ việc. Khôi phải chiếm thành Gia Định, tự xưng làm Đại nguyên soái, phong quan, ban chức cho bọn đồng đảng, nghiêm nhiên riêng một triều đình.

Quân các tỉnh khác đến đánh đều bị thua hết, đại binh ở Phú Xuân phải vào tiếp ứng.

Tháng Chạp năm ấy, Khôi bị bệnh chết, dư đảng vẫn giữ thành Gia Định, chống lại với quân triều.

Quân triều vây thành Gia Định ròng rã ba năm, trong thành hết lương, không giữ được nữa. Khi thành bị hạ, dư đảng của Khôi hãy còn gần hai ngàn người, quan triều chém chết và chôn chung vào một hố kêu là mả Ngụy.

Đảng Khôi tan, bấy giờ người ta mới kiếm có buộc tội cho Duyệt.

Vua Minh Mạng hồi xưa tuy có sợ Duyệt nhưng vẫn không quên được sự thù ghét.

Nguyên nhân vì việc tranh ngôi thái tử.

Từ khi Đông cung Cảnh và Hoàng tử Hy kế tiếp tạ thế, vua Gia Long vẫn phân vân chưa biết lập ai làm Hoàng thái tử: con Đông cung Cảnh là cháu trưởng mà tuổi còn nhỏ, vua Minh Mạng (hồi ấy là Hoàng tử Đảm) tuổi thì lớn nhưng là con thứ. Việc ấy, vua Gia Long vẫn bàn bạc với Duyệt và Nguyễn Văn Thành cùng vợ ngài.

Hoàng hậu muốn lập vua Minh Mạng, để cho mai sau nước có vua lớn, mới là phúc của xã tắc.

Duyệt và Thành thì muốn ngôi thái tử để dành cho con trai Đông cung Cảnh. Vì Cảnh khi mới bốn tuổi đã phải theo Bá Đa Lộc sang Tây cầu cứu, rồi lúc về nước lại từng cầm quân đánh dẹp nhiều nơi, công lao không phải là nhỏ.

Vua Minh Mạng biết ý Thành, Duyệt như vậy. Ngài luôn luôn tự mình đến nhà hai người nói lót, hứa những thế này thế kia.

Có khi ngài còn đến thăm phòng riêng của Võ Chỉnh, gia sư nhà Thành, nhờ ông đó nói với Thành giùm.

Lúc đầu ông ta còn khất lần, sau vì ngài đi lại hoài, ông đó mới nói thật rằng: “Ông tướng<sup>(47)</sup> là người cương trực, tôi không nói nổi. Xin đức ông cứ chờ mạng trời”.

Với Duyệt cũng vậy, ngài cũng cậy người thân tín nói giúp. Nhưng Duyệt cũng như Thành, hai người khăng khăng không chịu.

Sau đó, Thành bị tội, Duyệt vì hoàng hậu năn nỉ nhiều quá, cực chẳng đã cũng phải xuôi lòng.

Năm Gia Long thứ mười lăm, Duyệt ở Quảng Ngãi bị đòi về kinh dự lễ dựng hoàng thái tử.

Việc xong, vua Minh Mạng ra cửa triều, gặp Duyệt, chỉ vào Duyệt và nói:

- Anh coi mặt ta có đáng làm vua hay không?

Người ta truyền rằng: Khi ấy Duyệt nghe ông Hoàng nói vậy, lấy làm tức, đã toan sinh sự, vua Gia Long biết chuyện, bắt hoàng thái tử phải đến nhà Duyệt tạ lỗi, Duyệt mới chịu thôi.

Từ đó hai người sinh ra bất hòa.

Bởi vậy, khi lên nối ngôi, vua Minh Mạng đối với Duyệt, cái ý báo thù vẫn nấp kín trong cái thái độ ôn tồn kính nể.

Duyệt chết, vua Minh Mạng đã hết sợ. Khi Khôi làm loạn, ngài luôn trách Duyệt che chở đảng giặc, gây ra vạ ấy.

Bấy giờ những kẻ thuở trước ghét Duyệt mới thi nhau tìm có buộc tội cho Duyệt để lấy lòng vua.

Năm Ất Mùi (1835), Phan Bá Đạt, một viên quan trong viện Đô sát, dâng vua Minh Mạng tờ sớ bới móc tội Duyệt đại khái như vậy:

“Lê Văn Duyệt trước ở Gia Định, dùng bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã làm vuốt nanh, lấy quân Bắc Thuận<sup>(48)</sup>, Hồi Lương làm mề ruột. Bọn đó là phường hung tợn, không phải loài lương thiện cho nên Duyệt chết chưa bao lâu mà bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã đã đem quân Hồi Lương, Bắc Thuận cùng tui thủ hạ chiếm thành làm phản, khiến cho lòng người bối rối, các tỉnh Nam kỳ phải vạ lây, đại đội quan quân phải tiến đánh khó nhọc. Năm tỉnh nay đã thu lại được rồi, nhưng thành Phan An vẫn bị giặc giữ, quân quan tiến đánh bao người bị chết bị thương! Cái vạ ấy kể sao cho xiết!

Nay Duyệt mất rồi, sự trạng thế nào, tuy không có thể xét cho rành rọt. Nhưng cứ xem con nuôi Duyệt là Lê Văn Hán trước đây vào thành nhập đảng với nghịch Khôi và đem Bạch Xuân Nguyên đốt làm đuốc tế nhà thờ, thì tâm tích của Duyệt tưởng không xét cũng rõ. Nếu không bắt tội, e không đủ làm gương răn bảo đời sau.

Vậy xin truy đoạt quan chức của Duyệt, còn vợ con Duyệt thì giao về bộ Hình, tra cho rõ và xử cho nghiêm, để tỏ phép nước”.

Sau khi coi tờ sớ ấy, vua Minh Mạng có ban xuống Nội các một đạo chỉ dụ như sau:

“Lê Văn Duyệt xuất thân từ hàng yêm hoạn, vốn là một tên đầy tớ trong nhà. Tình cờ được hội trung hưng, rỗng mây gặp gỡ, đánh dẹp Tây Sơn cũng dự có phần công lao. Đức hoàng khảo nghĩ và thuở nhỏ là kẻ hầu hạ trong cung, đem lòng tin cậy, nhiều lần cho va cầm quyền tiết việt.

Không ngờ bọn đó phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày mỗi sinh kiêu căng, ăn nói láo hốn. Vì va còn sợ đức hoàng khảo là bậc thánh minh, cho nên tuy có lòng gian mà chưa dám lộ. Mấy năm về sau, đức hoàng khảo cũng đã biết rõ như thế. Nhưng lại nghĩ va tuy có lòng an, mà thiên hạ yên rồi, thần dân ai còn theo chi kẻ thị hoạn đó, ngại chắc va không làm chi được.

Kịp đến khi ta lên ngôi, cựu thần không còn mấy người, vả ta cũng nghĩ va tuổi già, cho nên cũng tam khoan dung, hoặc giả va biết hối lại mà chừa đi... Không ngờ va vẫn lòng như rắn rết, tánh như sài lang, càng ngày càng thêm kiêu ngạo đến nỗi dám nói xấu triều đình trước mặt đám đông người, để khoe tài riêng của mình.

Năm trước, những kẻ tù phạm Thanh, Nghệ đều là quân hung ác, va đều khuyên dỗ ra thú, tâu xin ghép vào dưới trướng dùng làm vuốt nanh. Lê Văn Khôi là đứa vô lại, va tiến cử cho đến chức Vệ úy, theo dưới cột cờ của va, làm người mề ruột cho va. Thổ hào như bọn Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ưng, va dám giấu lén vờ dùng. Họ mạc như tui Võ Vĩnh Tiền, Võ Vĩnh Lộc, va cũng ngầm ngầm kết đảng. Những đứa tù phạm Bắc kỳ phải đầy vào đó, va cho chúng ở trong thành, không bắt làm lính. Va lại kén những voi khỏe đưa ra đồn quân, vét nhiều thuyền bè, khí giới trong sáu tỉnh Nam kỳ chứa vào trong thành Phan An, rồi va lại nghe theo tên Trần Nhật Vĩnh hút hết máu mủ của dân Nam kỳ. Va đắp thành, Phan An dám tiếm bằng thành kinh sư, mà hào ở ngoài thành va còn đào sâu hơn nữa. Nếu bảo phải thành cao, hào sâu để phòng giặc Xiêm La, thì mặt thủy phải phòng ở Hà Tiên, mặt bộ phải phòng ở Chân Lạp, lẽ nào bỏ bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không giữ chỉ giữ ở Phan An được sao? Coi đó đủ rõ va chỉ phòng triều đình, không phải va phòng ngoại hoạn.

Suy một điều đó, thì ruột gan của va dẫu kẻ đi đường cũng biết, ai không căm tức? Giận vì không ai nói rõ cho triều đình sớm hay, thành ra ngày nay giống như nuôi cái nhọt bọc trong mình, mầm vạ mỗi ngày mỗi lớn, cho nên kẻ quyền yêm tuy đã chịu tội dưới âm ty, mà đầu lất nhắt vẫn dám chiếm thành làm loạn. Giả sử thú mục Phan An không hèn dòn như Nguyễn Văn Quế, tham tàn như Bạch Xuân Nguyên mà bọn tiểu hạ của va, rất phường hung đồ quen làm việc bất thiện, chúng nó đã quen thầy va rồi chúa, lấn bề trên.

- Va dám nói với người ta rằng: Mình vào Gia Định vốn là phong vương để giữ lấy đất không phải như các Tổng trấn thường, rồi mả của cha va em va, cũng đều gọi tiếm là lăng, hoặc khi nói chuyện, va dám đối với người ta tự xưng là “cô” - tập lâu thành thói, thì chúng nó cũng chỉ biết có Lê Văn Duyệt mà không có triều đình nữa.

Thầy Hữu Tử có nói: “Không ưa xâm phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có người nào

như thế". Vậy thì ưa xâm phạm người trên mà không ưa làm loạn, cũng không có người nào như thế.

Mỗi vạ đã gây nên, muốn cho bọn tiểu hạ không làm loạn, có thể được chăng?

Vì vậy, mà va chết chữa mấy ngày, bọn Lê Văn Khôi đã nổi lên làm nguy, rồi cháu va cũng đồng tình làm phản, và cả tội bộ khúc của va cũng đều theo giặc, không có tên nào trốn đi...

Chúng nó cậy có thành cao hào sâu, lương thực như núi, khí giới sắc nhọn, đồ đảng đông nhiều, chống lại với quân nhà vua, ròng rã tới ba năm trời. Nhiều lần triều đình đã mở con đường sống cho chúng nó mà chúng nó vẫn không chịu hối tội đầu hàng, làm cho quân và dân óc gan lăm đất, nói ra đau lòng. Xét đến gốc nguồn, tội va nhiều như nhổ từng cái tóc mà đếm, không thể nào xuể. Nay đem những việc rõ rệt ở trước tai mắt mọi người của va đã làm ra để gây nên họa hoạn, hiểu thị cho ai nấy đều biết.

Còn như Lê Văn Duyệt và con cháu va nên xử thế nào, giao cho đình thần cùng bàn".

Vua Minh Mạng đã vậy thì lời của đình thần sẽ ra sao, tưởng chẳng nói cũng biết chắc rằng họ sẽ đối với Duyệt một cách tàn nhẫn.

Thật vậy vài bữa sau, Hà Quyền, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Quýnh... một bọn nội các đệ lên cho vua Minh Mạng một bản nghị án nói rằng:

"Duyệt che chở quân 'phỉ' gây nên việc biên, cái 'thai vạ' kết lại đã lâu. Nay xét giấy má của y ngày xưa, có sáu điều này rõ ra hình tích bộ nghịch:

Năm Minh Mạng thứ 4, tự tiện sai người riêng của mình là bọn Phan Đạt, mượn tiếng đi thám, chèo thuyền sang nước Miến Điện. Trong thư chắc có giao thông. Cứ lấy nghĩa 'kẻ làm tôi không được giao thông riêng với nước ngoài' thì tâm sự của y thế nào đã rõ. Đó là một tội.

Kịp khi sứ thần Miến Điện tới thành, y mới tâu vào triều đình. Đã có chỉ dụ nói 'việc đó quan hệ đến nghĩa cả, không nên lẹ dạ nghe lời người ngoài mà bỏ tình hòa hảo, gây việc thù hận'. Vậy mà y vẫn cố xin dung nạp. May mà triều đình trả cống vật cho sứ thần Miến Điện về nước, thì cái danh nghĩa của 'đại bang' ta mới tỏ giải với gầm trời. Vậy là chẳng những y lo toan việc không phải đường, mà còn cố giữ ý riêng để che sự làm cho trót sự tội lỗi nữa. Đó là hai tội.

Năm Minh Mạng thứ 7, tàu thủy nước Anh Cát Lợi bạt gió vào cửa Bình Thuận, đã có chỉ sai sở tại hộ tống cho đi, và ý cố xin đưa vào Gia Định mà nói rằng: 'Quan trấn kiểm thúc, không bằng tôi có quyền'. Hai chữ 'có quyền' thừa nay vẫn lấy làm răn, mà y dám nghênh ngang tự nhận, kiêu căng, gàn dở biết dường nào! Đó là ba tội.

Năm Minh Mạng thứ 4, Thị vệ là Trần Văn Tình đi việc công ở Gia Định về, có tâu: Trần Nhật Vinh làm riêng phổ ngói, mua trộm các vật. Y nghe chuyện ấy, năm sau vào chầu cố tình xin bắt Trần Văn Tình giao cho y để y chém đầu, nếu không, y sẽ trả chức Tổng trấn, rồi mà y từ chức thực. Cố ý bắt ép nhà vua như vậy, chẳng còn tội nào lớn hơn. Vả, y xin giết một Trần Văn Tình, tức là bắt hết thầy người khác đều phải khóa lưỡi không dám nói đến chuyện y. Dụng tâm như vậy thật là hiểm độc. Đó là bốn tội.

Trần Nhật Vinh đã có chỉ bổ làm thư ký Vĩnh Thanh, y vẫn nèo xin để lại trong thành, Lê Đại Cương đã có chỉ đòi vào trong triều, y vẫn nèo xin để lại làm việc ở phủ Lạc Hóa, hai việc đó đều là cố ý trái lời chiếu chỉ. Trong tập tờ tâu về việc này y nói rằng: 'Chuẩn cho tôi cầu xin việc ấy, ngõ hầu có ích lợi cho chốn biên cương, lại trong tập tâu về việc xin chi bổng cho bọn thợ lại, cai đội các vệ, y có câu: 'Lão thần ở ngoài biên khốn, chỉ e triều đình tin dùng không bền'. Những lời lẽ ấy đều là bất kính. Đó là năm tội.

Năm Minh Mạng thứ 6, y tâu xin tăng thọ cho Lê Chất, có nói: 'Ấy là một vị thuốc thánh có sức khởi tử hồi sinh, tiếc gì mà không làm'. Y là người coi cả một trấn biên thù, mà dám kết đảng tư tình như vậy, rất trái với đạo làm tôi. Đó là sáu tội.

Vả lại, nghe nói ngày thường y vẫn khoe với người ta rằng mình phụ tiên xin được bốn câu thơ rằng:



*Giúp Hán tranh đầu phường tướng Hán,*

*Phò Châu há kém bọn tôi Châu?*

*Trần kiều việc ấy rồi khi gặp,*

*Mảnh áo bào vàng<sup>(49)</sup> vẫn đợi nhau.*

Giả sử y không là kẻ sẵn lòng bất trung, thì không khi nào lại khoe bài thơ ấy với ai. Bởi vậy, bọn tiểu hạ của y học quen thành thói, cho nên thấy y chết còn chưa lạnh, đã có việc này.

Vậy xin giao cả tờ tâu này cho đình thần kết án để định tội y một cách chánh đáng”.

Vua Minh Mạng ưng lời.

Nghị án xong, người ta bảo trong những lời nói, việc làm của Duyệt có 7 tội nên trảm.

1. Sai người riêng của mình sang nước Miến Điện, giấu lén giao kết với nước ngoài.
2. Xin giao tàu thủy Anh Cát Lợi đến thành của mình, để tỏ rằng mình có quyền.
3. Xin giết Trần Văn Tình để khóa miệng người khác.
4. Kháng sớ xin lưu lại quan viên đã bỏ đi nơi khác.
5. Kết lập bè đảng, xin tăng thọ cho Lê Chất.
6. Chứa ngầm giấy của ngục bảo.
7. Mộ cha gọi tiếm là lăng, nói với người ta tự xưng là “cô”.

Hai tội nên giảo (thắt cổ):

1. Xin dung nạp sứ thần Miến Điện hòng làm cho trót cái việc tội lỗi của mình.
2. Nói với người rằng: mình đã xin được tiên cho bài thơ, trong có câu “áo bào vàng”.

Và một tội nên phát lưu:

Tự tiện sai biện binh đóng riêng tàu thuyền.

Bản án ấy còn nói kết rằng:

“Trong việc biến loạn ở Phan An. Duyệt là người thủ xướng, theo luật ‘mưu phản’ nên khép vào tội tòng xẻo. Song y nay đã chịu tội ở dưới âm ty, vậy xin đoạt lại cáo sắc, bổ hòm, chém thây, để làm gương cho kẻ khác. Còn như ông cố, ông nội và cha của y, đã được cáo, sắc tụy tặng, cũng xin đoạt lại. Phần mộ tiền nhân chỗ nào tiếm lễ, trái phép xin hủy đi. Con, cháu, vợ cả, vợ lẽ đều xin chia từng hạng mà định tội. Tài sản tịch biên làm của quan”.

Coi hai tờ tâu và một bài dụ, nhất là những chỗ đã in chữ chéo, của một bọn vua quan đã buộc tội cho một người chết rồi, ai không nhận là lời vô lý. Vô lý đến nỗi vớ một bài thơ phụ tiên làm có kết án một vị nguyên huân, thật là không còn chỗ nói.

Thế mà sau khi bản án đưa đi các nơi, quan lại không ai dám có nửa lời bênh vực, trái lại, họ còn hòa theo rầm rầm.

Kết cục, vua Minh Mạng sai phá thành Gia Định là cái hoành công của Duyệt dựng lên và kết án Duyệt như sau này:

1. Lột hết quan tước của Duyệt và thân thuộc.
2. Săn mả Duyệt làm đất bằng, dựng lên đó một tấm bia đá có khắc 8 chữ “Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xử” (Chỗ tên hoạn quan lộng quyền là Lê Văn Duyệt cúi đầu chịu hình), và đeo vào đó một cái xiềng sắt có khóa khóa lại.
3. Con nuôi Duyệt là Lê Văn Hán giao thông với giặc, đã xử cực hình rồi, còn thân thuộc của hắn cũng đều phải tội.
4. Những họ hàng khác của Duyệt khép án trảm giam hậu.

Trong lời tuyên án, vua Minh Mạng lại nói thêm rằng: “Lời dụ này cho phép sao ra nhiều bản, phát cho mỗi tỉnh một bản, để cho ai nấy biết triều đình xử rất công bằng và rõ ràng cái cân ba thước, nghiêm như rìu búa nghìn thu”.



Nhưng mà mới được năm thu, thì chính con ngài là vua Thiệu Trị, tự nhiên khôi phục quan tước cho Duyệt, sai quan Gia Định bỏ xiềng và bia của ngài ở chỗ mộ Duyệt, bắt sỏ tại xuất tiền kho sửa lại năm mộ, lập lại miếu thờ, cấp 10 mẫu ruộng ở Bình Hòa để lấy hoa lợi hằng năm chi về việc tế Duyệt.

Rồi độ sáu, bảy thu nữa, cháu ngài là vua Tự Đức cũng sai quan Gia Định xây cao mộ Duyệt và sửa lại miếu thờ Duyệt.

Hiện nay người ta vẫn sùng bái Duyệt như lúc sanh thời. Mỗi năm, cứ đến mồng một tháng Tám, khách đến khấn lễ ở miếu thờ rất đông.

# XX - Dật sự

- Duyệt coi quân nghiêm ngặt, người nào hơi trái quân lệnh tức thì trị tội không hề khoan dung. Vậy mà đối với binh sĩ rất có ân tình, những kẻ đau ốm, bị thương, Duyệt săn sóc cẩn thận. Nhất là những ai chẳng may chết trận, Duyệt rất kính trọng và thương xót.

Trận đánh ở cửa biển Thi Nai, nhờ sự hăng hái, can đảm của Duyệt mà được đại thắng, nhưng tướng sĩ chết hại có đến hơn 600 người. Binh sanh Duyệt lấy trận đó làm đau nhất. Sau khi đất nước thống nhất, hằng năm, đến ngày 16 tháng Giêng, Duyệt sai bày lễ tam sanh cúng tế những người chết về trận ấy! Khi cúng, Duyệt tự đốt nhang khấn khứa, khóc lóc thảm thiết.

- Tánh Duyệt rất ưa hát bộ, mà ở Gia Định trước kia chưa có. Vì đất ấy mới mở mang được từ đời họ Nguyễn, lối hát ấy ở đường ngoài chưa truyền đến nơi. Khi làm Tổng trấn, Duyệt mới lập ra một gánh hát bộ riêng của mình để thỉnh thoảng hát chơi. Con hát của Duyệt luyện tập, đều là những tay đào kép tài giỏi, được vừa ý Duyệt. Lúc còn vua Gia Long, Duyệt sai hát suốt ngày suốt đêm. Đến hồi vua ấy tạ thế, triều đình cấm âm nhạc, Duyệt mới thôi hát.

Nam kỳ có nghề hát bộ là tự bấy giờ.

- Hồi Duyệt theo vua Gia Long ở đậu bên Xiêm, vua Xiêm đối đãi với vua tôi Duyệt không ra thế nào. Duyệt vẫn căm giận không quên. Lúc làm Tổng trấn Gia Định, Duyệt muốn kéo quân đánh Xiêm cho đỡ hờn, nên đã sắm sửa sẵn sàng.

Về mặt bộ, Duyệt có đắp một con đường lớn từ chợ Ông Lãnh qua Trảng Bàng lên Tây Ninh. Đó là Duyệt định sẽ theo đường ấy mà kéo quân lên Nam Vang.

Về mặt thủy, Duyệt khai một cái kênh lớn từ Châu Đốc đến Trà Lơn tức là kênh Vĩnh Tế. Ý Duyệt muốn dùng kênh ấy để vận tải lương thực và thủy quân.

Về quân lính, Duyệt đã thao luyện được một cơ voi, một cơ cạp và mười tám cơ Tuyển phong, Tuyển phong là những binh có biết võ nghệ, mỗi cơ 10 vệ, mỗi vệ 10 đội, mỗi đội 60 người<sup>[50]</sup>. Vậy là lúc ấy Duyệt đã có được một vạn người biết võ nghệ, còn lính khác không kể.

Khí giới lương thực Duyệt cũng dự bị được nhiều lắm rồi.

Chỉ chờ xin được mệnh lệnh của vua Gia Long là kéo quân đi.

Đánh dùng một cái, vua Gia Long chết, thế là việc phải hoãn.

- Từ lúc còn làm Thái giám, đến lúc lên làm Đại tướng Duyệt vẫn gần vua Gia Long luôn luôn. Vua Gia Long rất mến Duyệt, cho nên Duyệt cũng mến vua Gia Long. Lúc làm Tổng trấn Gia Định, nghe tin vua Gia Long bị bệnh, đòi Duyệt về triều, tức thì Duyệt đi luôn ban đêm, trạm ngựa chạy từ Sài Gòn về đến Huế mới hết sáu ngày, coi đó đủ thấy sức khỏe mạnh, tánh hăng hái nóng nảy của Duyệt.

- Sau khi hết tang vua Gia Long, Duyệt có dâng sớ lên vua Minh Mạng xin cho đem quân đánh Xiêm. Nhưng mà vua ấy không nghe, vì ngài là ông vua nhà Nho, không ưa việc chinh chiến. Người ta nói rằng: Lúc ấy vua Minh Mạng vẫn sợ Duyệt tuy không bằng lòng cho Duyệt đánh Xiêm, nhưng cũng nói nhữn rằng: Nhà vua xin ngài hãy đình lại, chứ không dám nói thẳng rằng không cho.

- Theo như tục truyền thì Duyệt cũng hay tin quỷ thần.

Một đêm kia, Duyệt đem quân đi trong đường núi, bỗng có vài chục thú rừng lớn bằng con voi, nằm núp giữa đường. Đám quân đi trước, sợ hãi không dám lại. Duyệt cho đi hỏi, mới biết ở đó có miếu Ngọc Nương thiêng lắm. Duyệt liền khấn thầm mấy câu, giầy lát đàn thú rừng ấy kéo nhau đi hết.

- Ở phủ Quảng Ngãi có một giống cọp vằn đen làm hại cho nhân dân nhiều. Khi Duyệt dẹp mọi Thạch Bích sai quân đuổi hoài không được. Gần đó có miếu Trấn Bắc, thờ Bùi Tá Hán. Duyệt đem quân đóng ở miền ấy, rồi sai binh sĩ đóng một cái cũi rất lớn, đưa vào trong miếu và khấn rằng: “Cọp làm hại dân, thần có trách nhiệm vào đó. Nếu thần có linh phải nộp cọp vào cũi này”.

Sáng mai ra đình, cọp đều nằm nép dưới miếu, cúi đầu rũ rũ, không dám nhảy chạy gầm hét chi cả, mặc cho quân sĩ bắt bỏ vào cũi.

- Có lần nhiều cọp ở truông ổ gà (Hóc Môn) kéo ra làng xóm dân cư quấy nhiễu. Quan huyện Bình Phong phi báo xuống Gia Định, Duyệt sai quân sĩ sửa soạn lên bắt. Tối hôm ấy, dân ở quanh truông nghe cọp gầm hét một hồi, rồi rủ nhau lội qua bưng Tầm Lạc mà tản tác mỗi con đi mỗi nơi. Từ đó trở đi, ở truông ổ gà không còn có tiếng cọp nữa<sup>(51)</sup>.

- Trước khi Duyệt mất, một hôm, trời không giông gió chi hết, cây cột cờ trên thành tự nhiên bị gãy. Hơn một tháng sau, Duyệt đi ra thành, con voi của Duyệt vẫn cuỡi, thỉnh linh nằm phục xuống đất, kêu rống rầm rĩ, đánh hoài không dậy. Duyệt phải đi ngựa, nhưng ngựa cũng không chịu đi, Duyệt lấy làm lạ, bảo với người nhà rằng: “Ta sẽ bị bệnh đến nơi”.

Chẳng bao lâu, quả nhiên Duyệt bị đau rồi mất.

Người ta còn nói lại nhiều chuyện nữa, nhưng đại khái cũng hoang đường như mấy chuyện trên đây. Đó cũng vì Duyệt là một người khác thường, cho nên thiên hạ mới dùng những việc khác thường mà nói thêm cho Duyệt. Sự đó không lạ gì.

--- HẾT ---

# Tủ sách Alpha di sản - Góc nhìn sử Việt

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty Cổ phần Sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

## Sách đã xuất bản:

1. *Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936)* - Nhất Tâm
2. *Giai thoại và sấm ký Trạng Trình* - Phạm Đan Quế
3. *Gia Định Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt* - Ngô Tất Tố
4. *Lương Ngọc Quyến* - Đào Trinh Nhất
5. *Phan Đình Phùng* - Đào Trinh Nhất
6. *Nam Bộ với triều Nguyễn và Huế xưa* - Nguyễn Đắc Xuân
7. *Bắc cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân thời ở Huế* - Nguyễn Đắc Xuân
8. *Vua bà Triệu Ẩu* - Nguyễn Tử Siêu
9. *Ngô Vương Quyền* - Trần Thanh Mại
10. *Việt Nam anh kiệt* - Phạm Minh Kiên
11. *Bánh xe khứ quốc* - Phan Trần Chúc
12. *Việt Nam Lê Thái Tổ* - Nguyễn Chánh Sắt

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>